

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

TRỊNH THỊ HƯƠNG GIANG

**HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM
SAU KHI CÓ LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI**

Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Mã số : 60.34.02.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: TS VŨ ĐÌNH ÁNH

HÀ NỘI, 2017

TÊN ĐỀ TÀI
**HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM
SAU KHI CÓ LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI**

HỌC VIÊN: TRỊNH THỊ HƯƠNG GIANG

Lớp; Tài chính - Ngân hàng, Khóa IV đợt 2 năm 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tác giả đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo qui định của Khoa Tài chính Ngân hàng, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam.

Vậy tác giả viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Tài chính Ngân hàng xem xét để tác giả có thể bảo vệ Luận văn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn

NGƯỜI CAM ĐOAN

Trịnh Thị Hương Giang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI....	6
1.1. Bản chất của bảo hiểm tiền gửi	6
1.2. Kinh nghiệm quốc tế về BHTG	16
Chương 2: HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM TRƯỚC VÀ SAU KHI CÓ LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI.....	30
2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của BHTGVN.....	30
2.2. Hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	30
Chương 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG BHTG THEO LUẬT BHTG.....	60
3.1. Yêu cầu và định hướng tăng cường hoạt động BHTG	60
3.2. Giải pháp tăng cường hoạt động BHTG.....	63
3.3. Kiến nghị.....	71
KẾT LUẬN	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. Danh mục từ viết tắt Tiếng Việt

BHTG	Bảo hiểm tiền gửi
BHTGVN	Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
BKS	Ban kiểm soát
CNTG BHTG	Chúng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi
GSNH	Giám sát ngân hàng
GD	Giám đốc
HĐTL	Hội đồng thanh lý
HDQT	Hội đồng quản trị
KSDB	Kiểm soát đặc biệt
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTW	Ngân hàng Trung ương
NHNNVN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
QTDND	Quỹ tín dụng nhân dân
RCC	Tổng công ty xử lý và tiếp nhận
OCC	Văn phòng kiểm soát tiền tệ
PGĐ	Phó giám đốc
PTGD	Phó tổng giám đốc
TCTD	Tổ chức tín dụng
TCTG BHTG	Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi
TGD	Tổng giám đốc

2. Danh mục từ viết tắt Tiếng Anh

DIV	Deposit Insurance of Vietnamese	BHTGVN Việt Nam
IADI	International Association of Deposit Insurance	Hiệp hội BHTG quốc tế
FDIC	Federal Deposit Insurance Corporation	Tổ chức BHTG Hoa Kỳ
DICJ	Deposit Insurance Corporation of Japan	BHTG Nhật Bản

DANH MỤC HÌNH, BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ

Tên bảng biểu
Hình 2.2.2: Các nghiệp vụ chính của DICJ
Hình 2.2.1. Số lượng tổ TCTG BHTG phát sinh phí BHTG qua các năm (giai đoạn từ năm 2007-2016)
Hình 2.2.2. Phí BHTG thu được theo từng năm
Bảng 2.1.3: Tổng hợp tình hình chi trả BHTG trước Luật BHTG theo địa bàn (2001 -2012)
Bảng 2.1.5: Tổng hợp về hoạt động hỗ trợ tài chính
Biểu 2.2.5: Tổng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi được đầu tư theo các năm
PHỤ LỤC
Hình 1.2.1. Mốc thời gian xử lý và tiếp nhận
Hình 1.2.2. Quá trình xử lý ngân hàng đồ vỡ của FDIC
Hình 1.2.3. Quá trình trả tiền bảo hiểm của FDIC
Hình 2.2: Ngân hàng bắc cầu
Bảng 1.2.1. Một số mốc thay đổi quan trọng trong chính sách BHTG của FDIC
Bảng 1.2.2. Các mô hình giám sát, kiểm tra được FDIC triển khai
Bảng 1.2.3: Các cơ quan quản lý ngân hàng tại Mỹ
Bảng 2.2: Số QTDND và số sổ tiết kiệm đã được BHTGVN chi trả (từ năm 2000 - 2016)
Biểu 2.3: Số lượt kiểm tra theo các năm
Biểu 2.6.1: Tổng hợp QTDND có vấn đề giai đoạn (2010-2016)
Biểu 2.6.2: Tổng hợp kết quả thanh lý
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ Môi quan hệ nghiệp vụ giữa DICJ và RCC
Sơ đồ 2: Sơ đồ bộ máy tổ chức BHTGVN hiện nay

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hiện nay, hệ thống tài chính, ngân hàng sẽ có nhiều cơ hội để phát triển nhờ tiếp thu được công nghệ, kỹ năng quản lý của nước ngoài, nhưng đồng thời hệ thống tài chính của nước ta cũng phải đối mặt với thách thức của sự cạnh tranh và phát triển với nhiều tổ chức tài chính nước ngoài có tiềm lực vốn lớn và công nghệ cao. Để vượt qua áp lực của sự cạnh tranh, Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện cải cách hệ thống tài chính ngân hàng. Theo đó, tiến trình cổ phần hóa các NHTM Nhà nước được thực hiện mạnh mẽ, giảm sự can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính vào việc kinh doanh của các TCTD, nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, sản phẩm dịch vụ của các ngân hàng... Đồng thời, do tiến trình hội nhập, những động thái của thị trường tài chính thế giới sẽ tác động trực tiếp đến hệ thống tài chính ngân hàng Việt Nam. Bên cạnh những rủi ro truyền thống, hệ thống tài chính - ngân hàng của nước ta còn phải đối mặt với nhiều rủi ro mới. Làm thế nào để kiểm soát rủi ro, xây dựng niềm tin của công chúng với hệ thống tài chính - ngân hàng là yêu cầu quan trọng đặt ra với Chính phủ nước ta. Hơn thế nữa, hệ thống tài chính, ngân hàng được coi là “huyết mạch” của nền kinh tế. Sự bất ổn của hệ thống tài chính - ngân hàng sẽ gây ra những bất ổn về mặt xã hội do vậy cần cân bằng giữa sự phát triển mạnh mẽ và sự phát triển ổn định của hệ thống tài chính-ngân hàng. Để đạt được mục tiêu đó, Chính phủ đã sử dụng công cụ tài chính là Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để bảo vệ người gửi tiền và góp phần đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng thông qua các công cụ kiểm soát rủi ro. Hoạt động BHTG ra đời do nhu cầu khách quan của xã hội là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại các TCTG BHTG trong trường hợp tổ chức gặp rủi ro trong kinh doanh tới mức bị phá sản và đóng cửa. Được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2000, đến nay sau 17 năm hoạt động BHTGVN đã chứng minh được vai trò của mình trong việc bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, do thời gian hoạt động chưa nhiều và công tác thông tin tuyên truyền còn có những hạn chế nên công chúng chưa biết nhiều về tổ chức BHTGVN. Trong bối cảnh đổi mới mạnh mẽ của hệ thống tài chính - ngân hàng nhiều quy định của pháp luật điều chỉnh

lĩnh vực BHTG ở Việt Nam cũng được điều chỉnh để hoàn thiện và phù hợp với sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống tài chính – ngân hàng. Để bảo vệ tốt hơn người gửi tiền, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính - ngân hàng và đảm bảo an sinh xã hội, việc ra đời Luật BHTG tại Việt Nam là hết sức cần thiết, xác lập và luật hóa nguyên tắc hoạt động của BHTGVN là hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, đồng thời, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, thực hiện chính sách BHTG góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

Xuất phát từ lý do nêu trên, lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***“Hoạt động bảo hiểm tiền gửi Việt Nam sau khi có Luật bảo hiểm tiền gửi”*** làm đề tài Luận văn Thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hiện nay đã có một số nghiên cứu về BHTG như *“Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam”* của PGS, TS Lê Thị Thu Thủy, nhà xuất bản Đại học Quốc gia năm 2008. Đây là một cuốn sách chuyên khảo có nội dung tổng quan về BHTG, cung cấp cho bạn đọc những thông tin cơ bản nhất về BHTG ở Việt Nam và thế giới, tuy nhiên lại chưa đi sâu vào từng khía cạnh cụ thể của BHTG. Một số công trình khác chủ yếu tập trung vào mô hình tổ chức, quy chế pháp lý và các hoạt động nghiệp vụ thu phí, thanh lý, thu hồi tài sản, giám sát, kiểm tra, xử lý, lợi ích của BHTG... như *“Pháp luật về hoạt động của tổ chức BHTG ở Việt Nam – Thực trạng và hướng hoàn thiện”* của ThS Nguyễn Cửu Lan Phương, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2012. TS. Bùi Hữu Toàn năm 2012, *“Pháp luật về BHTG ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế”*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện khoa học xã hội Việt Nam. *“Bảo hiểm tiền gửi, nguyên lý và định hướng”*, TS Nguyễn Thị Kim Oanh, Nhà xuất bản Lao động xã hội năm 2004; *“Quy chế pháp lý về bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam”*, Ths Lê Thị Thúy Sen, Viện Nhà nước Pháp luật năm 2008. Ngoài ra một số bài viết về vai trò của tổ chức BHTG, chức năng giám sát của tổ chức BHTG, địa vị pháp lý của tổ chức BHTG... được đăng trên các tạp chí Luật học, tạp chí Tài chính ngân hàng, Thời báo Ngân hàng, Thông tin BHTGVN... Bên cạnh đó, cũng có một số luận án, luận văn chuyên ngành luật kinh tế nghiên cứu về vấn đề này như Luận án TS của Hoàng Thu Hằng năm 2012 về *“Pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam”*,

theo đó luận án tập trung đi vào nghiên cứu về địa vị pháp lý của tổ chức BHTGVN, mô hình hoạt động, nội dung hoạt động, công cụ thực hiện hoạt động BHTG; Luận văn thạc sỹ của Nguyễn Duy Hoàn năm 2011 về, “*Pháp luật về tổ chức bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam*” lại tập trung nghiên cứu về nguyên lý tổ chức và hoạt động BHTG tại Việt Nam. Cho đến nay, có thể thấy các công trình chưa đi sâu phân tích khía cạnh quyền và nghĩa vụ hoạt động BHTG của cơ quan BHTGVN.

Đặc biệt, Luật BHTG ra đời có hiệu lực thi hành từ 01/01/2013 ghi nhận một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động của BHTG. Luật BHTG có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cơ quan BHTG nhằm nâng cao địa vị pháp lý và xác định rõ nhiệm vụ và quyền hạn hoạt động BHTG của tổ chức này. Do vậy, việc nghiên cứu sâu khía cạnh tăng cường hoạt động BHTG của cơ quan BHTGVN là rất cần thiết nhằm đánh giá được tính hiệu quả, độc lập và khả năng chủ động trong hoạt động BHTG của cơ quan này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu:

Mục đích nghiên cứu của đề tài là đề xuất giải pháp tăng cường hoạt động BHTG trên cơ sở hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản và phân tích đánh giá thực trạng hoạt động BHTG trước và sau khi có Luật BHTG tại cơ quan BHTGVN.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Luận văn làm rõ vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động BHTG.

Luận văn tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau: Những ưu điểm và nhược điểm trong hoạt động BHTG trước và sau khi có Luật BHTG. Luật BHTG ra đời sẽ giải quyết được những vấn đề gì. Cần làm gì để thực thi Luật BHTG. Luật BHTG cần cụ thể hóa như thế nào. Có cần sửa đổi gì Luật hay không. Tại sao. Nguyên nhân hạn chế tồn tại trong hoạt động BHTG và giải pháp khắc phục.

Nghiên cứu thực tiễn hoạt động BHTG tại Mỹ, Nhật Bản – hai nước có nền kinh tế thị trường đã xây dựng và vận hành một hệ thống BHTG có hiệu quả về mô hình hoạt động, các nguyên tắc bảo hiểm. Đưa ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam từ hoạt động BHTG của Mỹ và Nhật Bản, từ đó đề xuất một số giải pháp kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động BHTGVN trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Hoạt động BHTG do BHTGVN thực hiện trước và sau khi Luật BHTG ra đời và đi vào thực hiện.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Về nội dung: Đề tài nghiên cứu hoạt động BHTG của BHTGVN dưới góc độ của chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng với các nội dung như cơ sở pháp lý, nguyên tắc bảo hiểm, hệ thống các chính sách hiện hành, các nghiệp vụ cho hoạt động BHTG của BHTGVN .

Về không gian: Luận văn nghiên cứu hoạt động BHTG của BHTGVN và một số quốc gia có sự phát triển mạnh về BHTG như Mỹ và Nhật Bản. Hoạt động BHTG rất đa dạng và phức tạp nên Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu một số hoạt động chủ yếu chịu tác động sâu sắc của Luật BHTG.

Về thời gian: Luận văn nghiên cứu hoạt động BHTG của BHTGVN từ trước và sau khi có Luật BHTG đến nay, đề xuất giải pháp đến năm 2020 - 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận:

Luận văn nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận nghiên cứu là chủ nghĩa Mác-Lê Nin, phương pháp luận duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử, kết hợp với các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp và thống kê.

5.2. Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp chủ đạo là so sánh hoạt động BHTG trước và sau khi có Luật BHTG, cả thành công và hạn chế, tìm nguyên nhân hạn chế là từ Luật BHTG hay thực thi Luật hay điều kiện thực thi Luật BHTG từ bên trong BHTGVN và bên ngoài.

Luận văn có sử dụng các giáo trình, các luận văn, luận án, công trình khoa học, tài liệu, số liệu trong và ngoài nước đã công bố có liên quan đến đề tài.

Luận văn cũng kế thừa có chọn lọc những vấn đề lý luận, thực tiễn được các nhà nghiên cứu trước đã đưa ra, những tài liệu được công bố trên tạp chí, bài viết, bài báo, các báo cáo tổng kết của BHTGVN qua các năm, tình hình tài chính – ngân hàng thực tiễn ở Việt Nam và các nguồn tài liệu nước ngoài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận:

Luận giải một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hoạt động BHTG như khái niệm, bản chất, bản chất kinh tế, bản chất pháp lý, khía cạnh pháp lý của các mô hình hoạt động BHTG.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn:

Luận văn đánh giá thực tiễn hoạt động BHTG của BHTGVN trước và sau khi có Luật BHTG, từ đó chỉ ra những bất cập và phương hướng hoàn thiện về hoạt động BHTG ở Việt Nam.

Những kết quả nghiên cứu của Luận văn sẽ là tài liệu tham khảo cho hoạt động BHTG của các nhà hoạch định chính sách BHTG tại Việt Nam. Đồng thời, đó cũng là tài liệu tham khảo hữu ích cho các hoạt động nghiên cứu, học tập về tài chính, tài chính - ngân hàng, BHTG ở Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung chính của đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Chương 2: HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM TRƯỚC VÀ SAU KHI CÓ LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Chương 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG BHTG THEO LUẬT BHTG

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1.1. Bản chất của bảo hiểm tiền gửi

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của bảo hiểm tiền gửi

1.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển bảo hiểm tiền gửi

Khái niệm BHTG đã được nhiều quốc gia biết đến từ lâu. Khi hoạt động BHTG công khai chưa xuất hiện, bảo vệ tiền gửi đã được nhiều quốc gia thực hiện dưới các hình thức “bảo vệ ngầm”. Hình thức bảo vệ ngầm là việc NHNN hay Chính phủ có cam kết không công khai sẽ đảm bảo hoàn trả tiền gửi cho người gửi tiền nếu có hoạt động đóng cửa ngân hàng hoặc ngân hàng đó không có khả năng thanh toán cho người gửi tiền. Vì là cam kết không công khai nên không hình thành hợp đồng bảo hiểm giữa người gửi tiền với ngân hàng hoặc NHNN. Xuất phát từ “bảo vệ ngầm” mà hình thức “bảo vệ công khai” hay BHTG ra đời. Bảo vệ tiền gửi công khai là chính sách đảm bảo tất cả hay một phần tiền gửi cùng với tiền lãi nhập gốc trên tài khoản tiền gửi sẽ được thanh toán cho người gửi tiền theo cơ chế hợp đồng hoặc cam kết công khai và xuất hiện đầu tiên ở New York (Mỹ) với tên gọi “Chương trình bảo vệ trách nhiệm ngân hàng”.

Tình hình hoạt động của các ngân hàng Mỹ đầu những năm 30 tiếp tục khó khăn, đặc biệt cuộc khủng hoảng tài chính lớn nhất lịch sử những năm 1929-1933 đã khiến cho hơn 4.000 ngân hàng cùng 1.700 TCTD tại Mỹ bị đóng cửa. Công ty BHTG Liên bang Mỹ (FIDC) ra đời vào 1/1/1934. Đây là mô hình được xem là hình mẫu đầu tiên về BHTG. FIDC ra đời đã lấy lại lòng tin của dân chúng sau hàng loạt các cuộc sụp đổ ngân hàng, FIDC đã giúp cho nước Mỹ thoát khỏi những khó khăn kinh tế và tiếp tục phát triển. FIDC mang lại thành công cho nền kinh tế Mỹ, các quốc gia khác trên thế giới đã nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động BHTG đối với sự phát triển ổn định của nền kinh tế và từ đó thành lập tổ chức BHTG cho riêng nước mình. Những năm 1960, trên thế giới chỉ có 6 quốc gia xây dựng hệ thống BHTG là Ấn Độ, Na Uy, Philippin, Canada, Phần Lan, Cộng hòa Dominican, năm 70 đã có thêm 5 quốc gia (Argentina, Tây Ban Nha, Hà Lan, Bỉ, Áo). Hầu hết các quốc gia đều xây dựng hệ thống BHTG vào cuối những năm 1990, Về thực chất, cam kết

công khai này hình thành hợp đồng bảo hiểm giữa ba đối tác: tổ chức BHTG, TCTG BHTG (là tổ chức huy động tiền gửi) và người gửi tiền (người gửi tiền thuộc đối tượng được BHTG).

1. Bảo hiểm tiền gửi là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được BHTG trong hạn mức trả tiền bảo hiểm khi TCTG BHTG lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản.

2. Người được BHTG là cá nhân có tiền gửi được bảo hiểm tại TCTG BHTG.

3. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật các TCTD được nhận tiền gửi của cá nhân.

4. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện chính sách BHTG, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

5. Phí bảo hiểm tiền gửi là khoản tiền mà TCTG BHTG phải nộp cho tổ chức BHTG để bảo hiểm cho tiền gửi của người được BHTG tại TCTG BHTG.

BHTG là một loại hình bảo hiểm phi thương mại, các TCTD và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng nhận tiền gửi của cá nhân... thì phải tham gia đóng phí BHTG cho Tổ chức BHTG của quốc gia theo quy định. Khi xảy ra rủi ro, tức là tổ chức được bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc chi trả cho người gửi tiền thì tổ chức BHTG sẽ là người có trách nhiệm đứng ra thay TCTD đó trả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền tại TCTD. BHTG là cơ chế bảo hiểm nhằm đảm bảo sự ổn định của hệ thống tín dụng thông qua việc đảm bảo chi trả một phần hoặc toàn bộ số tiền gửi cho người gửi tiền tại các TCTD mất khả năng thanh toán. Như vậy, BHTG là công cụ quan trọng nhằm tạo tâm lý ổn định xác lập lòng tin cho người gửi tiền vào hệ thống tín dụng. Qua đó, BHTG đã góp phần ngăn ngừa được sự sụp đổ mang tính dây chuyền khi một hay một số TCTD trong hệ thống bị mất khả năng thanh toán tạm thời hoặc toàn bộ. Vì những ý nghĩa đó, BHTG đã trở thành một nghiệp vụ bắt buộc đối với các TCTD có hoạt động ngân hàng ở hầu hết các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam.

Tại Việt Nam, trong Nghị định 89/1999/NĐ-CP, ngày 01/09/1999 của Chính phủ về BHTG không có định nghĩa cụ thể về BHTG nhưng đã nêu rõ ba mục đích cơ bản của

hoạt động BHTG tại Việt Nam như sau: “Hoạt động BHTG tại Việt Nam nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền; góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD; bảo đảm sự phát triển an toàn lành mạnh hoạt động ngân hàng”. Như vậy ta có thể hiểu một cách khái quát về BHTG như sau: “BHTG là cam kết công khai của tổ chức BHTG đối với TCTD BHTG về việc tổ chức BHTG sẽ trả tiền gửi bao gồm một phần hoặc toàn bộ phần gốc và lãi cho người gửi tiền khi TCTD BHTG bị chấm dứt hoạt động và không có khả năng thanh toán cho người gửi tiền”.

1.1.1.2. Vai trò và đặc điểm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi

*** Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi**

Vai trò của tổ chức BHTG tùy theo mô hình mà tổ chức đó được quy định cho phép các tổ chức có thể thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác nhau nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo sự phát triển an toàn của hệ thống ngân hàng.

BHTG có vai trò rất quan trọng đối với sự ổn định phát triển kinh tế - xã hội. Nó góp phần bảo vệ người gửi tiền, đảm bảo sự an toàn lành mạnh hoạt động ngân hàng, thúc đẩy huy động vốn phục vụ phát triển và xử lý khủng hoảng tài chính. BHTG có mục đích cơ bản sau: i) Bảo vệ người gửi tiền ít, có hạn chế về mặt thông tin đối với hoạt động của các tổ chức nhận tiền gửi. ii) Góp phần đảm bảo hệ thống tài chính - ngân hàng hoạt động lành mạnh, ổn định và ngăn chặn đổ vỡ ngân hàng thông qua các hoạt động nghiệp vụ. iii) Góp phần xây dựng thị trường tài chính lành mạnh, có tính cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức tài chính với quy mô và loại hình khác nhau. iv) Giảm thiểu gánh nặng cho Chính phủ trong trường hợp xử lý đổ vỡ của TCTD; giảm gánh nặng cho người dân đóng thuế trong trường hợp ngân hàng đổ vỡ (Nhà nước không phải sử dụng ngân sách nhà nước để xử lý đổ vỡ của các TCTD). Ngoài ra, vai trò của tổ chức BHTG đối với đảm bảo sự phát triển an toàn, bền vững của hệ thống ngân hàng được thể hiện trên ba giác độ:

Một là, hoạt động BHTG có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng mới ra đời hoặc ngân hàng với quy mô hoạt động hạn chế có điều kiện phát triển tốt hơn. Với các ngân hàng nhỏ hay ngân hàng mới đi vào hoạt động, người dân có tâm lý lo ngại có thể mất tiền gửi do ngân hàng nhận tiền gửi "bị đóng cửa". Tuy nhiên, khi

các tổ chức này tham gia BHTG thì tâm lý này sẽ được giải toả, giúp ngân hàng phát triển tốt hơn.

Hai là, hoạt động BHTG giúp các ngân hàng thực sự yếu kém, không thể tiếp tục duy trì hoạt động có thể rút khỏi lĩnh vực kinh doanh ngân hàng một cách có trật tự, không ảnh hưởng tới các ngân hàng khác. Thông qua hoạt động của nghiệp vụ kiểm tra và giám sát của mình, tổ chức BHTG có khả năng đánh giá kịp thời thực trạng hoạt động của các ngân hàng tham gia BHTG. Chẳng hạn, trong trường hợp phát hiện ngân hàng nào đó hoạt động yếu kém, không hiệu quả thì tổ chức BHTG sẽ triển khai một số biện pháp hỗ trợ, như: (1) chi trả BHTG cho người gửi tiền thuộc đối tượng BHTG; (2) áp dụng một số biện pháp xử lý theo thẩm quyền (3) tham gia vào quá trình thanh lý tài sản của ngân hàng đó để tiếp tục bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền có tiền lớn hơn hạn mức chi trả BHTG.

Ba là, hoạt động BHTG tạo động lực để các ngân hàng giám sát lẫn nhau, thúc đẩy nhau nâng cao chất lượng hoạt động, từ đó đảm bảo sự phát triển bền vững của cả hệ thống tài chính ngân hàng quốc gia.

*** Đặc điểm của Bảo hiểm tiền gửi**

- *BHTG là loại hình bảo hiểm trách nhiệm dân sự* của tổ chức huy động tiền gửi đối với người gửi tiền, “Trách nhiệm dân sự” trong trường hợp này là trách nhiệm hoàn trả tiền gửi (gồm cả gốc và lãi) cho người gửi tiền khi có rủi ro mất khả năng thanh toán xảy ra đối với tổ chức đó.

- *BHTG là loại hình bảo hiểm bắt buộc và phi thương mại*. Đây là loại hình bảo hiểm bắt buộc bởi mọi tổ chức có hoạt động huy động tiền gửi đều phải tham gia BHTG nhằm bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và sự an toàn của hệ thống ngân hàng và hầu hết tất cả các quốc gia trên thế giới đều có quy định này trong Luật điều chỉnh hoạt động BHTG. *BHTG là hoạt động phi thương mại* vì BHTG hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận mà với mục tiêu lớn nhất là bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững ổn định hệ thống tài chính quốc gia.

1.1.2. Mục tiêu, đối tượng của Bảo hiểm tiền gửi

1.1.2.1. Mục tiêu của BHTG

+ *Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền*: Là mục tiêu hàng đầu của BHTG. Tổ

chức BHTG ra đời là để bảo vệ quyền lợi của những người gửi tiền tại các ngân hàng và các định chế tài chính khác khi họ gặp rủi ro. Người gửi tiền chính là những người cho các ngân hàng vay tiền hoặc có những khoản tiền có tính chất như các khoản tiền gửi tại một số định chế tài chính khác như tiền trên tài khoản kinh doanh chứng khoán tại công ty chứng khoán, hoặc tiền tại các công ty bảo hiểm.

+ *Bảo đảm sự an toàn của hệ thống tài chính – tiền tệ quốc gia, tránh đổ vỡ dây chuyền hoặc khủng hoảng*: BHTG trước hết tạo ra cơ chế giám sát, cảnh báo, ngăn chặn và hỗ trợ các TCTG BHTG phòng tránh rủi ro trong kinh doanh. Sau nữa, hệ quả của việc BHTG mang lại chính là tạo tâm lý an toàn cho tất cả những người gửi tiền, tránh tình trạng rút tiền đồng loạt của những người gửi tiền khi có sự đổ vỡ của một hoặc một vài ngân hàng, ngăn chặn được sự lây lan trong đổ vỡ tín dụng, tạo hiệu ứng dây chuyền trong hệ thống các ngân hàng và các tổ chức huy động tiền gửi

+ *Tạo ra một cơ chế BHTG chính thức trong việc xử lý đổ vỡ ngân hàng*: Tùy thuộc vào nhận thức của Nhà nước và khả năng tài chính của Chính phủ mà tổ chức BHTG được thành lập hoặc không, hoặc thành lập ở cấp độ như thế nào. Đến nay, trên thế giới đã có 103 quốc gia có tổ chức BHTG, 16 quốc gia khác đang xúc tiến việc nghiên cứu thành lập. Các quốc gia còn lại, Chính phủ không tuyên bố BHTG cho dân cư và cũng không thành lập tổ chức BHTG mà sẽ xử lý đổ vỡ, thực hiện chi trả BHTG theo từng trường hợp cụ thể. Khi có đổ vỡ thì tùy từng trường hợp và hoàn cảnh cụ thể Chính phủ sẽ tuyên bố có BHTG cho người dân hay không và bảo hiểm đến đâu là tùy thuộc vào ý chí và khả năng tài chính của Chính phủ.

+ *Giảm gánh nặng tài chính cho Chính phủ, tạo sự công bằng và động lực cạnh tranh cho các TCTG BHTG*: Tổ chức BHTG được lập ra là để giúp Chính phủ gánh vác trách nhiệm bảo hiểm cho người gửi tiền.

1.1.2.2. Đối tượng của Bảo hiểm tiền gửi

1.1.2.2.1. Tổ chức tham gia BHTG

TCTG BHTG là các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi của cá nhân, bao gồm NHTM, ngân hàng hợp tác xã, QTDND và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các TCTD.

1.1.2.2.2. Tổ chức BHTG

Tổ chức BHTG là tổ chức tài chính do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ. Tổ chức BHTG có tư cách pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí, thực hiện chính sách BHTG, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

1.1.2.2.3. Người gửi tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm

Người gửi tiền thuộc đối tượng được bảo hiểm (người được bảo hiểm) là cá nhân có tiền gửi được bảo hiểm tại TCTG BHTG. Người gửi tiền có tiền gửi thuộc đối tượng được bảo hiểm sẽ được lợi trực tiếp từ chính sách BHTG qua việc họ được tổ chức BHTG chi trả tiền bảo hiểm, khi tổ chức nhận tiền gửi của họ bị đóng cửa và mất khả năng thanh toán.

1.1.2.2.4. Các loại tiền gửi thuộc đối tượng được bảo hiểm

Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại TCTG BHTG dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu.

1.1.3. Các công cụ của Bảo hiểm tiền gửi

1.1.3.1. Chứng nhận tham gia Bảo hiểm tiền gửi

CNTG BHTG là một loại văn bản pháp lý do BHTGVN cấp cho các tổ chức tín dụng tham gia BHTG bắt buộc (ngoại trừ Ngân hàng Chính sách xã hội) để chứng nhận rằng các tổ chức này đã được tham gia BHTG và được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về BHTG. Việc cấp CNTG BHTG được coi là cơ sở pháp lý nhằm đảm bảo việc thực hiện chính sách của Nhà nước về BHTG, đồng thời cũng khẳng định sự cam kết của BHTGVN đối với người gửi tiền tại các TCTG BHTG, đó là quyền và lợi ích hợp pháp của họ đã được bảo vệ, ngay cả khi TCTG BHTG đó bị giải thể, phá sản.

*** Về cấp CNTG BHTG:** TCTG BHTG sẽ được cấp mới CNTG BHTG khi mới thành lập hoặc được hình thành sau khi hợp nhất theo quy định của pháp luật trong vòng 15 ngày trước ngày khai trương hoạt động.

*** Về cấp bản sao CNTG BHTG:** TCTG BHTG phải đề nghị BHTGVN cấp bản sao CNTG BHTG để niêm yết theo quy định khi thành lập chi nhánh và các điểm giao dịch có nhận tiền gửi.

*** Về cấp lại CNTG BHTG:** Theo quy định hiện nay, các TCTG BHTG sẽ được cấp lại CNTG BHTG trong các trường hợp sau: (i) Được phục hồi hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân; (ii) CNTG BHTG bị mất, rách nát, hư hỏng; (iii) Thay đổi tên hoạt động, kể cả trường hợp thay đổi tên hoạt động khi TCTG BHTG nhận sáp nhập.

*** Về việc tạm thu hồi CNTG BHTG:** TCTG BHTG sẽ bị tạm thu hồi CNTG BHTG khi NHNN có văn bản tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi theo quy định của pháp luật.

*** Về thu hồi CNTG BHTG:** TCTG BHTG sẽ bị thu hồi CNTG BHTG khi NHNN có văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật trong trường hợp bị giải thể, phá sản, bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập.

1.1.3.2. Tiền gửi được và không được bảo hiểm

** Tiền gửi được bảo hiểm*

Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại TCTG BHTG dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của Luật các TCTD (trừ các loại tiền gửi quy định tại mục 3.2.2).

** Tiền gửi không được bảo hiểm*

Tiền gửi tại TCTD của cá nhân là người sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính TCTD đó. Tiền gửi tại TCTD của cá nhân là thành viên Hội đồng thành viên, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD (GD), Phó TGD (PGD) của chính TCTD đó; tiền gửi tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài của cá nhân là TGD (GD), Phó TGD (PGD) của chính chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó. Tiền mua các giấy tờ có giá vô danh do TCTG BHTG phát hành.

1.1.3.3. Phí Bảo hiểm tiền gửi

** Khái niệm Phí bảo hiểm tiền gửi*

Phí BHTG là khoản tiền mà TCTG BHTG phải nộp cho BHTGVN để bảo hiểm cho tiền gửi của người được BHTG tại TCTG BHTG. Thủ tướng Chính phủ quy định

khung phí BHTG theo đề nghị của NHNNVN; NHNNVN quy định mức phí BHTG cụ thể đối với TCTG BHTG trên cơ sở kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức này. Phí BHTG được tính và nộp định kỳ hàng quý trong năm tài chính, được hạch toán vào chi phí hoạt động của TCTG BHTG.

** Phương pháp tính phí BHTG*

Cơ sở tính phí BHTG là số dư bình quân tiền gửi được bảo hiểm và mức phí BHTG theo quy định. Số dư bình quân tiền gửi được bảo hiểm là toàn bộ số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm TCTG BHTG của quý trước liền kề quý thu phí.

Công thức tính phí BHTG định kỳ hàng quý (*phụ lục đính kèm*)

1.1.3.4. Chi trả Bảo hiểm tiền gửi

** Thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm*

Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ thời điểm NHNNVN có văn bản chấm dứt KSDB hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà TCTD là TCTG BHTG vẫn lâm vào tình trạng phá sản hoặc NHNN có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài là TCTG BHTG mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

** Thời hạn trả tiền bảo hiểm*

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức BHTG có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được BHTG.

** Hạn mức trả tiền bảo hiểm*

Hạn mức trả tiền bảo hiểm là số tiền tối đa mà tổ chức BHTG trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một TCTG BHTG khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Thủ tướng Chính phủ quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của NHNN trong từng thời kỳ.

** Số tiền bảo hiểm được trả*

1. Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một TCTG BHTG bao gồm tiền gốc và tiền lãi.

2. Số tiền bảo hiểm được trả trong trường hợp nhiều người sở hữu chung tiền gửi được BHTG được quy định như sau:

a) Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của nhiều người sở hữu chung tại một TCTG BHTG bao gồm tiền gốc và tiền lãi. Số tiền bảo hiểm được trả sẽ được chia theo thỏa thuận của các đồng chủ sở hữu; trường hợp giữa các đồng chủ sở hữu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp một trong các đồng chủ sở hữu có khoản tiền gửi khác được bảo hiểm tại cùng một TCTG BHTG thì tổng số tiền bảo hiểm được trả cho một đồng chủ sở hữu không vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm.

3. Trường hợp người được BHTG có khoản nợ tại TCTG BHTG thì số tiền gửi được bảo hiểm là số tiền còn lại sau khi trừ khoản nợ đó.

** Thủ tục trả tiền bảo hiểm*

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, TCTG BHTG phải gửi hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm cho TCTG BHTG. Hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm bao gồm văn bản đề nghị trả tiền bảo hiểm, danh sách người được BHTG, số tiền gửi của từng người được BHTG và số tiền bảo hiểm đề nghị tổ chức BHTG chi trả. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tổ chức BHTG tiến hành kiểm tra các chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra theo quy định tổ chức BHTG phải có phương án trả tiền bảo hiểm cho người được BHTG. Khi nhận tiền bảo hiểm, người được BHTG phải xuất trình các giấy tờ gốc chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm tại TCTG BHTG. Tổ chức BHTG trực tiếp trả tiền bảo hiểm cho người được BHTG hoặc ủy quyền cho TCTG BHTG khác thực hiện.

** Xử lý số tiền gửi vượt hạn mức trả tiền bảo hiểm*

Số tiền gửi của người được BHTG bao gồm tiền gốc và tiền lãi vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm sẽ được giải quyết trong quá trình xử lý tài sản của TCTG BHTG theo quy định của pháp luật.

** Thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ TCTG BHTG*

Tổ chức BHTG trở thành chủ nợ của TCTG BHTG đối với số tiền bảo hiểm phải trả cho người được BHTG kể từ ngày chi trả tiền bảo hiểm. Tổ chức BHTG được phân

chia giá trị tài sản theo thứ tự như người gửi tiền và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả trong quá trình xử lý tài sản của TCTG BHTG theo quy định của pháp luật.

1.1.3.5. Kiểm tra và giám sát tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

** Kiểm tra TCTG BHTG*

Hoạt động kiểm tra các TCTG BHTG là một trong những nghiệp vụ quan trọng nhất của BHTGVN và được thực hiện ngay từ khi BHTGVN mới thành lập. Về nội dung và phạm vi kiểm tra theo Luật BHTG, BHTGVN có trách nhiệm “theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG; kiến nghị NHNN xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về BHTG”.

Hoạt động kiểm tra tại chỗ của BHTGVN góp phần nâng cao nhận thức của các TCTG BHTG về chính sách BHTG, ý thức tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về BHTG và các quy định, hướng dẫn của BHTGVN.

** Giám sát TCTG BHTG*

Hoạt động giám sát của tổ chức BHTG đối với tổ chức nhận tiền gửi có vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa những hậu quả xấu từ sự đổ vỡ của những tổ chức này, đồng thời góp phần quan trọng vào việc hạn chế rủi ro đạo đức trong hoạt động của các TCTG BHTG. Hiện nay, hoạt động GSNH chính thức được luật hóa và được thực hiện bởi NHNNVN thông qua Cơ quan Thanh tra, GSNH trực thuộc NHNVN. Nhưng quy định này đã dẫn đến sự chồng chéo trong chức năng của các cơ quan có thẩm quyền trong giám sát hoạt động của tổ chức nhận tiền gửi.

Chức năng giám sát của BHTG là việc tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin về TCTG BHTG nhằm phát hiện và kiến nghị NHNN xử lý kịp thời những vi phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng, rủi ro gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng.

BHTGVN đã thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục đối với 100% các TCTG BHTG. BHTGVN đã tổng hợp phân tích và xử lý thông tin về TCTG BHTG nhằm phát hiện và kiến nghị NHNN xử lý kịp thời những vi phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng. Qua các kỳ báo cáo giám sát, BHTGVN đã phát hiện nhiều trường hợp các TCTD vi phạm quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro

có thể gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng. BHTGVN đã gửi báo cáo và kiến nghị NHNN xử lý các trường hợp vi phạm.

1.1.3.6. Nguồn vốn hoạt động và đầu tư

** Nguồn vốn hoạt động của BHTG*

Nguồn vốn hoạt động của BHTGVN bao gồm: Vốn điều lệ của tổ chức BHTG do ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu từ phí BHTG, nguồn thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của tổ chức BHTG, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

** Hoạt động đầu tư của bảo hiểm tiền gửi*

Tổ chức BHTG được sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNNVN và gửi tiền tại NHNNVN.

1.1.3.7. Tham gia vào kiểm soát đặc biệt

Kiểm soát đặc biệt là việc một TCTD bị đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của NHNN do có nguy cơ mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật dẫn đến nguy cơ mất an toàn hoạt động. Căn cứ vào thực trạng tài chính, mức độ rủi ro và vi phạm pháp luật của TCTD, NHNNVN xem xét, quyết định đặt TCTD vào tình trạng KSĐB dưới hình thức giám sát đặc biệt hoặc kiểm soát toàn diện.

1.2. Kinh nghiệm quốc tế về BHTG

Hệ thống BHTG trên thế giới tiếp tục đóng vai trò tích cực trong xử lý khủng hoảng và giải quyết khó khăn của hệ thống ngân hàng các nước. Cơ sở pháp lý, cơ chế, chính sách cho hoạt động BHTG quốc tế tiếp tục được củng cố nhằm phù hợp với thực tiễn, bảo vệ tốt hơn người gửi tiền, duy trì niềm tin, góp phần đảm bảo ổn định hệ thống tài chính – ngân hàng.

1.2.1. Hoạt động bảo hiểm tiền gửi của Mỹ

1.2.1.1. Khái quát

Mỹ là quốc gia đầu tiên trên thế giới xây dựng hệ thống BHTG và có một bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực BHTG. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 nền kinh tế Mỹ cũng giống như các nền kinh tế khác rơi vào suy thoái nặng nề. Chính phủ Mỹ đã tiến hành các biện pháp nhằm khôi phục nền kinh tế như hạ lãi suất, cho vay ưu đãi, trợ cấp sản xuất. Việc tiến hành xây dựng hệ thống BHTG quốc gia

được coi là một đối sách nhằm củng cố lòng tin của dân chúng, thu hút nguồn tiền nhàn rỗi để tập trung cho đầu tư và phát triển, khôi phục lại mạng lưới thanh toán quốc gia. Ban đầu hệ thống BHTG của Mỹ gồm nhiều quỹ BHTG riêng rẽ thuộc sở hữu Nhà nước như Quỹ BHTG thuộc hội đồng các ngân hàng cho vay mua nhà của liên bang, Công ty bảo hiểm tiết kiệm và cho vay liên bang, Công ty BHTG liên bang. Theo quy định của Chính phủ Mỹ, tất cả các tổ chức được phép huy động tiền gửi đều phải tham gia ít nhất một TCTG BHTG.

Công ty BHTG liên bang Mỹ (FDIC), ra đời ngày 1/1/1934, tại thời điểm FDIC khai trương hoạt động có 13.201 ngân hàng tham gia, trong đó có 12.987 NHTM (chiếm 90% tổng số NHTM đang hoạt động) và 214 ngân hàng tiết kiệm (chiếm 36% tổng số ngân hàng tiết kiệm đang hoạt động). FDIC là nơi triển khai hoạt động BHTG đầu tiên, là tổ chức điển hình trong triển khai đồng bộ ba loại nghiệp vụ và phát huy tối đa hiệu quả của chính sách BHTG trong bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, kiểm soát rủi ro trong hoạt động ngân hàng, là mô hình được nhiều nước trên thế giới tham khảo để thành lập và cải tiến hoạt động BHTG. Thành công của chính sách BHTG ở Mỹ có thể được tóm tắt ở một số điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, sự ra đời và triển khai chính sách BHTG ở Mỹ đã khẳng định năng lực kiểm soát rủi ro ngân hàng của chính sách BHTG theo mô hình chức năng đầy đủ là rất lớn: Từ tháng 10 năm 1929 đến cuối năm 1933, thời điểm ra đời của FDIC đã có 4.000 ngân hàng đổ vỡ. Giai đoạn từ năm 1934-1941 đã có 370 NH đóng cửa, nhưng FDIC đã tạo điều kiện để các ngân hàng này rút khỏi lĩnh vực hoạt động ngân hàng mà không ảnh hưởng đến các ngân hàng khác. Giai đoạn từ năm 1982-1991 có hơn 1.400 ngân hàng lâm vào tình trạng nguy kịch, có thể dẫn đến đóng cửa, nhờ sự hỗ trợ tài chính của FDIC, 131 ngân hàng trong số các NH đó đã vượt qua được khó khăn và duy trì được hoạt động.

Thứ hai, quyền lợi của người gửi tiền được bảo vệ kịp thời, giảm tổn thất cho người gửi tiền, ngân hàng và nền kinh tế: Năm 1934 đến 1997, ở Mỹ có 2.192 ngân hàng đổ vỡ, đã được FDIC giải quyết nhanh gọn, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tới hệ thống ngân hàng Mỹ. Trong bản kế hoạch giải cứu ngành tài chính trị giá 700 tỉ USD được quốc hội thông qua ngày 1.10.2008, FDIC đã nâng hạn mức BHTG từ 100.000

USD lên đến 250.000 USD, để củng cố niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống tài chính FDIC còn cam kết mức chi trả 250.000 USD được duy trì lâu dài, cho đến khi có quy định mới.

Thứ ba, Mỹ dành nhiều quan tâm tới giám sát hoạt động ngân hàng: Ngay sau khi thành lập, FDIC đã cử 4.000 kiểm tra viên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các ngân hàng nhằm đánh giá tiêu chí là thành viên của FDIC.

Thứ tư, nguồn lực để triển khai chính sách BHTG ở Mỹ được đầu tư rất lớn: có cơ sở pháp lý cao (Luật BHTG) ngay từ đầu và được điều chỉnh kịp thời trong quá trình triển khai; có nguồn tài chính lớn và có cơ chế huy động tài chính thích ứng với đặc thù và vai trò quan trọng của chính sách BHTG trong giải quyết rủi ro của lĩnh vực tài chính- ngân hàng; có nguồn nhân lực lớn đáp ứng yêu cầu triển khai của chính sách. Nguồn vốn của FDIC không phải do ngân sách cấp mà được hình thành từ phí bảo hiểm và lợi nhuận đầu tư vào trái phiếu của Bộ Tài chính.

1.2.1.2. Tình hình hoạt động của FDIC

Dựa trên khảo sát gần đây của Hiệp hội BHTG quốc tế (IADI), tỉ lệ phần trăm các tổ chức BHTG có vai trò quan trọng trong xử lý ngân hàng đã tăng từ khoảng 50% năm 2005 lên gần 65% năm 2011. Riêng Mỹ, chỉ trong thời gian 2010– 2014, FDIC đã xử lý 342 TCTG BHTG bị đổ vỡ với tổn thất ước tính sau khi xử lý là 29.310.206 nghìn USD mà không sử dụng ngân sách Nhà nước. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của công cụ BHTG hiệu quả trong mạng lưới an toàn tài chính quốc gia.

*** Phí BHTG:** Chính sách phí của FDIC không những đã lập quỹ BHTG phục vụ chi trả BHTG, mà còn giúp nâng cao hoạt động kinh doanh của các TCTG BHTG nhất là sau khi thay đổi phí đồng hạng bằng phí theo mức độ rủi ro (năm 1993).

Một số mốc thay đổi quan trọng trong chính sách phí BHTG của FDIC (*phụ lục đính kèm*).

*** Công tác kiểm tra, giám sát:** Mục tiêu của chức năng kiểm tra, giám sát, cảnh báo sớm là phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề ngay khi phát sinh; xác định ưu tiên, phạm vi và tần suất tiến hành giám sát; đồng thời tiến hành can thiệp trước khi quá muộn để giảm thiểu rủi ro. Để đảm bảo hiệu quả giám sát, hệ thống BHTG cần được tiếp cận đầy đủ, chính xác, kịp thời nguồn thông tin từ TCTG BHTG hoặc

thông qua hệ thống dữ liệu chia sẻ với các cơ quan giám sát khác. Trên thực tế, phần lớn các cơ quan giám sát ngân hàng và tổ chức BHTG hoạt động theo mô hình giảm thiểu rủi ro sử dụng kết hợp phương pháp định tính và định lượng nhằm phát hiện các ngân hàng yếu kém, tiềm ẩn rủi ro đe dọa sự lành mạnh về tài chính của các tổ chức nhận tiền gửi. Mỹ sử dụng hệ thống xếp hạng giám sát CAEL và thường dựa vào cả những kết quả kiểm tra tại chỗ và phân tích từ xa thông tin quản lý và thông tin sẵn có khác, bao gồm cả các báo cáo kiểm tra tại chỗ. Trên cơ sở các thông tin về giám sát và thị trường, FDIC sẽ xây dựng các mô hình phát hiện rủi ro (*phụ lục đính kèm*), chuẩn bị các báo cáo phân tích tóm tắt và các báo cáo khác, đánh giá xếp hạng rủi ro các TCTG BHTG để xếp hạng và đưa ra hành động giám sát đối với các tổ chức này. Bên cạnh đó, FDIC thu thập thông tin về các TCTG BHTG và phối hợp các cơ quan ngân hàng liên bang khi phát hiện các vấn đề. Nếu cơ quan này không thực hiện đề nghị hành động, FDIC có thể chủ động triển khai trong trường hợp cần thiết.

*** FDIC trong quá trình tái cơ cấu TCTD yếu kém:** Để bảo vệ người gửi tiền, FDIC có phản ứng ngay lập tức khi ngân hàng hoặc quỹ tiết kiệm đổ vỡ. Các tổ chức này thông thường do cơ quan quản lý cấp bang hoặc Văn phòng kiểm soát tiền tệ (OCC) đóng cửa. FDIC có thể lựa chọn xử lý tổ chức đổ vỡ theo nhiều cách, nhưng phổ biến nhất là bán tiền gửi và nợ của tổ chức đổ vỡ cho một tổ chức khác. Khách hàng của tổ chức đổ vỡ trở thành khách hàng của tổ chức đã mua lại. Phần lớn quá trình chuyển giao này đối với khách hàng không gây ra bất kỳ gián đoạn nào.

Hình 1.2.1: Mốc thời gian xử lý và tiếp nhận (*phụ lục đính kèm*)

Hình 1.2.2: Quá trình xử lý ngân hàng đổ vỡ của FDIC (*phụ lục đính kèm*)

Phương pháp tái cơ cấu phổ biến nhất mà FDIC áp dụng:

- *Mua bán & Tiếp nhận (P&A)*: Toàn bộ tiền gửi hoặc tiền gửi được bảo hiểm sẽ được tiếp nhận. Ngoài ra, tổ chức tiếp nhận được khuyến khích mua càng nhiều tài sản càng tốt, trừ một số ngoại lệ như chứng khoán không được lưu thông hoặc các khoản nợ sai trái. Phương pháp này sẽ tạo thuận lợi cho FDIC trong quá trình thanh lý sau đó. FDIC và tổ chức tiếp nhận cùng chia sẻ tổn thất. FDIC chấp nhận tiếp nhận một phần lỗ thực tế đối với nhóm tài sản cụ thể để bảo đảm giá trị và duy trì được tài sản đó trong

hoạt động ngân hàng. Tỷ lệ chia sẻ thường là 80/20% đối với FDIC và tổ chức tiếp nhận. Nó cũng chỉ được áp dụng đối với các khoản vay thương mại hoặc cho vay tiêu dùng hộ gia đình. Biện pháp này thường được áp dụng trong giai đoạn khủng hoảng. FDIC chia các khoản nợ của ngân hàng thành từng gói tương đồng và bán theo hình thức P&A cơ bản. FDIC thực hiện bán tài sản: Mục tiêu là xử lý tổ chức đổ vỡ với chi phí thấp nhất, đảm bảo sự ổn định và niềm tin công chúng và đảm bảo quá trình này được bảo mật, minh bạch và công bằng.

- *Ngân hàng bắc cầu*: Trong trường hợp ngân hàng đổ vỡ và trong thời gian cho phép, FDIC không có đủ thời gian để thực hiện việc đánh giá và bán tài sản, OCC sẽ thành lập một ngân hàng tạm thời do FDIC quản lý để xử lý ngân hàng đổ vỡ.

- *Hỗ trợ tài chính*: Trước khi Luật Dodd-Frank ra đời (2010), FDIC có sử dụng biện pháp hỗ trợ ngân hàng mở, dù biện pháp này cũng được áp dụng một cách khá hạn chế. Trên thực tế, từ năm 1992, luật pháp Mỹ đã hạn chế biện pháp này và mở rộng một số lựa chọn xử lý khác cho FDIC như thành lập ngân hàng bắc cầu.

* **Chi trả**: FDIC trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền khi không tìm được tổ chức tiếp nhận hoặc không đảm bảo nguyên tắc chi phí thấp nhất khi đấu giá. Quá trình chi trả tiền bảo hiểm (*phụ lục đính kèm*).

* **Hạn mức chi trả**: Hạn mức chi trả đầu tiên của FDIC là 2.500 USD cho một người gửi tiền tại một TCTG BHTG. Ngày 14/10/2008, mức bảo đảm tiền gửi được FDIC tăng từ 100.000 USD lên tới 250.000 USD sau khi hàng loạt các tổ chức tài chính Mỹ bị suy yếu bởi các cuộc rút tiền gửi đột biến xảy ra trong cuộc khủng hoảng tín dụng (tăng 10 lần so với khi mới triển khai). Hạn mức chi trả 250.000 USD đang được duy trì kéo dài đến tận ngày hôm nay.

1.2.1.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ những kinh nghiệm trên của FDIC, có thể rút ra một số kinh nghiệm nhằm giúp hoạt động BHTG tại Việt Nam đạt được những hiệu quả mong muốn.

Thứ nhất, hạn mức chi trả cần đáp ứng sự thay đổi và phát triển của nền kinh tế hạn mức chi trả tại Việt Nam đã được điều chỉnh từ 30 lên 50 triệu đồng/một người gửi tiền tại một TCTG BHTG (10/2005). Việc điều chỉnh hạn mức chi trả cho thấy sự quan tâm của Nhà nước đến quyền lợi của người gửi tiền đồng thời cũng phù hợp với

sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, hạn mức chi trả còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Thu nhập, lạm phát, tiền gửi trong dân,... Việc điều chỉnh hạn mức cần đảm bảo để điều chỉnh kịp thời khi các yếu tố liên quan trên có sự thay đổi đáng kể. Thậm chí, khi đột biến rút tiền gửi lan tràn xảy ra ảnh hưởng tới hoạt động ngân hàng có thể điều chỉnh tăng hạn mức chi trả để kịp an dân. Tại Mỹ, do có một cơ chế chính sách tài chính tốt và tổ chức BHTG hành động rất kịp thời khi nâng hạn mức từ 100.000 USD lên 250.000 USD, giúp người dân an tâm hơn khi gửi tiền vào tổ chức và hạn chế được hiện tượng rút tiền ồ ạt xảy ra. Hơn nữa, chính động thái kịp thời này là bước đệm để Chính phủ và Quốc hội Mỹ thông qua gói giải pháp 700 tỷ USD giải cứu thị trường.

Thứ hai, thay đổi phương thức tính phí áp dụng phí theo mức độ rủi ro là một định hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, theo đó các TCTG BHTG phải nộp phí theo mức tương ứng với mức độ rủi ro có thể xảy ra. Như vậy, việc áp dụng phí theo mức độ rủi ro đánh giá chính xác mức độ an toàn trong hoạt động của TCTG BHTG, khuyến khích các TCTG BHTG nâng cao chất lượng hoạt động, giảm thiểu rủi ro để giảm phí BHTG phải nộp. Đến nay, BHTGVN vẫn đang áp dụng chính sách phí BHTG đồng hạng, không dựa trên mức độ rủi ro của mỗi TCTG BHTG. Theo đó, tất cả các TCTG BHTG đều áp chung mức phí cố định 0,15%/năm trên tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm. Thực tế này chưa khuyến khích các TCTD hoạt động lành mạnh và hiệu quả. Vì vậy, Việt Nam cần nghiên cứu mô hình tính phí theo mức độ rủi ro để đáp ứng sự biến động của nền kinh tế.

Qua kinh nghiệm từ BHTG Mỹ cho thấy một số phương pháp tích cực và nhìn chung bao gồm các hệ phương pháp chủ yếu tập trung vào mục tiêu và các yếu tố định lượng và/hoặc các phương pháp luận để: *(1) Phân loại ngân hàng theo những hạng mục rủi ro; (2) Sử dụng các thông tin thích hợp; (3) Hướng về tương lai.*

Nghiên cứu quy trình xử lý TCTG BHTG có vấn đề một cách bài bản, khoa học và không chồng chéo. Để xây dựng quy trình xử lý TCTG BHTG có vấn đề một cách bài bản, khoa học, BHTGVN cần được trao quyền một cách độc lập với các tổ chức khác trong hệ thống an toàn tài chính quốc gia. Riêng Mỹ, thẩm quyền và trách nhiệm xử lý được trao ngay từ đầu cho FDIC và có vai trò xuyên suốt trong quá trình giúp hệ thống tài chính khắc phục các đổ vỡ của hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, nhờ vào nỗ lực

không ngừng với những thẩm quyền đầy đủ, minh bạch được trao, FDIC đã cùng với Chính phủ xử lý và dàn xếp những đổ vỡ của tổ chức tài chính bài bản, không xảy ra rút tiền ồ ạt và hạn chế sự ảnh hưởng dây truyền tới toàn hệ thống tài chính quốc gia.

Thứ ba, quy trình xử lý phù hợp trường hợp các ngân hàng và tổ chức tiết kiệm nhỏ bị đổ vỡ, giải pháp nhanh sẽ giúp giảm thiểu rối loạn trong cộng đồng địa phương. Trường hợp một tổ chức lớn, sự đổ vỡ có ảnh hưởng tới nền kinh tế quốc gia, đẩy nhanh tốc độ giải quyết các tổ chức này là vô cùng quan trọng. Quy trình mà FDIC thực thi trong thời gian qua được xem là mô hình điển hình cho các nước đang mong muốn xây dựng một quy trình xử lý các TCTG BHTG có vấn đề một cách hoàn chỉnh.

Một số các kinh nghiệm có thể rút ra nhằm giúp BHTGVN xây dựng quy trình xử lý hợp lý là: (i) Nguyên tắc chi phí thấp nhất nên được thực thi nghiêm ngặt trong quá trình xử lý TCTG BHTG bị đóng cửa. Thực tế tại Mỹ cho thấy tỷ lệ chi phí xử lý trên tổng tài sản của ngân hàng đổ vỡ trong năm 1990-1991 chỉ chiếm 11%, trong khi vào những năm 1987-1989 chiếm tới 20% và cao hơn vào các thời điểm trước đó. (2) Mua và nhận nợ thay là phương pháp xử lý hiệu quả nhất qua các thời kỳ. FDIC đã sử dụng phương pháp với ưu điểm nổi trội là: tổ chức mua lại sẽ tiếp tục duy trì hoạt động của ngân hàng bị đổ vỡ và giảm thiểu rối loạn thị trường do việc chuyển giao tài sản được thực hiện trong thời gian ngắn nên đã góp phần duy trì niềm tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng và tránh hiện tượng rút tiền đột biến. (3) Giải quyết tổ chức tài chính yếu kém phải là một quy trình khép kín từ khâu giám sát, kiểm tra đến giai đoạn xử lý và quản lý, thanh lý tổ chức bị đóng cửa.

Khi TCTG BHTG có dấu hiệu suy giảm về mặt tài chính, bên cạnh việc tiếp tục việc giám sát tình hình hoạt động, tổ chức BHTG phải triển khai ngay những biện pháp xử lý thích hợp trước khi đóng cửa tổ chức.

1.2.2. Hoạt động BHTG của Nhật Bản (DICJ)

1.2.2.1. Quá trình hình thành và phát triển

BHTG Nhật Bản thành lập năm 1971 với 3 cổ đông chính: Chính phủ, NHTW và các Ngân hàng được bảo hiểm. DICJ hoạt động trên cơ sở Luật BHTG và chịu sự giám sát của Bộ Tài chính và Cơ quan giám sát tài chính (FSA). DICJ thành lập nhằm bảo vệ người gửi tiền và duy trì sự ổn định tài chính sau khi Luật BHTG được thông qua vào

tháng 4/1971 với bề dày hoạt động sau 46 năm đã và đang ngày càng khẳng định vị trí và vai trò của mình trong mạng an toàn tài chính Nhật Bản. Mục tiêu chính của hệ thống BHTG Nhật Bản là bảo vệ những người gửi tiền và các bên liên quan trong trường hợp tổ chức tài chính không có khả năng chi trả tiền gửi và góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính thông qua nhiều công cụ nghiệp vụ trong đó có nghiệp vụ tiếp nhận và xử lý. Nguồn vốn được đóng góp ban đầu là 450 triệu Yên từ Bộ Tài chính, NHTW Nhật Bản và các tổ chức tài chính tư nhân. Nguồn tài chính cho hoạt động của DICJ hiện nay lên tới 32,135 triệu Yên. Vai trò và chức năng của DICJ có những cải thiện đáng kể từ năm 1996 theo xu hướng cải cách của Chính phủ Nhật Bản. Việc tiếp tục sửa đổi Luật BHTG vào năm 1997 và ban hành Luật tái thiết tài chính và Luật liên quan đến các biện pháp khẩn cấp cho việc củng cố sớm các chức năng tài chính năm 1998, cho phép DICJ thực hiện những chức năng bổ sung liên quan đến việc xử lý các tổ chức tài chính đổ vỡ, bao gồm các nhiệm vụ liên quan đến điều hành tài chính và ngân hàng bắc cầu, và việc bơm vốn như biện pháp tạm thời cho việc tái thiết hệ thống tài chính. Ngoài các phòng ban chức năng, DICJ còn thành lập và điều hành một số công ty con bao gồm: Tổng công ty thu hồi và xử lý (RCC); Ngân hàng bắc cầu thứ hai của Nhật Bản và Tổng công ty tái thiết công nghiệp Nhật Bản.

Mối quan hệ nghiệp vụ giữa DICJ và RCC (*phụ lục đính kèm*).

1.2.2.2. Hoạt động của BHTG Nhật Bản

DICJ thực hiện bốn chức năng chính bao gồm BHTG, xử lý đổ vỡ, mua nợ xấu/truy cứu trách nhiệm (những người gây đổ vỡ ngân hàng), bơm vốn.

Hình 2. 2.2: Các nghiệp vụ chính của DICJ

Bảo hiểm tiền gửi	Xử lý đổ vỡ
- Thu phí bảo hiểm - Duy trì cơ sở dữ liệu theo tên người gửi tiền,... (kiểm tra tại chỗ, xác nhận cơ sở dữ liệu, hướng dẫn và tư vấn) - Chi trả tiền bảo hiểm và chi trả tạm	- Các nghiệp vụ liên quan đến người quản lý tổ chức,... - Bảo vệ toàn bộ tiền gửi và quản lý khủng hoảng đặc biệt như một biện pháp xử lý khủng hoảng

thời (có hạn mức) - Hỗ trợ tài chính để tiếp quản tổ chức tài chính	- Các nghiệp vụ liên quan tới xử lý có trật tự các tổ chức tài chính
Bơm vốn - Bơm vốn như một biện pháp xử lý khủng hoảng tài chính - Bơm vốn như một biện pháp xử lý có trật tự các tổ chức tài chính - Góp vốn để củng cố các chức năng tài chính - Quản lý và bán cổ phiếu ưu đãi và các công cụ tăng vốn khác thông qua việc bơm vốn	Mua nợ xấu và truy cứu trách nhiệm của các nhà quản lý - Thu hồi tài sản tiếp nhận từ tổ chức tài chính bị đổ vỡ - Mua và thu hồi những tài sản khó thu hồi - Điều tra tài sản liên quan tới những con nợ gian dối - Truy cứu các nghĩa vụ pháp lý dân sự và hình sự của các cựu quản lý và các bên liên quan khác

** Nguồn: Báo cáo thường niên DICJ 2016*

Đối tượng tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng JPY thuộc phạm vi bảo hiểm bao gồm các loại tiền gửi, tiết kiệm trả góp, tiền gửi trả góp, tiền gửi tín thác có đảm bảo bằng khoản tiền gốc, trái phiếu ngân hàng.

Hạn mức trả tiền bảo hiểm là 10 triệu JPY (tương đương 85 nghìn USD)/người gửi tiền bảo gồm cả gốc lẫn lãi tính tới ngày tổ chức tài chính đổ vỡ, tính trên mỗi người gửi tiền tại mỗi tổ chức. Phí BHTG hiện nay ở mức 0,042%/năm với mục tiêu đến cuối năm 2021 sẽ đạt mức vốn 5000 tỷ JPY.

Việc quản lý, giám sát DICJ được chia sẻ bởi 2 cơ quan chính phủ là Cơ quan dịch vụ Tài chính (FSA) và Bộ Tài Chính. FSA giám sát DICJ về mặt các nghiệp vụ còn Bộ Tài chính quản lý DICJ về các vấn đề hành chính như ngân sách và định biên.

Thực tế trong quá trình hoạt động, DICJ đã thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ đối với việc tiếp nhận và xử lý các tổ chức tài chính bị đổ vỡ. Trong cuộc

khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997, cùng với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính Nhật Bản, DICJ đã thực hiện tốt vai trò xử lý khủng hoảng, giảm thiểu tác động của khủng hoảng tài chính đối với nền kinh tế. Để thực hiện được mục tiêu đặt ra là ổn định hệ thống tài chính ngân hàng, cơ chế xử lý tổ chức tài chính bị đổ vỡ tại Nhật Bản quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm và thời điểm can thiệp của các cơ quan có thẩm quyền liên quan trên nguyên tắc xử lý kịp thời, chi phí tối thiểu.

*** Cơ chế xử lý tổ chức tài chính bị đổ vỡ tại Nhật Bản**

Ban đầu, khi hệ thống BHTG mới được thành lập, chỉ có phương pháp chi trả BHTG được áp dụng như là một cơ chế bảo vệ người gửi tiền khi xử lý tổ chức bị đổ vỡ ở Nhật Bản. Tuy nhiên, phương pháp hỗ trợ tài chính đã được bổ sung và quy định trong Luật BHTG sửa đổi năm 1986. Phương pháp hỗ trợ tài chính là dùng một tổ chức tài chính vững mạnh (tổ chức tiếp nhận) tiếp quản các chức năng tài chính của tổ chức tài chính bị đổ vỡ để tránh việc gây ra những tác động xấu nghiêm trọng của đổ vỡ đối với các hoạt động tài chính liên quan.

Khi Luật BHTG được sửa đổi căn bản năm 1998, hoạt động xử lý ngân hàng đổ vỡ của DICJ mới thực sự được triển khai sau 27 năm thành lập và trải qua những đổ vỡ ngân hàng. Nội dung, phạm vi hoạt động và vai trò của DICJ đã được mở rộng. Hiện nay DICJ đã trở thành một trong những cơ quan then chốt cho sự ổn định hệ thống tài chính, chủ yếu thực hiện quy trình xử lý các tổ chức tài chính đổ vỡ, đặc biệt trong giai đoạn ngân hàng gặp khó khăn.

*** Phương pháp chi trả bảo hiểm**

Khi một tổ chức tài chính bị đổ vỡ, Công ty BHTG Nhật Bản sẽ tiến hành chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền được bảo hiểm tại tổ chức đó dựa trên yêu cầu thanh toán của người gửi tiền. Nguồn chi trả sẽ được lấy từ nguồn thu phí bảo hiểm hàng năm từ các TCTD theo quy định của pháp luật. Hiện nay mức bảo hiểm tối đa mà DICJ áp dụng là 10 triệu Yên tổng số tiền gốc và lãi.

*** Phương pháp hỗ trợ tài chính**

Xử lý đổ vỡ bằng phương pháp hỗ trợ tài chính là việc dùng một tổ chức tài chính vững mạnh (tổ chức tiếp nhận) tiếp quản các chức năng tài chính của tổ chức tài chính bị đổ vỡ. Việc tiếp nhận này phải đảm bảo rằng tổ chức tài chính tiếp nhận phải

được tiếp nhận các tài sản có tương ứng với trách nhiệm nợ phải tiếp nhận. Nhưng trên thực tế thì hầu như trong mọi trường hợp, tài sản có và tài sản nợ của tổ chức tài chính bị đổ là không cân bằng.

DICJ sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức tài chính tiếp nhận có thể tiếp quản tổ chức tài chính bị đổ vỡ với điều kiện tài sản có cân bằng với tài sản nợ bằng cách cấp số tiền tương ứng với khoản tài sản nợ vượt quá tài sản có của tổ chức tài chính bị đổ vỡ cho tổ chức tài chính tiếp nhận. Ngoài ra, đối với các khoản nợ xấu của tài sản có của tổ chức tài chính bị đổ vỡ, thủ tục bán các khoản nợ này sẽ được DICJ đảm nhận bằng cách mua lại tài sản như một phần của hoạt động hỗ trợ tài chính.

Theo các chuyên gia BHTG của Nhật Bản, thì trong chừng mực có thể cần ưu tiên phương pháp hỗ trợ tài chính để tránh việc gây ra những tác động xấu nghiêm trọng của đổ vỡ đối với các hoạt động tài chính liên quan. Khi áp dụng phương pháp hỗ trợ tài chính, những chủ nợ thông thường bao gồm cả người gửi tiền sẽ hy vọng được thanh toán dựa trên giá trị của tài sản có tính đến các hoạt động tài chính, chứ không phải là giá trị thanh lý. Ngoài ra, người gửi tiền cũng sẽ có lợi vì họ được tiếp tục bảo vệ tại tổ chức tài chính tiếp nhận và tiếp tục được hưởng lãi. Hơn nữa, khi áp dụng phương pháp hỗ trợ tài chính, DICJ cũng giảm được chi phí hơn so với trường hợp phải chi trả bảo hiểm. Đối với các hoạt động chuyển giao toàn phần hoặc một phần hoạt động của tổ chức tài chính bị đổ vỡ sang tổ chức tài chính tiếp nhận, DICJ sẽ cung cấp hỗ trợ tài chính để thực hiện việc chuyển giao đó. Trong trường hợp chuyển giao một phần hoạt động, những tài sản có và tài sản nợ không được chuyển giao sẽ vẫn thuộc về tổ chức tài chính bị đổ vỡ. DICJ có thể đăng ký mua cổ phiếu ưu đãi của tổ chức tài chính tiếp nhận và các tổ chức liên quan khác khi được Hội đồng Cơ quan dịch vụ tài chính và Bộ Tài chính chấp thuận.

Mục đích của hoạt động này là nhằm ngăn chặn việc giảm mức độ an toàn vốn của tổ chức tiếp nhận sau do thực hiện chuyển giao. Sau khi chuyển giao, nếu các khoản vay được tiếp nhận từ tổ chức tài chính bị đổ vỡ bị suy giảm giá trị vì không thể thu hồi hoàn toàn, thì tổ chức tài chính tiếp nhận sẽ phải chịu tổn thất này. DICJ sẽ có thể ký kết một thỏa thuận bồi thường một phần các tổn thất này trong một thời gian nhất định cho tổ chức tài chính tiếp nhận. Ngược lại, nếu những khoản vay này làm

tăng lợi nhuận sau khi chuyển giao, thì một phần lợi nhuận đó sẽ được trả cho DICJ. Khi DICJ tiến hành hỗ trợ tài chính đối với tổ chức tài chính gặp khó khăn, DICJ có quyền yêu cầu các tổ chức này thực hiện tái cơ cấu hoạt động của mình để tránh ảnh hưởng tới các tổ chức lành mạnh nói riêng và toàn bộ khu vực kinh doanh nói chung. Chính vì vậy, một trong những điều kiện cho việc cấp bổ sung vốn của DICJ thông qua đăng ký mua cổ phiếu là tổ chức tài chính gặp khó khăn phải nộp một kế hoạch khôi phục kinh doanh khả thi.

*** Cơ quan quản lý tài chính**

Khi một tổ chức tài chính bị đổ vỡ, nhưng chưa thể thực hiện việc sáp nhập, chuyển giao toàn bộ hoạt động kinh doanh hoặc việc giải thể tổ chức tài chính đó có thể gây nhiều trở ngại đến sự luân chuyển của luồng tiền và sự thuận tiện của người sử dụng trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động của tổ chức tài chính đó, Hội đồng Cơ quan dịch vụ tài chính Nhật Bản có thể ban hành lệnh chuyển giao việc quản lý hoạt động và tài sản của tổ chức tài chính đó cho một cơ quan quản lý tài chính sẽ do Hội đồng cơ quan dịch vụ tài chính bổ nhiệm và thuộc sự giám sát của Hội đồng.

*** Ngân hàng bắc cầu**

Theo quy định của Luật BHTG, khi xử lý đổ vỡ, DICJ cũng có thể thành lập Ngân hàng bắc cầu với 100% vốn của DICJ. Ngân hàng bắc cầu có nhiệm vụ chính là tiếp tục công việc kinh doanh của tổ chức tài chính bị đổ vỡ khi chưa có tổ chức tài chính tiếp nhận, thực hiện hỗ trợ tài chính để duy trì và tiếp tục các hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính bị đổ vỡ. Tổ chức tài chính bị đổ vỡ sẽ ký kết thỏa thuận cơ sở về việc tiếp tục kinh doanh và các thỏa thuận kèm theo với ngân hàng bắc cầu trước khi gửi đơn yêu cầu bắt đầu thực hiện thủ tục phục hồi dân sự sau khi xảy ra đổ vỡ. Sau đó, ngân hàng bắc cầu cung cấp hỗ trợ tài chính dưới hình thức thực hiện các nghĩa vụ, cấp tiền hoặc cho vay để duy trì và tiếp tục các giá trị kinh doanh của tổ chức tài chính bị đổ vỡ. Ngân hàng bắc cầu sẽ tiếp quản các tài sản tốt và các khoản tiền gửi được bảo hiểm nhằm tránh rủi ro hệ thống. Mô hình ngân hàng bắc cầu *(phụ lục đính kèm)*.

1.2.2.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về phát triển hoạt động BHTG

Thứ nhất, Xây dựng một hệ thống phí linh hoạt: việc xây dựng hệ thống phí đòi hỏi sự linh hoạt và không có một mô hình chung áp dụng cho tất cả các quốc gia. Lựa

chọn hệ thống phí phân biệt theo rủi ro là xu hướng chung đúng đắn của các hệ thống BHTG, tuy nhiên khi đưa vào thực tế, kinh nghiệm từ DICJ cho thấy cần có sự linh hoạt. Đây là bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình xây dựng hệ thống phí của mình, sao cho vừa áp dụng được những ưu việt của hệ thống phí theo rủi ro vừa đảm bảo được sự hòa hợp với đặc điểm và hệ thống pháp luật của nước mình.

Thứ hai, Cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan: tổ chức BHTG cần giữ vai trò chủ động trong việc triển khai các cơ chế phối hợp trao đổi thông tin giữa các cơ quan liên quan tối đa hóa việc tiếp thu ý kiến và thông tin từ nhiều phía để có những sửa đổi hợp lý.

Thứ ba, Xử lý đồ vỡ ngân hàng: xử lý đồ vỡ ngân hàng là hoạt động mang tính chất đặc thù. Việc này đòi hỏi sự can thiệp của nhiều cơ quan chức năng như NHNN, Bộ Tài chính, Tổ chức BHTG và các cơ quan tòa án.

Pháp luật cũng cần quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan để việc giải quyết đồ vỡ được thực hiện trên nguyên tắc giảm thiểu chi phí và đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền. Chú trọng đặc biệt đến chức năng của tổ chức BHTG như chức năng mua, bán TCTD. Nghiệp vụ chi trả chỉ là một mắt xích cuối cùng trong chuỗi xử lý đồ vỡ tín dụng.

Thứ tư, Lựa chọn mô hình BHTG phù hợp: việc lựa chọn mô hình BHTG phù hợp tùy thuộc vào đặc thù phát triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển, cấu trúc hệ thống tài chính, nhu cầu bảo vệ người gửi tiền.

Tính hiệu quả của mô hình BHTG được nhìn nhận ở góc độ bản chất của hoạt động bảo hiểm là “lấy số đông bù số ít” nhưng phải mang tính đặc thù là thực hiện các mục tiêu chính sách công, trong đó mục tiêu quan trọng nhất là bảo vệ người gửi tiền, duy trì niềm tin vào hệ thống ngân hàng và góp phần đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng.

Kết luận chương 1

Qua nghiên cứu một số lý luận cơ bản về BHTG, giúp chúng ta có cái nhìn khái quát về hoạt động của BHTG, quá trình hình thành và phát triển của hoạt động BHTG.

Những điểm riêng biệt của loại hình BHTG là một loại hình BHTG đặc biệt, thông qua đặc điểm, vai trò và chức năng của BHTG cho chúng ta thấy đây là một loại hình bảo hiểm mang tính đặc thù của ngành tài chính - ngân hàng. Mục tiêu quan trọng nhất của BHTGVN là bảo vệ người gửi tiền, duy trì niềm tin vào hệ thống ngân hàng và góp phần đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng. BHTG xây dựng và củng cố niềm tin của công chúng đối với hệ thống ngân hàng thông qua các hoạt động như: (1) cung cấp đầy đủ hơn cho công chúng thông tin về các ngân hàng, (2) thực hiện các nghiệp vụ kiểm tra, giám sát rủi ro đối với các TCTG BHTG, (3) hỗ trợ các TCTG BHTG, xử lý các tổ chức tín dụng bị đổ vỡ, (4) góp phần thúc đẩy và đảm bảo hoạt động tài chính - ngân hàng phát triển an toàn, lành mạnh, tuân theo quy luật phát triển của thị trường, tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các TCTD đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. BHTGVN giúp cho người gửi tiền có cảm giác yên tâm hơn khi gửi tiền tại các TCTG BHTG.

Chương này cũng tham khảo kinh nghiệm hoạt động của BHTG Mỹ và Nhật Bản về hoạt động BHTG, đây là những kinh nghiệm quý báu cho hoạt động BHTG tại Việt Nam chúng ta cần nghiên cứu và ứng dụng.

Chương 2

HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM TRƯỚC VÀ SAU KHI CÓ LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của BHTGVN

Trước yêu cầu cấp bách của tình hình kinh tế - xã hội, năm 1986 Đảng và Nhà nước đã đề ra công cuộc đổi mới đất nước, đến năm 1988 Hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng đã đổi mới toàn diện nhằm khắc phục tình trạng lạm phát phi mã, khôi phục nền kinh tế. Nhưng tình trạng bất ổn của xã hội trong giai đoạn này đã dẫn đến hàng loạt các cuộc đồ võ mang tính dây chuyền của các hợp tác xã tín dụng nông thôn và QTD đô thị trên toàn quốc (gần 8.000 hợp tác xã và QTDND phải đóng cửa). Trong bối cảnh đó, để lấy lại niềm tin của nhân dân, hoạt động BHTG đã được khởi đầu bằng quyết định 101/TCQĐ-BHTG ngày 01/02/1994 của Bộ Tài chính. Hoạt động ngân hàng đang ngày càng phát triển, số lượng các đơn vị tham gia trong lĩnh vực ngân hàng, tham gia huy động tiền gửi ngày càng tăng, đi đôi với nó là yếu tố rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh này cũng ngày càng phức tạp. Yêu cầu đặt ra là cần có giải pháp phòng ngừa kịp thời và ngày 01/09/1999, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 89/1999/NĐ-CP về BHTG và tổ chức BHTGVN đã chính thức được thành lập. BHTGVN là đại diện Nhà nước trong việc bảo vệ người gửi tiền, bảo vệ người tiêu dùng trong sử dụng các dịch vụ tài chính ngân hàng. Với cơ chế BHTG bắt buộc hiện nay, người gửi tiền thuộc đối tượng bảo hiểm sẽ được hưởng lợi trực tiếp từ chính sách BHTG thông qua việc họ được BHTGVN chi trả tiền bảo hiểm khi TCTG BHTG nhận tiền gửi của họ bị đóng cửa và mất khả năng thanh toán.

2.2. Hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

2.2.1. Hoạt động của BHTG trước khi có Luật BHTG

Cơ sở pháp lý chủ yếu cho hoạt động BHTGVN:

Cơ sở pháp lý chủ yếu cho hoạt động BHTGVN trước khi có Luật BHTG (*phụ lục đính kèm*).

BHTGVN là một tổ chức mới thành lập, cơ sở hoạt động là các văn bản pháp lý khung do Chính phủ và các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành. Căn cứ vào thực tiễn triển khai chính sách BHTG, BHTGVN cũng thường xuyên nghiên cứu, tham gia đóng

góp ý kiến vào việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Nghị định 89/1999/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 03/TT-NHNN5 của NHNN và một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Trong giai đoạn này, BHTGVN gồm có 06 Chi nhánh BHTGVN khu vực (Hà Nội, Đông Bắc Bộ (Hải Phòng), Bắc Trung Bộ (Nghệ An), Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Nha Trang), Hồ Chí Minh, Đồng bằng Sông Cửu Long (Cần Thơ) và 11 phòng ban tại Trụ sở chính gồm (Nguồn vốn & đầu tư, Giám sát từ xa, Kiểm tra & đánh giá, Xử lý nợ, tiếp nhận & Thu hồi tài sản, Hỗ trợ tài chính, Văn phòng, Tổ chức & phát triển nguồn nhân lực, Tài chính – kế toán, Ban tư vấn luật và chính sách, Công nghệ & dịch vụ thông tin, Kiểm soát & Kiểm toán nội bộ).

Giai đoạn từ năm 2005-2012, BHTGVN đã thay đổi mô hình tổ chức, đẩy mạnh nghiên cứu đề xuất xây dựng cơ sở pháp lý và tăng cường hội nhập quốc tế. Trong giai đoạn này, BHTGVN gồm có 6 Chi nhánh và 16 phòng ban tại Trụ sở chính. Năm 2006, BHTGVN nghiên cứu và thực hiện tái cấu trúc bộ máy tổ chức, tách phòng Giám sát từ xa thành phòng Giám sát Hệ thống ngân hàng (P.GS I) và phòng Giám sát các TCTD khác (P.GS II), tách phòng Kiểm tra & đánh giá thành phòng Kiểm tra Hệ thống ngân hàng (P.KT I) và phòng Kiểm tra các TCTD khác (P.KT II), thành lập phòng Nghiên cứu tổng hợp & Hợp tác quốc tế. Sau đó BHTGVN còn triển khai tái cấu trúc các Chi nhánh BHTGVN khu vực.

Các chính sách của BHTGVN trước khi có Luật BHTG (*phụ lục đính kèm*).

Các hoạt động chính của BHTGVN trước khi có Luật BHTG:

2.2.1.1. Cấp giấy, thu hồi, cấp lại, niêm yết chứng nhận tham gia BHTG

*** Cấp giấy Chứng nhận tham gia BHTG**

CNTG BHTG là một loại văn bản pháp lý do BHTGVN cấp cho các TCTD tham gia BHTG bắt buộc (bao gồm: NHTM, ngân hàng hợp tác xã, QTDND, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tài chính vi mô, ngoại trừ Ngân hàng Chính sách xã hội) để chứng nhận rằng các tổ chức này đã được tham gia BHTG và được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về BHTG.

*** Thu hồi Chứng nhận tham gia BHTG**

BHTGVN tạm thu hồi CNTG BHTG đã cấp cho TCTG BHTG trong trường

hợp NHNNVN có văn bản tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của TCTG BHTG theo quy định của pháp luật. BHTGVN thu hồi CNTG BHTG đã cấp cho TCTG BHTG trong trường hợp NHNNVN có văn bản thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

*** Cấp lại Chứng nhận tham gia BHTG**

TCTG BHTG được cấp lại CNTG BHTG trong các trường hợp sau: Được phép phục hồi hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân theo Quyết định của NHNNVN; Bị mất, rách nát, hư hỏng CNTG BHTG; Có sự thay đổi tên của TCTG BHTG; Nhận được thông báo của BHTGVN về việc thay đổi mẫu CNTG BHTG.

*** Cấp bản sao Chứng nhận tham gia BHTG**

TCTG BHTG được cấp bản sao CNTG BHTG để niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh và các điểm giao dịch có nhận tiền gửi cá nhân. Hồ sơ đề nghị cấp bản sao CNTG BHTG của TCTG BHTG bao gồm: Đơn đề nghị cấp bản sao CNTG BHTG trong đó ghi rõ số lượng bản sao CNTG BHTG đề nghị cấp; Danh sách chi nhánh, điểm giao dịch có nhận tiền gửi cá nhân của TCTG BHTG đề nghị cấp bản sao CNTG BHTG, ghi rõ tên, địa chỉ, ngày khai trương hoạt động hoặc dự kiến khai trương hoạt động; Bản sao văn bản chấp thuận của NHNN về việc thành lập chi nhánh, điểm giao dịch (trừ trường hợp BHTGVN thay đổi mẫu CNTG BHTG).

*** Niêm yết bản sao Chứng nhận tham gia BHTG**

TCTG BHTG phải niêm yết công khai bản sao CNTG BHTG tại trụ sở chính, chi nhánh và tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi cá nhân. TCTG BHTG có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới BHTGVN trong các trường hợp sau: Thay đổi địa chỉ tổ chức, Thay đổi địa chỉ, tên gọi của chi nhánh và các điểm giao dịch có nhận tiền gửi cá nhân, Thay đổi thông tin do chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động của chi nhánh và các điểm giao dịch có nhận tiền gửi cá nhân.

Ngay sau khi khai trương và đi vào hoạt động, BHTGVN đã tích cực triển khai việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia BHTG, tổ chức rà soát, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của từng hồ sơ và tiến hành cấp giấy chứng nhận BHTG cho các TCTG BHTG. Giai đoạn này, BHTGVN đã hoàn thành cấp CNTG BHTG cho 1.025 TCTG BHTG đủ

điều kiện. Để việc niêm yết CNTG BHTG của TCTG BHTG được thuận lợi, BHTGVN đã thực hiện nhân bản CNTG BHTG cấp cho các chi nhánh, phòng giao dịch, bàn huy động vốn của TCTG BHTG để niêm yết.

Giai đoạn 2005-2012, BHTGVN thực hiện cấp đổi Chứng nhận BHTG theo mẫu sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 109, Phòng Giám sát tổ chức hướng dẫn các TCTG BHTG thực hiện tốt quy định về cấp đổi, niêm yết CNTG BHTG. Đồng thời, việc niêm yết công khai CNTG BHTG tại tất cả các điểm giao dịch của TCTG BHTG được kiểm tra thường xuyên đã giúp cho người gửi tiền có những thông tin chính xác, kịp thời và minh bạch về quyền lợi của mình khi gửi tiền tại các TCTG BHTG.

2.2.1.2. Phí bảo hiểm tiền gửi

Phí BHTG là khoản tiền mà TCTG BHTG có nghĩa vụ phải nộp cho tổ chức BHTG để được bảo hiểm cho tiền gửi của khách hàng. TCTG BHTG phải nộp phí BHTG theo mức 0,15%/năm tính trên số dư tiền gửi bình quân của các cá nhân tại TCTG BHTG. Phí BHTG được tính và nộp bốn lần trong năm tài chính theo quy định của NHNN.

Mức phí BHTG này được điều chỉnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của tổ chức BHTG và ý kiến của NHNN và Bộ Tài chính. Phí BHTG được hạch toán vào chi phí hoạt động của TCTG BHTG. TCTG BHTG vi phạm thời hạn nộp phí bảo hiểm quy định thì ngoài việc nộp đủ số phí còn thiếu, phải chịu phạt mỗi ngày nộp chậm bằng 0,1% (một phần nghìn) số tiền chậm nộp.

Công thức tính phí BHTG định kỳ hàng quý (*phụ lục đính kèm*).

2.2.1.3. Chi trả tiền gửi được bảo hiểm, thanh lý các QTDND bị giải thể

Công tác chi trả tiền gửi được bảo hiểm đã trở thành một hoạt động thường xuyên trong các hoạt động nghiệp vụ của BHTGVN. Từ năm 2001 đến năm 2012, BHTGVN đã thực hiện chi trả tại 38 QTDND bị chấm dứt hoạt động và mất khả năng thanh toán toàn hệ thống nằm trên địa bàn 11 tỉnh, thành phố, 1.623 người được chi trả tiền bảo hiểm với tổng số tiền chi trả là gần 22 tỷ đồng. Việc chi trả kịp thời, thuận tiện cho người gửi tiền có thể giảm thiểu rủi ro khủng hoảng hệ thống bất thường.

**Bảng 2.1.3: Tổng hợp tình hình chi trả BHTG trước Luật BHTG
theo địa bàn (2001 -2012)**

STT	Tỉnh, thành phố	Số đơn vị được chi trả (QTDND)	Số người được chi trả (người)	Số tiền được chi trả (nghìn đồng)
1	Vĩnh Phúc	1	35	172.002
2	Hà Tây	2	68	625.210
3	Bắc Giang	2	105	3.092.123
4	Hung Yên	3	28	84.091
5	Hải Dương	7	279	1.713.416
6	Hải Phòng	7	386	4.372.301
7	Nam Định	3	106	592.690
8	Thái Bình	2	80	84.202
9	Quảng Ngãi	1	44	700.497
10	Long An	2	69	1.325.677
11	Kiên Giang	8	423	9.076.312
Tổng		38	1.623	21.838.241

** Nguồn: Kiều Hải Yến, năm 2015*

Việc tiến hành chi trả tiền bảo hiểm, tham gia thanh lý, thu hồi tiền bảo hiểm sau thanh lý tại các QTDND bị giải thể bắt buộc trong thời gian qua là minh chứng sinh động cho hoạt động BHTG cho người gửi tiền tại các TCTG BHTG. Các chi nhánh BHTGVN đã tích cực phối hợp với NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố và các cấp có thẩm quyền tại địa phương có QTDND bị giải thể để đôn đốc, chỉ đạo các Hội đồng thanh lý tìm biện pháp để thu hồi nợ cho BHTGVN theo đúng quy định.

Công tác thanh lý tài sản còn gặp rất nhiều khó khăn vì khoản nợ đến nay đều là nợ khó đòi, quá hạn đã nhiều năm và người vay không có khả năng trả nợ. Các chi nhánh BHTGVN đã cùng với chi nhánh NHNN các tỉnh, thành phố rà soát, đối chiếu số liệu các khoản phải thu, phải trả của các QTDND bị giải thể để NHNN trình Thủ tướng cho chấm dứt thanh lý. Năm 2011, với đề nghị của NHNN và BHTGVN, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận cho BHTGVN được xóa nợ đối với 29 QTDND cơ sở

bị giải thể trước năm 2005 đang trong quá trình thanh lý với tổng số tiền nợ được xóa là 10,412 tỷ đồng.

Số tiền HĐTL hoàn trả cho BHTGVN thu được trong quá trình thanh lý tài sản từ khi thành lập đến năm 2012 như sau: năm 2003: 1.021 triệu đồng, năm 2005: 820 triệu đồng, năm 2006: 638 triệu đồng, năm 2007: 125 triệu đồng, năm 2008 chỉ thu được 19,8 triệu đồng, năm 2009 đã có 02 HĐTL đã hoàn trả hết số tiền cho BHTGVN và kết thúc quá trình thanh lý 02 HĐTL nằm trên địa bàn Chi nhánh BHTGVN khu vực Đông Bắc Bộ quản lý, năm 2010: 1,43 tỷ đồng, năm 2011 thu được 572 triệu đồng, năm 2012: 990 triệu đồng.

2.2.1.4. Giám sát và kiểm tra các TCTG BHTG

*** Công tác giám sát các TCTG BHTG:**

BHTGVN cũng đã phối hợp với NHNN trong việc thực hiện nghiệp vụ giám sát đối với TCTG BHTG trong phạm vi cả nước. Hoạt động giám sát của BHTG cùng với hoạt động thanh tra của NHNN đã góp phần quan trọng vào việc bảo đảm an toàn hệ thống TCTD cũng như bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền. Xuất phát từ mục tiêu hoạt động của tổ chức BHTG là bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và góp phần đảm bảo an toàn, lành mạnh hoạt động ngân hàng, hoạt động giám sát của BHTGVN được thực hiện thông qua hai hình thức là giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ.

Giám sát từ xa là thông qua các báo cáo của TCTG BHTG nộp, các nguồn thông tin mà BHTGVN có được từ NHNN và các cơ quan giám sát khác để phân tích, đánh giá việc tuân thủ các quy định về BHTG, quy định về an toàn hoạt động ngân hàng từ đó đưa ra các kiến nghị yêu cầu TCTG BHTG chỉnh sửa cũng như cảnh báo về rủi ro để TCTG BHTG phòng ngừa.

Kiểm tra tại chỗ là căn cứ vào kết quả của hoạt động giám sát từ xa để tiến hành kiểm tra nhằm xác định mức độ vi phạm, nguyên nhân của các vi phạm để yêu cầu TCTG BHTG chỉnh sửa. Từ khi thành lập và đi vào hoạt động đến khi có Luật BHTG, BHTGVN đã thực hiện giám sát từ xa 100% các TCTG BHTG, bao gồm 76 NHTM, 10 TCTD phi ngân hàng, 1.007 QTDND và QTDND Trung ương.

Những kết quả giám sát mà BHTGVN đạt được trong thời gian qua có thể khái quát trên một số mặt sau đây:

- Hoạt động giám sát ngày càng được nâng cao về chất lượng bằng việc áp dụng các chỉ tiêu giám sát theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế về phân tích rủi ro. Báo cáo giám sát của BHTGVN đã thực sự giúp cho các cơ quan hữu quan trong việc quản lý rủi ro đối với hoạt động của hệ thống tài chính ngân hàng;

- Đã xây dựng được quy trình giám sát từ xa và hệ thống thông tin khách hàng phục vụ cho hoạt động giám sát. Ngoài các thông tin, báo cáo nhận từ TCTG BHTG, NHNN, BHTGVN còn thu thập thông tin khách hàng từ Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC), các TCTG BHTG chịu trách nhiệm cung cấp nguồn thông tin làm cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro khách hàng để có báo cáo giám sát được đầy đủ và toàn diện.

- Phương pháp giám sát đã được cải tiến trên cơ sở nghiên cứu các phương pháp giám sát theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam, BHTGVN đang hướng tới thực hiện giám sát rủi ro là chủ yếu để đưa ra các cảnh báo sớm giúp các TCTG BHTG có biện pháp phòng ngừa một cách hiệu quả. Đối với hoạt động kiểm tra tại chỗ, không thực hiện kiểm tra dàn trải mà tập trung kiểm tra các đơn vị yếu kém theo kết quả của hoạt động giám sát từ xa vừa tiết kiệm chi phí và không bị chòng chéo với hoạt động thanh tra của NHNN.

*** *Công tác Kiểm tra các TCTG BHTG***

Hoạt động kiểm tra các TCTG BHTG là một trong những nghiệp vụ quan trọng nhất của BHTGVN và được thực hiện ngay từ khi BHTGVN mới thành lập. Về nội dung và phạm vi kiểm tra BHTGVN có trách nhiệm “theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG; kiến nghị NHNNVN xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về BHTG”. Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện TCTG BHTG có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về BHTG. Đối với TCTG BHTG mới thành lập, BHTGVN tiến hành kiểm tra ngay việc tính nộp phí kỳ đầu tiên kết hợp với hướng dẫn đơn vị thực hiện các quy định về cấp, niêm yết Chứng nhận BHTG, về phương pháp xác định đối tượng tiền gửi được bảo hiểm, tính nộp phí BHTG, về thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với BHTGVN...

Hoạt động kiểm tra tại chỗ của BHTGVN góp phần nâng cao nhận thức của các TCTG BHTG về chính sách BHTG, ý thức tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về BHTG và các quy định, hướng dẫn của BHTGVN. Các kết luận kiểm tra tại

chỗ đều chỉ ra được nguyên nhân các sai sót và biện pháp khắc phục, xử lý tồn tại, giúp cho các đơn vị được kiểm tra rà soát lại công tác quản lý, chấn chỉnh việc tuân thủ pháp luật và không tái phạm lần sau. Qua mỗi cuộc kiểm tra, các đơn vị được kiểm tra cũng có cơ hội để trình bày những thuận lợi và khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về BHTG, từ đó BHTGVN có sự rà soát và sửa đổi phù hợp hoặc kiến nghị với các cấp có thẩm quyền nghiên cứu giải quyết các vấn đề mang tính vĩ mô.

2.2.1.5. Hoạt động Hỗ trợ tài chính

Khi TCTG BHTG gặp khó khăn có nguy cơ mất khả năng thanh toán, hỗ trợ tài chính là biện pháp mà tổ chức BHTG sử dụng để hỗ trợ cho các tổ chức này. Tổ chức BHTG có thể hỗ trợ bằng hình thức cho vay trực tiếp, mua lại các tài sản có hoặc nhận nợ thay, hoặc gửi tiền vào các ngân hàng có vấn đề và bảo lãnh các khoản vay. Giải pháp hỗ trợ tài chính của tổ chức BHTG đã mang lại hiệu quả nhất định trong việc xử lý các TCTD bị mất khả năng thanh toán và có nguy cơ đổ vỡ, ngăn chặn lan truyền bất ổn trong hệ thống và tạo sự ổn định trong cộng đồng.

Bảng 2.1.5: Tổng hợp về hoạt động hỗ trợ tài chính

TT	TCBHTG	Khu vực	Thời điểm hỗ trợ	Số tiền (triệu vnd)	Kết quả
1	QTD Phương Tú	Hà Nội	2009	1000	QTD đã trả được hết gốc
2	QTD Quý Sơn	Bắc Giang	2008	832	QTD đã trả hết gốc và lãi, hoạt động bình thường
3	QTD Dương Liễu	Hà Tây	2007	1.500	QTD đã trả hết gốc và lãi, hoạt động bình thường
4	QTD Cao su Tây Ninh	Tây Ninh	2006	1.000	QTD đã trả hết gốc và lãi, hoạt động bình thường
5	QTD Lộc Sơn	Lâm Đồng	2005	2.600	QTD đã trả hết gốc và lãi, hoạt động bình thường
Tổng				6.932	

* Nguồn: Báo cáo thường niên của BHTGVN năm 2014

BHTGVN đã cho vay hỗ trợ 05 QTDND với tổng số tiền là gần 7 tỷ đồng. Trong số đó có 4/5 tổ chức đã trả hết nợ và trở lại hoạt động bình thường. Số tiền giải ngân cho nghiệp vụ này tuy không nhiều nhưng nó góp phần củng cố lòng tin của người gửi tiền vào hệ thống TCTD. Tiền vay giúp TCTG BHTG có nguồn tài chính chi trả cho người gửi tiền, ngăn chặn tình trạng rút tiền trước hạn hàng loạt do tâm lý hoảng loạn của người gửi tiền, có thể dẫn tới nguy cơ phá sản của ngân hàng, tổ chức trung gian tài chính. Khi biết có tổ chức tài chính nhà nước là BHTGVN đứng sau hoạt động của các TCTD và có thể hỗ trợ về mặt tài chính thì người gửi tiền sẽ yên tâm và không rút tiền trước hạn. Điều đó có nghĩa là quyền và lợi ích của người gửi tiền được bảo vệ tốt hơn.

2.2.2. Hoạt động của BHTG sau khi có Luật BHTG

Cơ sở pháp lý chủ yếu cho hoạt động BHTG hiện nay (*phụ lục đính kèm*).

Các chính sách về BHTG hiện hành (*phụ lục đính kèm*).

Sơ đồ bộ máy tổ chức BHTVN hiện nay (*phụ lục đính kèm*).

Các hoạt động nghiệp vụ của BHTGVN hiện nay:

2.2.2.1. Cấp và thu hồi chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi

Luật BHTG tạo hành lang pháp lý cho hoạt động cấp và thu hồi CNTG BHTG; nâng cao vị thế của BHTGVN; hướng tới việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền một cách hiệu quả, công khai, minh bạch. Luật BHTG quy định chậm nhất 15 ngày trước ngày khai trương hoạt động, TCTD phải nộp hồ sơ đề nghị cấp CNTG BHTG. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp CNTG BHTG, BHTGVN có trách nhiệm cấp CNTG BHTG. Trường hợp NHNN có văn bản tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi theo quy định, TCTG BHTG sẽ bị tạm thu hồi CNTG BHTG.

Tính đến ngày 31/12/2016, có 1.266 TCTD được BHTGVN cấp CNTG BHTG, bao gồm 95 NHTM, Ngân hàng Hợp tác xã, 1.168 QTDND và 03 tổ chức tài chính vi mô. BHTGVN đã thực hiện tốt việc cấp mới, cấp đổi, thu hồi CNTG BHTG kịp thời đúng quy định, thực hiện tốt việc quản lý các TCTG BHTG thông qua việc cấp và thu hồi CNTG BHTG đáp ứng nhu cầu của các TCTD, góp phần nâng cao vị thế của BHTGVN và niềm tin của công chúng vào hệ thống Ngân hàng. Riêng trong năm 2016, BHTGVN cấp mới, cấp bổ sung, cấp lại 733 chứng nhận và bản sao CNTG

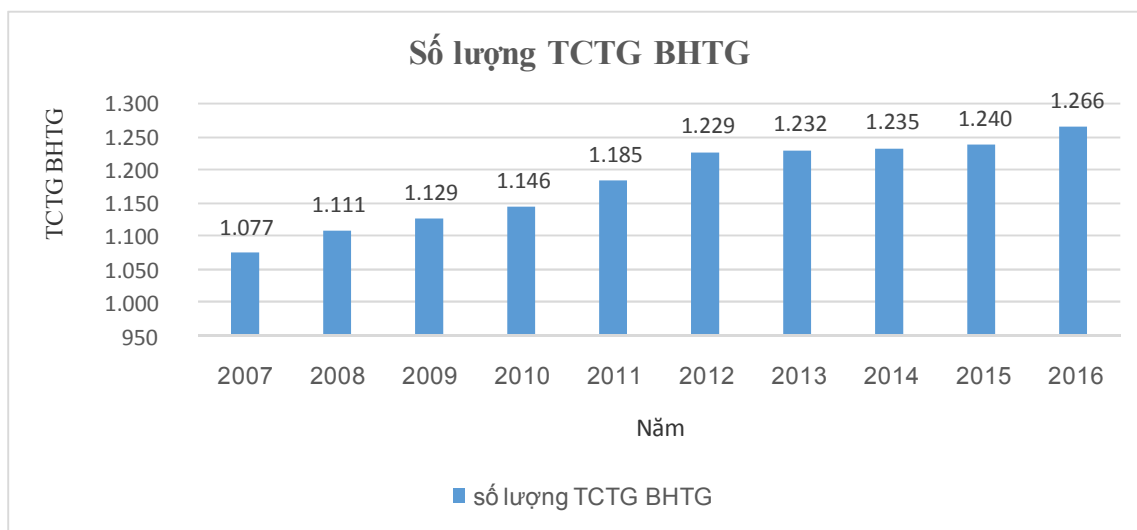
BHTG, thu hồi 73 chứng nhận và bản sao CNTG BHTG, cập nhật thay đổi 558 thông tin CNTG BHTG.

2.2.2.2. Tính và thu phí bảo hiểm tiền gửi

Theo quy định tại Luật BHTG, Thủ tướng Chính phủ quy định khung phí BHTG theo đề nghị của NHNN. Căn cứ vào khung phí BHTG mà Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, NHNN quy định mức phí BHTG cụ thể đối với từng TCTG BHTG trên cơ sở kết quả đánh giá và phân loại tổ chức này.

Tính đến ngày 31/12/2016, BHTGVN đã thực hiện thu phí của 1.266 TCTG BHTG (trong đó có 11 TCTD không phát sinh phí BHTG) với số tiền phí thực thu được trong năm đạt 4.896,7 tỷ đồng tăng 852,4 tỷ đồng (tăng 21%) so với cùng kỳ năm 2015, tổng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi được nâng lên đạt 31.361,55 tỷ đồng, tổng tài sản của BHTGVN đạt hơn 33 nghìn tỷ đồng.

**Hình 2.2.1. Số lượng TCTG BHTG phát sinh phí BHTG qua các năm
(giai đoạn từ năm 2007 – 2016)**



**Nguồn: Báo cáo hàng năm của BHTGVN*

a. Phí, khung phí bảo hiểm tiền gửi

Phí BHTG là khoản tiền mà tổ chức nhận tiền gửi đóng góp để bảo hiểm cho khoản tiền gửi của đối tượng có tiền gửi được bảo hiểm theo quy định. Quy định về việc tính và thu phí BHTG được thực hiện dựa trên số dư bình quân tiền gửi của cá nhân bằng đồng Việt Nam gửi tại các TCTG BHTG. Hiện nay, mức phí BHTG là 0,15%/ năm trên tổng số dư bình quân được bảo hiểm, áp dụng đồng hạng đối với tất

cả các TCTG BHTG. BHTGVN đang khẩn trương xây dựng Đề án phí BHTG trình NHNN phê duyệt.

Phí BHTG là công cụ quan trọng trong xây dựng chính sách BHTG ở mỗi quốc gia. Việc xây dựng chính sách phí BHTG phù hợp không chỉ giúp đảm bảo năng lực tài chính và khả năng ứng phó khi xảy ra rủi ro của tổ chức BHTG mà còn tạo tính công bằng và cạnh tranh lành mạnh giữa các TCTG BHTG.

b. Cách tính và thu phí bảo hiểm tiền gửi, thời hạn nộp phí

** Tính phí bảo hiểm tiền gửi*

1. Cơ sở tính phí BHTG của quý thu phí là toàn bộ số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại TCTG BHTG của quý trước liền kề quý thu phí.

2. Số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý thu phí tính bằng công thức sau:

$$P = \frac{\frac{S_0 + S_3}{2} + S_1 + S_2}{3} \times \frac{m}{4}$$

Trong đó:

- P: là số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý thu phí.
- S₀: là số dư tiền gửi được bảo hiểm đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí. S₁, S₂, S₃: là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối các tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí.
- m: là mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp.

3. Trường hợp TCTG BHTG tính và nộp phí cho quý đầu tiên tham gia BHTG áp dụng theo công thức sau:

$$P = \left[\sum_{i=1}^n S_i \right] \times \frac{m}{360}$$

Trong đó: - P: là số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý đầu tiên.

- S_i: là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i (i=1 → n); S₁ là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày đầu tiên nhận tiền gửi; S_n là số dư tiền gửi được bảo

hiểm ngày cuối cùng của quý đầu tiên).

- m: là mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp.

4. TCTG BHTG sau sáp nhập, hợp nhất áp dụng công thức tính phí BHTG quy định tại mục 2, trong đó S0 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm của các TCTG BHTG tham gia sáp nhập, hợp nhất đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí; S1, S2, S3 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm của các TCTG BHTG tham gia sáp nhập, hợp nhất cuối các tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí.

5. Số dư tiền gửi được bảo hiểm, phí BHTG và phí nộp thiếu, nộp chậm được làm tròn số đến đơn vị nghìn đồng theo nguyên tắc: lớn hơn hoặc bằng ($\geq$) 500 đồng làm tròn lên 1.000 đồng, nhỏ hơn ($<$) 500 đồng làm tròn về 0 đồng.

** Thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi*

Phí BHTG được tính và nộp định kỳ hàng quý trong năm tài chính. Chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu tiên quý thu phí, TCTG BHTG phải nộp phí BHTG cho BHTGVN. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp phí trùng vào ngày Lễ, Tết, ngày nghỉ cuối tuần thì TCTG BHTG được nộp vào ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ cuối tuần đó.

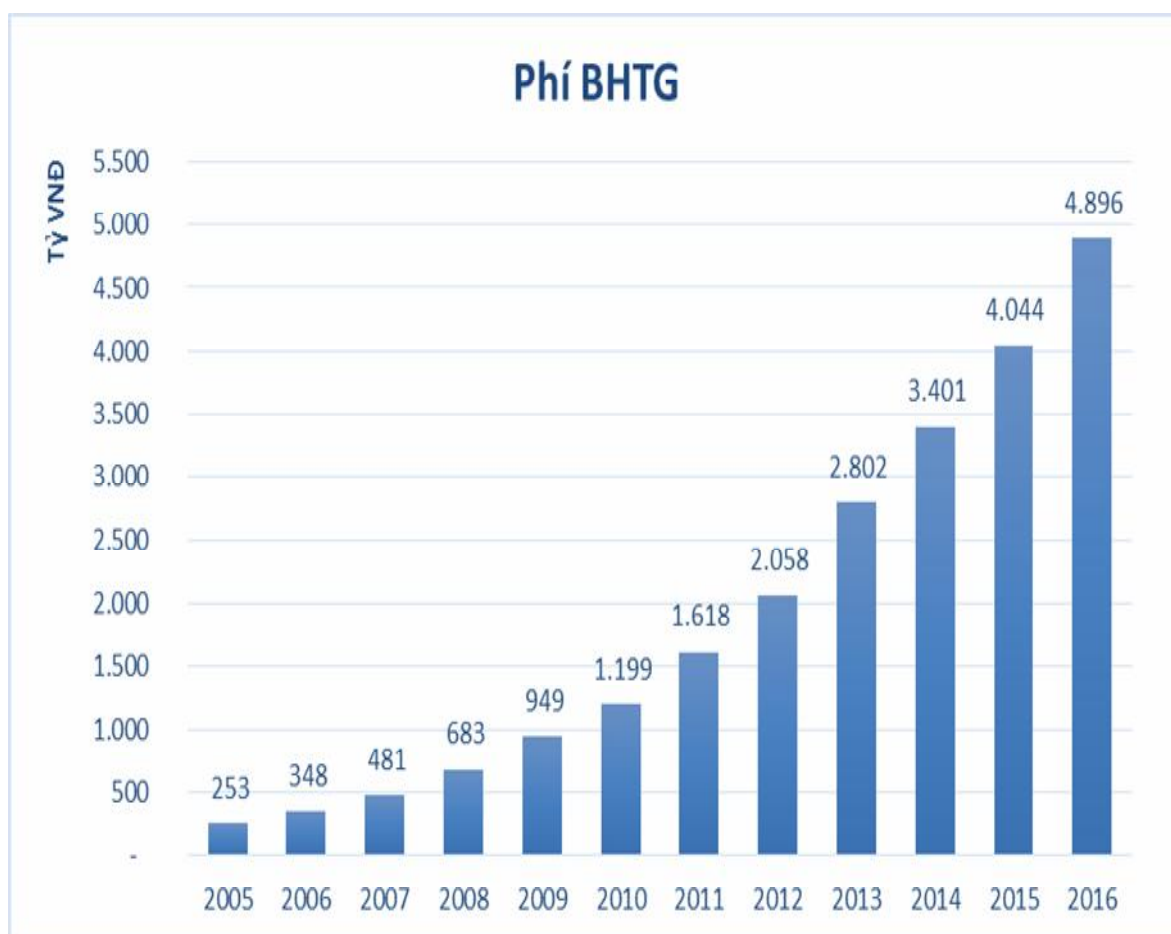
** Thu phí bảo hiểm tiền gửi*

Tất cả các TCTG BHTG đều tính và nộp phí theo quy định. Các đơn vị trong toàn hệ thống BHTGVN đã tích cực phối hợp theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc và xử lý vi phạm trong việc tính và nộp phí BHTG đối với TCTG BHTG. Các TCTG BHTG chấp hành tốt các quy định về tính và nộp phí bảo hiểm đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN, đảm bảo nguồn lực để bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người gửi tiền.

Năm 2012, BHTGVN đã thu phí của 1.229 TCTG BHTG với tổng số phí thực nộp hơn 2.057 tỷ đồng, tăng hơn 27% so với năm 2011. Tổng số dư tiền gửi thuộc đối tượng được bảo hiểm khoảng 1,5 triệu tỷ đồng (năm 2011 khoảng 1,1 triệu tỷ đồng). Năm 2013, BHTGVN đã thu phí của 1.232 TCTG BHTG với tổng số phí dự kiến hơn 2.500 tỷ đồng, tăng hơn 16% so với năm 2012. BHTGVN đang bảo hiểm cho hơn 2 triệu tỷ đồng gửi tại các TCTG BHTG. Năm 2014, BHTGVN đã thu phí của 1.235

TCTG BHTG, thực thu phí BHTG lũy kế từ đầu năm là 3.400 tỷ đồng. Sau khi có kết quả kiểm tra tại chỗ, BHTGVN thực hiện thu phí bổ sung đối với các đơn vị nộp thiếu là 14,4 tỷ đồng. Năm 2015, BHTGVN thực hiện thu phí của 1.240 TCTG BHTG với số tiền là 4.044 tỷ đồng, tăng 644 tỷ đồng (tăng 18,9%) so với năm 2014. Trong năm 2015, NHTM cổ phần Xây dựng đã nộp gần 31,3 tỷ đồng cho 03 kỳ thu phí Quý IV/2014; Quý I, IV/2015. Như vậy, phí BHTG của NHTM cổ phần Xây dựng còn tồn đọng 02 kỳ thu phí chưa nộp (Quý II, III/2015) với tổng số tiền là hơn 18,7 tỷ đồng. BHTGVN đã tích cực làm việc với đơn vị này và tham mưu cho NHNN để xử lý, thu hồi số phí còn nợ trong điều kiện thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng này. Năm 2016, toàn hệ thống có 1.266 TCTG BHTG nộp phí BHTG (11 đơn vị không phát sinh phí BHTG) tăng 15 TCTG BHTG so với cuối năm 2015, phí BHTG thu được là: 4.896 tỷ đồng, tăng 863 tỷ đồng (tăng 21,4%) so với năm 2015.

Hình 2.2.2: Phí BHTG thu được theo từng năm



* Nguồn: Báo cáo hàng năm của BHTGVN

c. Những ưu điểm và hạn chế trong chính sách phí bảo hiểm tiền gửi

Phí BHTG ở Việt Nam được áp dụng mức cố định 0,15% số dư tiền gửi được bảo hiểm đối với tất cả các TCTG BHTG tại Việt Nam. Mức phí trên đã được áp dụng kể từ khi bắt đầu triển khai hoạt động BHTG cho tới nay. Phí đồng hạng đã đáp ứng được những mục tiêu cơ bản của chính sách BHTG tại Việt Nam và đặc biệt phù hợp với giai đoạn đầu đi vào hoạt động của BHTGVN.

Phí BHTG áp dụng đồng hạng cho tất cả các TCTG BHTG cũng như việc lấy số dư tiền gửi được bảo hiểm làm cơ sở tính phí tạo điều kiện cho việc tính phí được thuận lợi, đơn giản, dễ kiểm tra; đồng thời làm giảm thiểu phát sinh các báo cáo phức tạp về dữ liệu liên quan đến việc tính và nộp phí. Điều này tạo thuận lợi trong giai đoạn đầu triển khai chính sách BHTG. Mặt khác, nguồn thu phí BHTG đã đóng góp đáng kể vào việc nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN. Quy mô nguồn vốn quỹ của BHTGVN đã tăng từ mức 1.000 tỷ đồng vốn do Chính phủ cấp ban đầu lên hơn 9.896 tỷ đồng tính tới cuối năm 2016.

Bên cạnh những ưu điểm trên, phí BHTG đồng hạng cũng bộc lộ những hạn chế cơ bản. Tiền gửi được bảo hiểm tăng nhanh trong khi phí BHTG được duy trì cố định ở mức 0,15% trong thời gian qua. Điều này làm cho tỷ lệ Quỹ BHTG/số dư tiền gửi được bảo hiểm giảm dần trong các năm gần đây. Từ mức 1,07% năm 2005 xuống còn khoảng 0,8% năm 2011 và đến năm 2016 tỷ này giảm còn 0,76%. Mặt khác, việc áp dụng phí BHTG đồng hạng không khuyến khích các TCTD nâng cao an toàn và hạn chế rủi ro trong hoạt động, giảm thiểu rủi ro để được hưởng mức phí thấp. Điều này không tạo động lực cho sự cạnh tranh bình đẳng giữa các TCTG BHTG.

Việt Nam đã áp dụng thành công phí BHTG đồng hạng cho tất cả các TCTG BHTG trong những năm đầu triển khai hoạt động BHTG. Trước yêu cầu hội nhập quốc tế, khuyến khích cạnh tranh bình đẳng giữa các TCTD và nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN, phí BHTG đồng hạng đã không còn phù hợp. Luật BHTG năm 2012 đã giao cho Thủ tướng Chính phủ quy định khung phí BHTG theo đề nghị của NHNN. Căn cứ vào khung phí này, NHNN quy định mức phí BHTG cụ thể đối với TCTG BHTG trên cơ sở kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức này.

2.2.2.3. Trả tiền bảo hiểm

a. Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm

Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ thời điểm NHNNVN có văn bản chấm dứt KSDB hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà TCTD là TCTG BHTG vẫn lâm vào tình trạng phá sản hoặc NHNNVN có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài là TCTG BHTG mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

b. Thời hạn trả tiền bảo hiểm

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức BHTG có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được BHTG.

c. Hạn mức trả tiền bảo hiểm, số tiền bảo hiểm được trả

Điều 24, Luật BHTG qui định “*Thủ tướng Chính phủ quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của NHNN trong từng thời kỳ*”. Như vậy, luật không quy định hạn mức bằng số tuyệt đối. Nếu qui định cụ thể hạn mức trả tiền bảo hiểm trong Luật BHTG thì việc thay đổi sẽ rất phức tạp; hơn nữa qui định mới sẽ cho phép hạn mức được điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội cũng như các tình huống đặc biệt như xảy ra khủng hoảng....

Từ năm 2005 đến hết tháng 7/2017 hạn mức trả tiền bảo hiểm được áp dụng ở mức 50 triệu đồng như quy định. Ở thời điểm đó, hạn mức này bảo đảm bảo vệ toàn bộ được khoảng 85% người gửi tiền được bảo hiểm. Theo thông lệ quốc tế, hạn mức và phạm vi bảo hiểm có giới hạn là tiêu chuẩn đáng tin cậy, làm giảm thiểu rủi ro đạo đức, đồng thời không làm xói mòn kỷ luật thị trường. Hạn mức chi trả BHTG phải phù hợp với các yếu tố như thu nhập bình quân, cơ cấu tiền gửi, môi trường chính trị, niềm tin của người gửi tiền, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác.

Trong hơn 12 năm qua, tình hình kinh tế vĩ mô như lạm phát, GDP bình quân đầu người, tỷ giá, lãi suất đã có nhiều thay đổi. Hoạt động của hệ thống ngân hàng và tình hình số dư tiền gửi, cơ cấu tiền gửi cũng có những thay đổi đáng kể. Do đó, việc xem xét điều chỉnh hạn mức chi trả BHTG là rất cần thiết.

Ngày 15/06/2017 Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 21/ 2017/QĐ-TTg về Hạn mức chi trả BHTG. Ngày 5/8/2017, Quyết định 21/2017/QĐ-TTg có

hiệu lực số tiền chi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm theo quy định của Luật BHTG (gồm cả gốc và lãi) của một cá nhân tại một TCTG BHTG tối đa là 75 triệu đồng. Việc nâng mức hạn mức chi trả BHTG là phù hợp đáp ứng được yêu cầu thay đổi của nền kinh tế hiện nay.

d. Chi trả tiền bảo hiểm

Tại Việt Nam, quy định về chi trả được quy định ở Luật BHTG và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức BHTG có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được BHTG.

Biểu 2.2.3: Số QTDND và số sổ tiết kiệm đã được BHTGVN chi trả (từ năm 2000 - 2016) (phụ lục đính kèm).

Giai đoạn 2000-2012, BHTGVN đã rất nỗ lực giảm thời gian chi trả thực tế xuống trung bình 30-40 ngày, đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền. Tuy nhiên, từ khi thành lập đến nay thực tế chưa xảy ra bất kỳ vụ đổ vỡ NHTM nào, BHTGVN mới chỉ chi trả kịp thời cho các QTDND quy mô nhỏ đổ vỡ, ngoại trừ 01 trường hợp chi trả chậm do sự thiếu thống nhất về cơ sở pháp lý và cần có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Theo Báo cáo thường niên 2014, 2015 và báo cáo tổng kết năm 2016 của BHTGVN, từ năm 1999 đến hết năm 2016, BHTGVN đã chi trả cho 1.826 người gửi tiền tại TCTG BHTG là QTDND bị giải thể bắt buộc ở 12 tỉnh, thành phố trong cả nước với số tiền 26,78 tỷ đồng.

Trong ba năm 2014, 2015 và 2016 không phát sinh việc DIV phải chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền tại các TCTG BHTG, nhưng vẫn có một số QTDND yếu kém, diễn biến xấu không có khả năng phục hồi và NHNN xác định có khả năng lâm vào tình trạng phá sản. BHTGVN đã thực hiện giám sát chặt chẽ diễn biến và hoạt động của các QTDND này, phối hợp với Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng–NHNN và NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố để nắm tình hình và thống nhất biện pháp sẵn sàng xử lý đối với những QTDND có nguy cơ lâm vào tình trạng phá sản. BHTGVN chủ động chuẩn bị các phương án chi trả khi phát sinh nghĩa vụ chi trả tiền bảo hiểm.

Được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, ngày 11/3/2014 Hội đồng quản trị BHTGVN đã có Quyết định xóa nợ cho 27/29 QTDND bị giải thể trước năm 2005 với

tổng số tiền chi trả bảo hiểm không thu hồi được là 10 tỷ 220 triệu đồng, việc xóa nợ đã được thông báo đến các cơ quan liên quan. Đối với 02 QTDND Song Phương và Lê Lợi thuộc địa bàn Hà Nội chưa có quyết định chấm dứt hoạt động của Hội đồng thanh lý nên chưa thực hiện xóa nợ theo quy định.

BHTGVN tiếp tục theo dõi quá trình thanh lý đối với 05 QTDND thuộc diện theo dõi thanh lý để thu hồi tiền bảo hiểm đã chi trả, tổng số tiền hoàn trả cho BHTGVN năm 2014 là 60 triệu đồng (trong đó thu hồi từ QTDND Trù Hựu 40 triệu đồng và Vĩnh Phong 20 triệu đồng). BHTGVN đã đôn đốc thu hồi nợ cho vay hỗ trợ đối với QTDND Phương Tú được 200 triệu đồng, nâng số thu lũy kế lên 770 triệu đồng, dư nợ còn lại 230 triệu đồng (trên tổng số tiền cho vay hỗ trợ là 1 tỷ đồng). Trong năm 2015, BHTGVN đã đôn đốc thu hồi hết số nợ cho vay còn tồn đọng của QTDND Phương Tú được 230 triệu đồng (tổng số tiền đã thu hồi là 1 tỷ đồng, bằng 100% số cho vay).

Trước đây, BHTGVN chi trả trực tiếp cho người gửi tiền nhưng sau đó ký hợp đồng với Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam nhằm đẩy nhanh quá trình chi trả tiền bảo hiểm qua hệ thống chi nhánh. BHTGVN có nguồn nhân lực để hoàn tất thủ tục chi trả nếu đổi mới hệ thống quản lý thông tin, giúp rút ngắn thời gian tính toán sẽ có thể chi trả kịp thời. Số tiền chi trả cho người gửi tiền tuy không lớn nhưng góp phần ngăn ngừa lây lan, không phát sinh khiếu nại, đảm bảo an sinh xã hội và không dùng ngân sách Nhà nước. Những nỗ lực nêu trên của BHTGVN trong thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, nâng cao niềm tin công chúng vào hệ thống tài chính - ngân hàng, đảm bảo an toàn cho hệ thống TCTD, sự phát triển bền vững của kinh tế-xã hội.

e. Những hạn chế và khuyến nghị trong chi trả tiền bảo hiểm

Chi trả không phải là lựa chọn duy nhất nhưng khi đã lựa chọn để giải quyết đở vỡ, hệ thống BHTG phải phản ứng mau lẹ như khuyến nghị của IADI và thực sự có ý nghĩa với người gửi tiền. Nguồn vốn và cơ chế cấp vốn dự phòng công khai sẽ giúp tổ chức BHTG có đủ năng lực chi trả. Tại Việt Nam, pháp luật hiện hành đã quy định những vấn đề liên quan đến chi trả, cơ bản Việt Nam tuân thủ khuyến nghị về thời gian chi trả thực tế, ủy quyền chi trả, và khả năng tiếp cận vốn dự phòng theo quy định.

Mặc dù số tiền chi trả cho người gửi tiền của một số QTDND đến nay không lớn nhưng đã góp phần ngăn ngừa đổ vỡ và không dùng đến ngân sách Nhà nước.

Giữa thực tiễn và quy định vẫn có khoảng cách về: chia sẻ thông tin và phối hợp xử lý giữa các bên liên quan; năng lực quỹ BHTG chưa lớn để đáp ứng chi trả cùng lúc nhiều vụ đổ vỡ; kinh nghiệm chi trả mới dừng ở QTDND nhỏ lẻ và chưa có quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan, chế tài xử lý hành vi sai phạm, vi phạm trong cung cấp - tiếp cận - hợp tác chia sẻ thông tin xử lý ngân hàng. Cần tiếp tục nghiên cứu và xem xét nghiêm túc để cải cách hệ thống chi trả tiền bảo hiểm theo hướng: (1). Rút ngắn thời gian chi trả xuống dưới 60 ngày, phân biệt khung thời gian với từng loại hình tổ chức theo xu hướng, thông lệ quốc tế tốt nhất, nhu cầu của người gửi tiền; (2). Áp dụng chính sách chi trả tạm thời nếu đổ vỡ làm kéo dài thời gian chi trả quá hạn; (3). Cân nhắc cơ hội và khả năng tiếp cận kịp thời của người gửi tiền đối với tiền gửi khi xảy ra đổ vỡ nhằm đảm bảo niềm tin và tâm lý; (4). Có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin về tiền gửi và người gửi tiền (áp dụng công nghệ thông tin, tham khảo thông lệ, kinh nghiệm và mô hình quốc tế tốt nhất).

2.2.2.4. Kiểm tra và giám sát rủi ro

a. Tình hình thực hiện công cụ kiểm tra

Qua kiểm tra, BHTGVN đã phát hiện nhiều QTDND yếu kém có vi phạm các quy định của pháp luật về BHTG và an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Trong đó, để góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, BHTGVN đã tập trung kiểm tra việc hạch toán, quản lý tài khoản tiền gửi được bảo hiểm, hồ sơ, tài liệu, sổ sách chứng từ liên quan đến tiền gửi được bảo hiểm ở các QTDND yếu kém và phát hiện nhiều vi phạm ở một số QTDND, cụ thể:

- + Ghi thiếu các yếu tố, nội dung, thông tin của người gửi tiền trên thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm, phiếu gửi tiền, rút tiền theo quy định (số chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp); Ghi nhầm Họ của khách hàng;

- + Thiếu chữ ký của Giám đốc, kế toán, kiểm soát, thủ quỹ, người gửi tiền trên thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm và một số chứng từ kế toán; Chữ ký của khách hàng trên thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm và trên chứng từ kế toán không đồng nhất;

- + Một số thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm tính lãi và nhập gốc chưa kịp thời;

+ Ngày ghi trên thẻ lưu và sổ quỹ tiền mặt không khớp; Hạch toán trên sao kê sai kỳ hạn gửi tiền; Không tính lãi theo kỳ hạn ghi trên thẻ lưu; Sao kê kỳ hạn nhầm so với kỳ hạn trên thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm; Số seri của thẻ lưu không khớp với sao kê tiền gửi...

+ Số dư tiền gửi trên cân đối tài khoản kế toán có chênh lệch so với sao kê chi tiết tiền gửi của khách hàng;

+ Chưa mở sổ đăng ký mẫu chữ ký của Giám đốc và các nhân viên làm nghiệp vụ gây khó khăn cho Đoàn kiểm tra không có căn cứ pháp lý để đối chiếu chữ ký một cách chính xác mà chỉ so sánh đối chiếu chữ ký giữa thẻ lưu với chữ ký trên chứng từ kế toán và sổ sách một cách tương đối; Sổ quỹ mở chưa đúng quy định, công tác quản lý và ghi chép Sổ quỹ tiền mặt chưa chặt chẽ (thiếu dấu giáp lại giữa các trang của sổ, trang bìa của các sổ quỹ chưa ghi đầy đủ các thông tin theo quy định: số trang, số quyển, ngày bắt đầu, ngày hết sổ, xác nhận, chữ ký và dấu của Giám đốc).

+ Việc mở sổ, theo dõi, quản lý ấn chỉ trắng còn thiếu chặt chẽ, chưa phản ánh được số liệu nhập, xuất, tồn. Có QTDND còn làm mất phôi sổ tiền gửi tiết kiệm trắng.

Có thể nói, từ những kết quả trên, vai trò của hoạt động kiểm tra đã được phát huy, thể hiện trên một số mặt sau:

- Hoạt động kiểm tra đã phát hiện và kiến nghị biện pháp xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về BHTG.

- Thông qua công tác kiểm tra BHTGVN đã phát hiện các trường hợp vi phạm các quy định pháp luật về BHTG, cũng như vi phạm quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng. Đặc biệt đối với các QTDND đã đánh giá được thực trạng tình hình hoạt động của các QTDND một cách toàn diện hơn. Bên cạnh việc kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, bước đầu đánh giá được mức độ rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động, phát hiện được những QTDND có nguy cơ rủi ro cao để cảnh báo.

- Thông qua hoạt động kiểm tra đã góp phần thực hiện mục tiêu của chính sách BHTG là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền. Đặc biệt đối với các QTDND xếp loại ở mức 4 và mức 5, nội dung kiểm tra tập trung chuyên sâu về tiền gửi được bảo hiểm, qua đó đã kịp thời phát hiện các sai phạm để cảnh báo tới các

QTDND, kiến nghị biện pháp khắc phục và chấn chỉnh; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền; hạn chế các hành vi trục lợi bảo hiểm tiền gửi.

- Hoạt động kiểm tra đã góp phần xây dựng hình ảnh và nâng cao uy tín của BHTGVN đối với các TCTG BHTG. Trên cơ sở các vi phạm được phát hiện qua kiểm tra, các đoàn kiểm tra của BHTGVN đều tiến hành xác định nguyên nhân và có những cảnh báo, kiến nghị xác đáng giúp đơn vị được kiểm tra có biện pháp khắc phục kịp thời, góp phần giúp TCTG BHTG hoạt động ngày càng ổn định và hiệu quả hơn.

- Kết quả kiểm tra là thông tin đầu vào hữu ích cho các hoạt động nghiệp vụ khác cũng như phục vụ cho việc nghiên cứu, hoàn thiện chính sách BHTG như xây dựng hệ thống phí BHTG phân biệt, xác định hạn mức chi trả BHTG tối ưu, xác định tỷ lệ quỹ BHTG mục tiêu... để triển khai trong thời gian tới.

Bảng 2.2.4: Số lượt kiểm tra theo các năm (phụ lục đính kèm)

- Công tác kiểm tra đã góp phần tích cực vào việc giúp các TCTG BHTG hiểu đúng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về BHTG, góp phần nâng cao nhận thức của các tổ chức này về chính sách BHTG, ý thức tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về BHTG, từ đó đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính sách BHTG, tăng cường pháp chế XHCN, giúp đơn vị chấn chỉnh công tác quản trị điều hành cũng như việc tuân thủ pháp luật.

- Tuyên truyền, quảng bá được chính sách của Nhà nước về BHTGVN, tăng cường mối quan hệ giữa BHTGVN với các TCTG BHTG. Các TCG BHTG đã có sự chuyển biến rõ nét về quan điểm nhận thức, hiểu rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ, vị trí, vai trò và hoạt động của BHTGVN, góp phần đảm bảo an toàn trong hệ thống các TCTG BHTG.

Công tác kiểm tra tại chỗ luôn được BHTGVN quan tâm. Năm 2016 đã hoàn thành kiểm tra đối với 463 TCTG BHTG gồm 42 NHTM, 419 QTDND và 02 Tổ chức tài chính vi mô, đạt 100% kế hoạch kiểm tra năm 2016.

b. Tình hình thực hiện công cụ giám sát rủi ro

Giám sát rủi ro là việc tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin về TCTG BHTG nhằm phát hiện và kiến nghị NHNN xử lý kịp thời những vi phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng, rủi ro gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng. Luật BHTG

ra đòi tạo nền tảng pháp lý vững chắc để tổ chức BHTG thực hiện tốt hơn chức năng bảo vệ người gửi tiền và góp phần bảo đảm an toàn, lành mạnh hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở đó, BHTGVN đã tích cực triển khai hoạt động giám sát, cảnh báo sớm rủi ro tiềm ẩn của các TCTG BHTG.

Qua các kỳ Báo cáo giám sát, BHTGVN đã phát hiện nhiều trường hợp các TCTD vi phạm quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro có thể gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng. BHTGVN cũng thường xuyên gửi báo cáo đến NHNN và kiến nghị NHNN xử lý khi phát hiện các trường hợp vi phạm. Ngoài ra, BHTGVN đã lập các báo cáo đột xuất gửi NHNN về tình hình hoạt động của các tổ chức gặp sự cố bất thường có nguy cơ mất khả năng chi trả, thất thoát tài sản và có khả năng tác động tiêu cực tới hệ thống ngân hàng. Có thể nói, công tác giám sát của BHTGVN góp phần hỗ trợ các TCTG BHTG phát hiện rủi ro trong hoạt động, kịp thời xử lý, hạn chế tối đa những tổn hại có thể xảy ra.

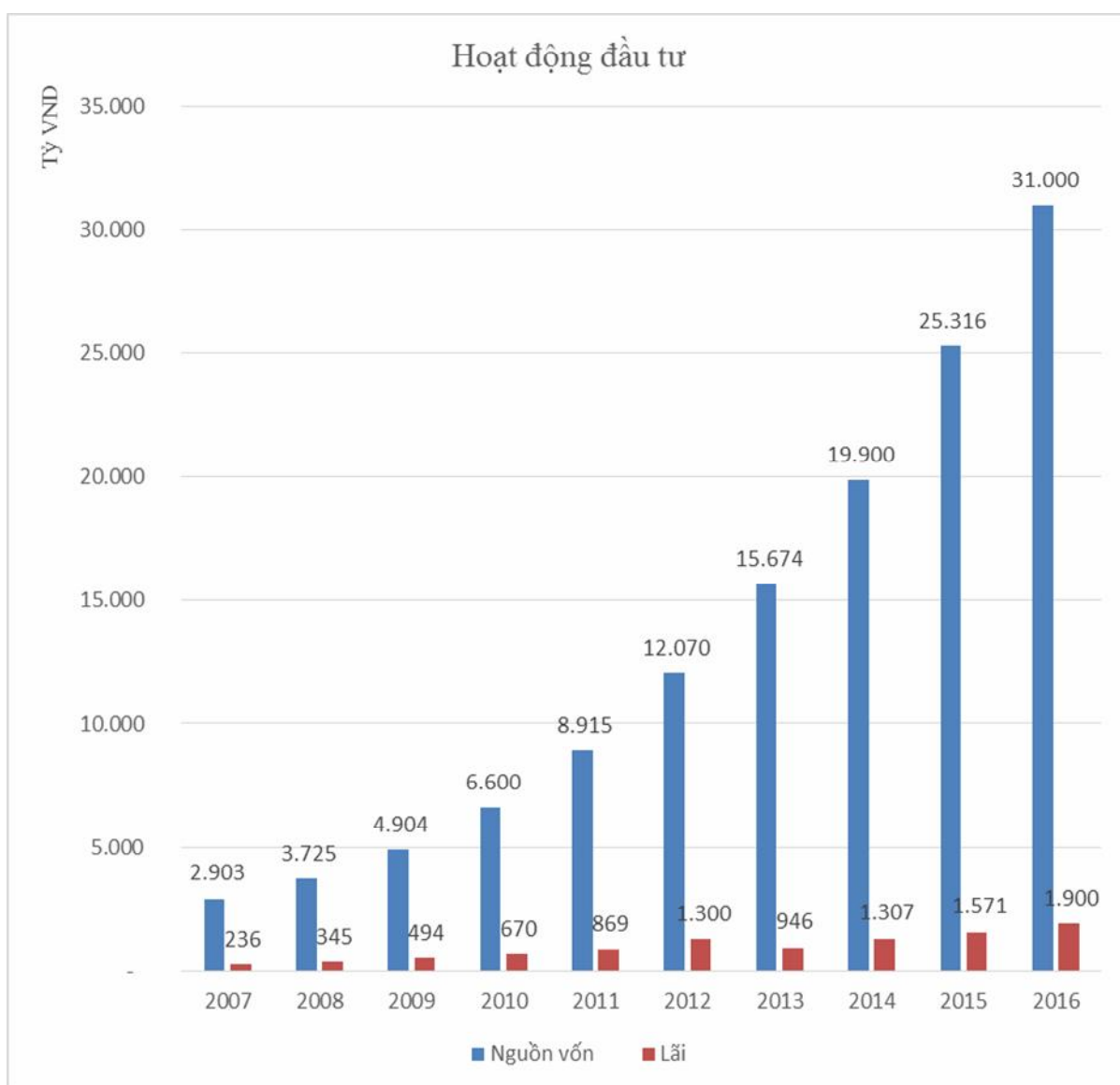
Với mong muốn thông qua hoạt động giám sát, thời gian tới BHTGVN sẽ phát hiện kịp thời các TCTD yếu kém, tiềm ẩn rủi ro. NHNN và BHTGVN đã tích cực phối hợp, chia sẻ thông tin nhằm giải quyết các vấn đề còn hạn chế và hỗ trợ BHTGVN thực hiện tốt hơn với chức năng giám sát, nâng cao hơn nữa chất lượng các báo cáo giám sát. Theo đó, NHNN và BHTGVN đã tập trung giải quyết hai vấn đề *thứ nhất*, NHNN đang triển khai dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin của ngân hàng trong đó dành cấu phần tương đối lớn cho BHTGVN, đến nay về cơ bản dự án đã hoàn thiện, *thứ hai*, đối với vấn đề hạn chế thông tin đầu vào, NHNN đã chỉ đạo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (NHNN) phối hợp với BHTGVN xây dựng dự thảo Thông tư về chia sẻ thông tin giữa NHNN và BHTGVN.

BHTGVN thực hiện giám sát định kỳ tháng, quý, năm đối với 100% TCTG BHTG. Thông qua kết quả thông tin báo cáo nhận được từ các TCTG BHTG, NHNN và từ các nguồn thông tin khác, BHTGVN đã thực hiện phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của các TCTG BHTG; phát hiện những biểu hiện yếu kém, vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng để báo cáo, kiến nghị NHNN xem xét xử lý kịp thời.

2.2.2.5. Hoạt động đầu tư

Năm 2010, tổng lượng vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN đã đầu tư là 6.599 tỷ đồng, tăng 34,56% so với cùng kì năm trước. Tổng lãi thu được từ hoạt động đầu tư vốn đạt 670 tỷ đồng, tăng 81% so với tổng số lãi thu được trong năm 2009. Năm 2011, tổng số vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN đã đầu tư mua trái phiếu và gửi tại các NHTM nhà nước là 8.914 tỷ đồng, với tổng số lãi thu được 869 tỷ đồng.

Biểu 2.2.5: Tổng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi được đầu tư theo các năm



**Nguồn: Báo cáo hàng năm của BHTGVN*

Năm 2012, tổng số vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN đã đầu tư mua trái phiếu và gửi tại các NHTM nhà nước là 11.971 tỷ đồng, với số lãi thu được khoảng

hơn 1.300 tỷ đồng, hoạt động đầu tư vốn đã góp phần nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN. Năm 2013, tổng lượng vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTG đã được đầu tư là gần 15.700 tỷ đồng (tính theo số tiền đầu tư), tăng gần 20% so với cùng kỳ năm trước với tổng số lãi thu được sau khi phân bổ giá vốn là khoảng 946 tỷ đồng. Năm 2014, tổng nguồn vốn hoạt động của BHTGVN là 21 nghìn tỷ đồng. Trên cơ sở cập nhật, phân tích tình hình biến động của thị trường tài chính - tiền tệ và nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, BHTGVN đã xây dựng các phương án đầu tư phù hợp với quy định của Luật BHTG nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn. Tổng lượng vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN đã đầu tư là 19,9 nghìn tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2013. Tổng số lãi hoạt động đầu tư tài chính thu được trong năm 2014 là 1.307 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2013.

Cuối năm 2015, tổng nguồn vốn hoạt động của BHTGVN là 26,6 nghìn tỷ đồng, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2014. Năm 2015, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, BHTGVN đã hạch toán chuyển số dư quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính sang vốn điều lệ để vốn điều lệ của BHTGVN đủ 5.000 tỷ đồng theo quy định. Nâng vốn điều lệ của BHTGVN từ 1.000 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng. BHTGVN đã được công nhận là thành viên đầu thầu trái phiếu Chính phủ đặc biệt tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tổng số vốn nhàn rỗi đã đầu tư là 25.316 tỷ đồng, tăng 25,5% so với cùng kỳ năm 2014, tổng số tiền lãi thu được từ hoạt động đầu tư này trong năm 2015 là 1.571 tỷ đồng, tăng 13,6% so với năm 2014. Hết năm 2016, tổng tài sản của BHTGVN đạt hơn 33 nghìn tỷ VND, tổng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi được đầu tư đạt hơn 31 nghìn tỷ VND (tăng 23,9% so với năm 2015), tổng thu đạt hơn 6,8 nghìn tỷ VND - trong đó thu phí đạt gần 5 nghìn tỷ và thu từ đầu tư đạt hơn 1,9 nghìn tỷ VND.

2.2.2.6. Tham gia kiểm soát đặc biệt và thu hồi tài sản

Tổ chức BHTG là một định chế Nhà nước góp phần bảo đảm an toàn trong hệ thống tài chính ngân hàng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền và tham gia vào quá trình KSDB đối với TCTG BHTG theo quy định của NHNNVN.

* *Đối với hoạt động KSDB*: Từ năm 2010 - 2016 có 2 mốc sau với 2 văn bản điều chỉnh về hoạt động KSDB đối với TCTD là Thông tư số 08/2010/TT-NHNN

và Thông tư số 07/2013/TT-NHNN. Cụ thể như sau:

Tại Thông tư số 08: BHTGVN không là thành viên của Ban KSDB đối với TCTD, mà thành phần là cán bộ tại các đơn vị có liên quan thuộc NHNN, NHNN chi nhánh, hoặc là cán bộ của TCTD khác do Thống đốc đề nghị. Sau khi Luật BHTG được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013, BHTGVN được ghi nhận là tổ chức tài chính do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ theo đề nghị của Thống đốc NHNN (Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về BHTG; NHNN chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về BHTG). Theo đó, một trong các quyền và trách nhiệm của tổ chức BHTG là tham gia vào quá trình KSDB đối với TCTG BHTG theo quy định của NHNN.

Thông tư 07: quy định trực tiếp về hoạt động KSDB đối với TCTD, BHTGVN là thành phần của Ban KSDB (bao gồm: cán bộ của NHNN, BHTGVN, các chuyên gia ngân hàng, cán bộ của TCTD do NHNN trung tập).

Biểu 2.6.1: Tổng hợp QTDND có vấn đề giai đoạn (2010-2016)

(Số liệu tính đến tháng 10/2016) (phụ lục đính kèm).

** Đối với hoạt động thanh lý:* Từ năm 2010-2016 chia thành 2 mốc thời gian.

Thông tư số 05/2010/TT-NHNN quy định về phá sản đối với TCTD, BHTGVN được tham gia vào Tổ quản lý, thanh lý tài sản trong trường hợp BHTGVN đã thực hiện việc chi trả tiền BHTG cho khách hàng của TCTG BHTG. Trên thực tế, không có TCTG BHTG nào bị phá sản mà chỉ áp dụng theo thủ tục giải thể (QTDND) nên vai trò của BHTGVN là được cử đại diện tham gia HĐTL trong trường hợp BHTGVN có thực hiện việc chi trả tiền bảo hiểm hoặc hỗ trợ tài chính cho QTDND.

Sau khi Luật Phá sản 2014 và Thông tư số 22/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật phá sản đã bãi bỏ các quy định về Tổ quản lý, thanh lý tài sản và quy định: (i) Quản tài viên là cá nhân hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản; (ii) BHTGVN là chủ nợ; (iii) theo thứ tự phân chia tài sản của TCTD được thực hiện ở hàng thứ 3, bao gồm: khoản tiền gửi, khoản tiền tổ chức BHTG phải trả cho người gửi tiền tại TCTD phá sản theo quy định của pháp luật về BHTG và hướng dẫn của NHNN.

Biểu 2.6.2: Tổng hợp kết quả thanh lý (phụ lục đính kèm)

Thực tế hoạt động tham gia KSDB của BHTGVN: Từ khi luật BHTG có hiệu lực, cùng với NHNN, BHTGVN đã tham gia hoạt động KSDB đối với các TCTD. Từ năm 2013 đến nay BHTGVN tham gia KSDB chủ yếu là QTDND cơ sở. Một số quỹ trong hệ thống đang gặp khó khăn và bị KSDB, BHTGVN đã cử cán bộ tham gia cùng với NHNN giám sát kiểm tra, theo dõi góp phần giúp các tổ chức này khôi phục được tình trạng mất khả năng chi trả và trở về trạng thái hoạt động bình thường. Tuy nhiên có một số tổ chức có nguy cơ phá sản, BHTGVN đã theo dõi giám sát để tránh thất thoát tài sản, giữ nguyên hiện trạng để thực hiện đúng quy trình nhằm bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông và người gửi tiền. Mặt khác, BHTG cũng đã kịp thời nắm vững số tiền gửi được bảo hiểm, số người gửi tiền để khi các tổ chức này dừng hoạt động thì sẽ kịp thời chi trả ngay tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền. Đồng thời BHTG cũng xác minh làm rõ những người gửi tiền, các sổ tiền gửi không rõ ràng nhằm bảo vệ quyền lợi cho người gửi tiền và tránh cho việc BHTGVN chi trả tiền gửi sai đối tượng dẫn đến thất thoát cho BHTGVN.

Qua một thời gian tham gia KSDB cùng với NHNN, những kết quả đã đạt được đã khẳng định được vị trí, vai trò của BHTGVN trong việc duy trì sự an toàn và ổn định của hệ thống tài chính ngân hàng, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền và cho chính BHTGVN. Nhìn chung, số tiền đã hoàn trả tiền cho BHTGVN/tổng số tiền phải trả cho BHTGVN trong thanh lý được gần 30%. Kết quả có được là do BHTGVN chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, đều đặn tham gia họp tại các HĐTL nắm bắt tình hình, bàn bạc và đề xuất biện pháp thu hồi tiền nợ.

2.2.3. Đánh giá hoạt động BHTGVN sau khi có Luật BHTG

Năm 2013, Luật BHTG đã chính thức có hiệu lực, hoạt động BHTG đã được điều chỉnh bởi cơ sở pháp lý cao nhất. BHTGVN trong giai đoạn này tiếp tục nghiên cứu, tham mưu với NHNN xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp lý, hướng dẫn Luật BHTG, đồng thời chú trọng triển khai Luật BHTG trong thực tiễn hoạt động của BHTGVN.

Luật BHTG tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các hoạt động nghiệp vụ BHTG; nâng cao vị thế của BHTGVN; mục tiêu hướng tới việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền một cách hiệu quả, công khai, minh bạch, góp phần duy trì sự ổn định của các TCTG BHTG và sự phát triển an toàn, lành mạnh hệ thống ngân hàng.

BHTGVN đã triển khai đầy đủ và có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ các hoạt động của BHTG và hướng tới các chuẩn mực quốc tế, tập trung vào các hoạt động giám sát từ xa, kiểm tra tại chỗ, tuyên truyền chính sách BHTG, tham gia vào quá trình kiểm soát đặc biệt TCTG BHTG theo chỉ đạo của NHNN, thu phí, chi trả tiền bảo hiểm, xử lý nợ và thanh lý tài sản, bảo toàn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn được giao, nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN.

Tăng cường phối hợp và chia sẻ thông tin với NHNN và các cơ quan bộ, ngành nhằm góp phần tích cực trong đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. Phát triển nguồn nhân lực phù hợp với xu thế phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có đạo đức nghề nghiệp và làm việc chuyên nghiệp.

Triển khai xây dựng Chiến lược phát triển BHTGVN đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 báo cáo NHNN trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở cho sự phát triển bền vững của BHTGVN.

2.2.3.1. Thành công

BHTG là một hoạt động bảo hiểm mang đầy rủi ro, do vậy, thông thường Nhà nước phải đứng ra thành lập tổ chức BHTG để bảo vệ quyền lợi của công chúng khi họ gặp rủi ro về tiền gửi. Đây là một biện pháp phòng ngừa rủi ro được nhiều quốc gia thiết lập nhằm bảo vệ người gửi tiền trong trường hợp một ngân hàng mất khả năng chi trả. Tổ chức BHTG là sự an toàn, là sự tin cậy, là sự đảm bảo cho các khoản tiền gửi của khách hàng tại hệ thống ngân hàng. Đồng thời, tổ chức BHTG còn thực hiện một nhiệm vụ quan trọng khác là ngăn ngừa, xử lý những khủng hoảng của ngân hàng nhằm đảm bảo an toàn vi mô cho toàn bộ hệ thống tài chính.

Luật BHTG được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013. Để luật BHTG kịp thời phát huy tác dụng khi

đi vào cuộc sống, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28/6/2013, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BHTG; NHNNVN ban hành Thông tư 24/2014/TT-NHNN ngày 06/9/2014 hướng dẫn một số nội dung về hoạt động BHTG.

Hoạt động của BHTGVN đáp ứng đầy đủ những mục tiêu chủ yếu đã đề ra là nhằm: (1) Bảo vệ người gửi tiền nhỏ, lẻ, bị hạn chế về thông tin đối với các tổ chức nhận tiền gửi; (2) Góp phần bảo đảm cho hệ thống tài chính - ngân hàng được hoạt động ổn định, ngăn chặn các trường hợp đổ vỡ trong hệ thống này và (3) Góp phần nâng cao tính cạnh tranh bình đẳng giữa các định chế tài chính và lành mạnh hóa sự phát triển của hệ thống tài chính. Tuy nhiên, trong thực tế giữa 3 mục tiêu này có mối quan hệ khăng khít, biện chứng với nhau và mục tiêu bảo vệ quyền lợi người gửi tiền được coi là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của BHTGVN.

Đầu tư hiệu quả nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN trên cơ sở đảm bảo an toàn và phát triển vốn. Công tác quản lý và đầu tư vốn được thực hiện đúng quy định, an toàn, hiệu quả, góp phần phát triển nguồn vốn, đem lại nguồn thu bổ sung cho quỹ dự phòng nghiệp vụ và nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN.

Tính đến hết tháng 6/2017, tổng nguồn vốn hoạt động của BHTGVN là hơn 33 nghìn tỷ đồng, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm 2016. Hầu hết lượng vốn tạm thời nhàn rỗi được đầu tư vào trái phiếu Chính phủ.

BHTGVN đã không ngừng tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chính sách, pháp luật BHTG để tăng cường niềm tin của người gửi tiền đối với hệ thống tài chính - ngân hàng ở Việt Nam. BHTGVN đã chủ động đề xuất với NHNN sửa đổi một số nội dung Điều lệ hiện hành về tổ chức và hoạt động BHTGVN để phù hợp với thực tế và tham gia ý kiến góp ý cho Dự thảo Luật sửa đổi Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD để BHTGVN có thể tham gia sâu hơn trong kiểm soát rủi ro của các TCTD;

2.2.3.2. Hạn chế

Trong hơn 4 năm qua, việc triển khai quy định pháp luật về BHTG đã mang lại nhiều ý nghĩa về mặt kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, cũng đã bộc lộ một số bất cập như hạn mức chi trả tiền gửi thấp không phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội như hiện nay và là một

trong những nguyên nhân làm giảm tính hiệu quả trong việc kích thích nguồn vốn huy động trong dân, phí BHTG được áp dụng theo cơ chế đồng hạng không đảm bảo yếu tố thị trường và công bằng đối với các TCTG BHTG; quy định liên quan đến địa vị pháp lý, mô hình của tổ chức BHTGVN chưa đầy đủ; quy định về cơ chế phân công và phối hợp giữa các cơ quan giám sát tài chính chưa rõ ràng minh bạch, vai trò của tổ chức BHTGVN trong việc xử lý đồ vỡ tín dụng chưa phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn của thị trường tài chính Việt Nam. Xét trên nhiều góc độ thì hoạt động BHTG ở Việt Nam hiện chưa tạo dựng được niềm tin, góp phần giữ sự ổn định cho hệ thống các TCTG BHTG, ...

Luật BHTG chưa ban hành quy định cơ chế, nội dung và phân định trách nhiệm về chia sẻ thông tin giữa NHNN với BHTGVN, giữa BHTGVN với các cơ quan quản lý, giám sát khác và các TCTG BHTG.

2.2.3.3. Nguyên nhân hạn chế

Sự ra đời của Luật BHTG là cơ sở vững chắc cho hoạt động của BHTGVN, đồng thời khẳng định vai trò và vị thế quan trọng của BHTGVN trong hệ thống tài chính-ngân hàng.

Trên cơ sở quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn sau Luật đã được ban hành, tuy nhiên các văn bản này còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán do đó khi triển khai các hoạt động nghiệp vụ BHTG gặp phải nhiều điểm vướng mắc, bất hợp lý cần được tháo gỡ như hạn mức chi trả, phí BHTG đồng hạng, thanh lý, kiểm soát đặc biệt và chi trả BHTG khi xảy ra đồ vỡ, năng lực tài chính của BHTGVN, ...

Luật BHTG ra đời tới nay đã 4 năm nhưng bộc lộ nhiều bất cập như: thời hạn trả tiền bảo hiểm 60 ngày là tương đối dài; hạn mức chi trả bảo hiểm là 75 triệu đồng/người/khoản tiền gửi còn thấp, chưa phù hợp với mức độ lạm phát và thu nhập bình quân của xã hội; phí BHTG áp dụng đồng hạng đối với tất cả các TCTG là 0,15%/năm tính trên tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm bình quân tại TCTG BHTG; năng lực của các cán bộ BHTG, nhất là trong công tác thẩm định, đánh giá, giám sát các tổ chức nhận BHTG; công tác hiện đại hóa công nghệ thông tin và hệ thống cơ sở dữ liệu chưa được quan tâm đầu tư... Điều đó cho thấy, hiệu quả hoạt động BHTG ở Việt Nam chưa tạo được sức lan tỏa như mong đợi.

Hoạt động BHTG ở nước ta còn khá mờ nhạt và chưa đúng tầm. Nguyên nhân chính là do chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức BHTGVN với các cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng để giải quyết những khó khăn của ngành ngân hàng tại Việt Nam. Hay trong công tác thanh lý tài sản của TCTG BHTG khi bị phá sản, quá trình rà soát, phân tích các khoản nợ và làm việc với các bên liên quan để tìm biện pháp thu hồi tiền cho các chủ nợ (gồm cả tiền chi trả bảo hiểm để thu hồi nợ cho BHTGVN) cũng gặp rất nhiều khó khăn. Việc gia hạn hay kết thúc thanh lý một TCTG BHTG cũng chưa có quy định, tiêu chuẩn cụ thể, dẫn tới mất nhiều thời gian và hiệu quả thu tiền thấp. Công tác thông tin tuyên truyền các chế độ chính sách, pháp luật về hoạt động nghiệp vụ BHTG chưa được phổ biến rộng rãi đến các TCTG BHTG, người gửi tiền tại các TCTG BHTG và các đối tượng công chúng khác nhau. Công tác quản lý và đầu tư vốn chủ yếu là gửi tiền tại NHNN, mua trái phiếu Chính phủ và tín phiếu Kho bạc nên không đem lại nguồn thu bổ sung lớn cho quỹ dự phòng nghiệp vụ nên chưa nâng cao được năng lực tài chính của BHTGVN.

Kết luận chương 2

Luật BHTG tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các hoạt động nghiệp vụ BHTG; nâng cao vị thế của BHTGVN; mục tiêu hướng tới việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền một cách hiệu quả, công khai, minh bạch, góp phần duy trì sự ổn định của các TCTG BHTG và sự phát triển an toàn, lành mạnh hệ thống ngân hàng. BHTGVN đã triển khai có hiệu quả các chính sách BHTG mục tiêu chính là bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và góp phần tích cực vào phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng. Các hoạt động về chính sách và hỗ trợ được triển khai đồng bộ, thống nhất góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hoạt động giám sát rủi ro áp dụng một số tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

BHTGVN đã chủ động triển khai có hiệu quả các mảng nghiệp vụ BHTG như: đầu tư phát triển nguồn vốn đúng quy định, an toàn, hiệu quả, góp phần phát triển nguồn vốn, đem lại nguồn thu bổ sung cho quỹ dự phòng nghiệp vụ phát triển nguồn vốn một cách bền vững nhằm nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN; thực hiện

thu phí, kiểm tra, giám sát, chính xác, hiệu quả, đúng kế hoạch đối với các TCTG BHTG để phát hiện sớm rủi ro; trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ chi trả, thực hiện chi trả đúng, đủ, kịp thời và phù hợp với các quy định pháp luật; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về BHTG và phổ biến kiến thức tài chính; tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo và Tổ chỉ đạo giám sát, kiểm tra và xử lý QTDND có vấn đề, phối hợp với Chi nhánh NHNN trong triển khai chính sách BHTG và xử lý các QTDND yếu kém trên địa bàn.

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng đóng vai trò quan trọng trong triển khai và đổi mới nghiệp vụ, nhiều đề án nghiên cứu đã được hoàn thành và ứng dụng thực tế mang lại hiệu quả cao. Dự án hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng được triển khai có hiệu quả theo mô hình và chuẩn mực quốc tế.

Chương 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG BHTG THEO LUẬT BHTG

3.1. Yêu cầu và định hướng tăng cường hoạt động BHTG

3.1.1. Yêu cầu, mục tiêu và định hướng từ hệ thống tài chính

Định hướng từ hệ thống tài chính là tăng cường quản lý và điều hành hiệu quả hoạt động của thị trường tiền tệ, thị trường vàng, thị trường ngoại hối; điều hành linh hoạt và có hiệu quả chính sách tiền tệ, duy trì sự ổn định lãi suất, tỷ giá phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô và thị trường góp phần bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng, ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính và duy trì môi trường kinh doanh an toàn cho các tổ chức tín dụng; kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, đặc biệt là tín dụng cho những lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro như đầu tư, kinh doanh chứng khoán, bất động sản.

Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phương án tăng vốn điều lệ của các NHTM do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đến năm 2020 để đáp ứng đủ vốn của các ngân hàng theo chuẩn mực vốn của Basel II theo Phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trong công tác thanh tra, giám sát hoạt động các TCTD, đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng và sở hữu cổ phần, cổ phiếu gây tác động bất lợi tới thị trường chứng khoán và rủi ro cho TCTD, Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động mua, bán nợ của các doanh nghiệp, về hình thành, phát triển và quản lý thị trường mua, bán nợ. Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho hoạt động chứng khoán hóa các khoản nợ, góp phần tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các giao dịch trên thị trường chứng khoán và chuyển đổi các khoản nợ xấu thành chứng khoán để giao dịch công khai, minh bạch vào thời điểm thích hợp.

Các bộ, ngành và địa phương chỉ đạo các doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước) xây dựng kế hoạch và thực hiện lộ trình thoái vốn góp, vốn cổ phần tại TCTD. Xây dựng lộ trình và bố trí

nguồn xử lý các khoản nợ xấu liên quan đến nợ đọng xây dựng cơ bản có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trung ương, địa phương, nợ xấu từ hoạt động cho vay theo các chương trình dự án, chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, khoản nợ được Chính phủ bảo lãnh.

3.1.2. Yêu cầu, mục tiêu và định hướng từ BHTG Việt Nam

Yêu cầu, mục tiêu và định hướng tăng cường hoạt động BHTG theo Luật BHTG bằng việc xây dựng Chiến lược phát triển dài hạn không đơn giản chỉ là “quyền”, một nhân tố quan trọng nâng cao hiệu quả quản lý mà còn là một “nhiệm vụ” của BHTGVN. BHTGVN xây dựng chiến lược phát triển BHTG để NHNN trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện. Trong bối cảnh Luật BHTG đã có hiệu lực được gần 5 năm, BHTGVN cần có những thảo luận kỹ lưỡng để xác định: i) hướng tiếp cận xây dựng Chiến lược và ii) các nội hàm của Chiến lược phát triển làm cơ sở trình lên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời gian tới.

**** Hướng tiếp cận xây dựng Chiến lược***

Chiến lược cần phù hợp với văn bản pháp lý hiện hành, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội nói chung cũng như của ngành ngân hàng nói riêng. Tuy nhiên, Chiến lược cũng cần có độ mở làm tiền đề cho sự phát triển của BHTGVN trong tương lai. Chiến lược cần nghiêm túc tiếp thu ý kiến chỉ đạo của đại diện lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo NHNN trong các chương trình hội nghị, làm việc với BHTGVN. Quá trình thảo luận xây dựng Chiến lược được thực hiện trên diện rộng: trong nội bộ của BHTGVN, xin ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, các chuyên gia kinh tế có kinh nghiệm chuyên sâu. Việc xin ý kiến rộng rãi, tiếp thu nghiêm túc các ý kiến góp ý có thể tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phê duyệt cũng như triển khai Chiến lược. BHTGVN xác định trong trung hạn (5 năm tới) sẽ là giai đoạn tích lũy, củng cố năng lực tài chính, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, phát triển ổn định bền vững; từ đó tạo đà cho bước phát triển đột phá hơn trong tương lai. Về hình thức chiến lược, cần xác định Chiến lược sẽ được thể hiện theo mẫu của một tổ chức quốc tế hay theo cách thức thể hiện truyền thống của một số Chiến lược phát triển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong thời gian gần đây?. Để thuận lợi cho quá trình phê duyệt, có thể nghiên cứu kỹ các nội dung của một chiến lược phát

triển hiện tại, từ đó thể hiện dưới hình thức văn bản chiến lược đang được áp dụng phổ biến tại Việt Nam.

**** Về các nội hàm của Chiến lược phát triển BHTGVN mục tiêu tổng quát***

Trong giai đoạn tới, BHTGVN xác định mục tiêu tổng quát là “Hoạt động theo mô hình tổ chức BHTG hiệu quả, trở thành công cụ chính sách hữu hiệu góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ chung ngành ngân hàng”. Có hai điểm trọng yếu trong Mục tiêu tổng quát này: *Thứ nhất*, BHTGVN đã triển khai nghiên cứu “*Bộ nguyên tắc cốt lõi phát triển hệ thống BHTG hiệu quả*” do Hiệp hội BHTG quốc tế và Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng ban hành, trong đó đã đánh giá các điểm đã đạt được, các điểm còn cần hoàn thiện để trở thành một “tổ chức BHTG hiệu quả”. Vì vậy, hoạt động theo mô hình tổ chức BHTG hiệu quả là mục tiêu có tính tổng quát cao, có nội hàm rõ ràng và đã được cân nhắc kỹ lưỡng. *Thứ hai*, BHTGVN xác định tổ chức được thành lập bởi ngành ngân hàng, các đối tượng có liên quan trực tiếp đến chính sách BHTG đều gắn với ngành ngân hàng (người gửi tiền, TCTD, cơ quan quản lý nhà nước); BHTGVN hướng tới trở thành công cụ chính sách hữu hiệu góp phần vào thành công của ngành ngân hàng, qua đó đạt được thành công của tổ chức.

**** Định hướng về hoạt động nghiệp vụ***

Tập trung thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ cốt lõi của tổ chức BHTG đã được quy định trong Luật BHTG và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật như thu phí, chi trả, kiểm tra, giám sát; tích lũy kinh nghiệm, chứng minh vai trò, năng lực của BHTGVN từ đó có thể được giao thẩm quyền mở rộng hơn.

Đối với các nội dung còn quy định mở trong văn bản pháp lý hiện hành (như hệ thống phí phân biệt, hạn mức trả tiền bảo hiểm): nghiên cứu đề xuất theo hướng bảo vệ tốt hơn người gửi tiền và góp phần tích cực hơn trong việc đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, cần lưu ý các nội dung của chính sách BHTG có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và cần được thực hiện đồng bộ. Ví dụ, việc tăng hạn mức cần gắn với việc nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN, đáp ứng đủ yêu cầu chi trả khi cần thiết. Việc triển khai hệ thống phí phân biệt cần gắn với năng lực và quyền hạn trong việc giám sát, đánh giá rủi ro, phân loại các TCTG BHTG. Trong thời gian trước mắt, hướng các hoạt động nghiệp vụ BHTG hiện đại (giám sát rủi

ro, tái cấu trúc hoạt động) vào các TCTG BHTG quy mô nhỏ như các QTDND cơ sở, tổ chức tài chính vi mô. Tích lũy kinh nghiệm để được giao nhiệm vụ đối với các TCTG BHTG quy mô lớn hơn vào thời điểm thích hợp.

Trong giai đoạn nền kinh tế và hệ thống ngân hàng phát triển ổn định, tập trung vào các giải pháp tích lũy, nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN và các chương trình nâng cao nhận thức của công chúng về việc sử dụng dịch vụ ngân hàng và BHTG. Trên cơ sở đó, xây dựng hình ảnh của BHTGVN là tổ chức công, có đủ năng lực tài chính và hoạt động có trách nhiệm vì mục tiêu chung của ngành ngân hàng và của người dân.

*** Định hướng về hoạt động hỗ trợ hậu cần (phụ lục đính kèm)**

3.1.3. Yêu cầu, mục tiêu và định hướng từ Luật BHTG

Mục tiêu của hoạt động BHTG đã một lần nữa được khẳng định chính thức tại Luật BHTG: “Hoạt động BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng”^[1]. Quy định này hoàn toàn phù hợp với khuyến nghị của Bộ nguyên tắc cơ bản để Phát triển hệ thống BHTG hiệu quả ^[2] của IADI (Nguyên tắc 1 – Xác định mục tiêu) là mục tiêu pháp lý cao nhất. Nguyên tắc hoạt động của BHTG vẫn tiếp tục kế thừa từ cơ sở pháp lý trước đây khi yêu cầu tham gia bắt buộc đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi của cá nhân. Điều này cũng phù hợp với Bộ nguyên tắc cơ bản (Nguyên tắc 8 – TCTG BHTG và phạm vi bảo hiểm), là cơ sở để tập trung nguồn lực bảo vệ người gửi tiền khi xảy ra đổ vỡ và hơn thế, hỗ trợ quá trình giám sát thường xuyên các tổ chức nhận tiền gửi, đảm bảo các tổ chức này tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật. Hoạt động BHTG phải công khai minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. So với Nghị định 89 và Nghị định 109 về BHTG được ban hành trước đây, Luật BHTG đã tách bạch và quy định rõ ràng hơn nguyên tắc này.

3.2. Giải pháp tăng cường hoạt động BHTG

3.2.1. Xây dựng khung phí bảo hiểm tiền gửi

Hiện nay đang áp dụng mức phí đồng hạng là 0,15% trên tổng tiền gửi được bảo

^[1] Điều 1, Luật BHTG ;^[2] Sau đây gọi tắt là Bộ nguyên tắc cơ bản

hiểm cho tất cả các TCTD tham gia BHTG, mức phí đồng hạng này chỉ phù hợp với giai đoạn đầu mới thành lập BHTGVN. Tất cả các TCTG BHTG đều được áp dụng chung một tỷ lệ phí như nhau, hình thức đóng phí này có ưu điểm là không phải đánh giá phân loại các TCTD. Tỷ lệ phí BHTG đồng hạng tạo ra sự ỷ lại, không có tác dụng khuyến khích các ngân hàng đua nhau thực hiện tốt, an toàn để hưởng phí BHTG thấp, thúc đẩy ngân hàng chấp nhận rủi ro cao hơn trong hoạt động của mình.

Một trong những thách thức của việc xây dựng hệ thống thu phí phân biệt là tìm được phương pháp phù hợp để phân biệt mức độ rủi ro của các ngân hàng. Hiện có một số phương pháp tích cực và nhìn chung chúng bao gồm các hệ phương pháp chủ yếu tập trung vào mục tiêu và các yếu tố định lượng và/hoặc các phương pháp luận chủ yếu dựa trên các thông tin định tính hoặc mang tính chất chủ quan hơn. Mặc dù có những phương pháp khác nhau để phân biệt rủi ro, các phương pháp lựa chọn phải đảm bảo hiệu quả để: (1) Phân loại ngân hàng theo những hạng mục rủi ro; (2) Sử dụng các thông tin thích hợp; (3) Hướng về tương lai; (4) Được hệ thống ngân hàng và các cơ quan giám sát chấp nhận. Việc thu phí trên cơ sở rủi ro có những ưu điểm là đối xử bình đẳng giữa các TCTD, góp phần hạn chế rủi ro, đặc biệt là rủi ro đạo đức trong các ngân hàng. Thêm vào đó việc quyết định về số lượng các mức phí là một vấn đề quan trọng khi xây dựng một hệ thống thu phí phân biệt. Việc sử dụng một số lượng lớn các mức phí có ưu điểm là có thể dẫn tới sự khác biệt không đáng kể của các mức phí và có thể phân biệt được rủi ro chi tiết hơn giữa các ngân hàng. Điều này có thể cho phép tổ chức BHTG có thể dễ dàng phân loại các ngân hàng theo xếp loại đánh giá. Tuy nhiên, việc sử dụng nhiều mức phí có thể dẫn đến việc các ngân hàng sẽ ít yêu cầu đánh giá lại xếp loại hơn và số lượng lớn hạng mức phí cũng làm tăng sự phức tạp của hệ thống. Đồng thời, cũng làm giảm sự khác biệt giữa các mức phí, do vậy làm giảm động cơ của các ngân hàng muốn chuyển từ mức phí này sang mức phí khác.

Tóm lại, mục tiêu là phải có các hạng mức phí khác nhau – căn cứ vào số lượng và quy mô của các ngân hàng để đảm bảo rằng có sự khác biệt đáng kể giữa các mức phí để tạo động cơ khuyến khích các ngân hàng cải thiện công tác quản lý rủi ro của mình. Trong quá trình tạo ra khuyến khích này tất cả các ngân hàng nên đều phải đóng phí, dù thấp, vì tất cả các ngân hàng đều phải chịu chi phí về BHTG bởi lẽ các ngân hàng chính là những

khách hàng trực tiếp hưởng lợi từ một hệ thống BHTG hiệu quả và tất cả các ngân hàng, dù thịnh vượng, đều có thể gây ra rủi ro đối với tổ chức BHTG.

Do vậy trước khi thành lập một hệ thống thu phí phân biệt, việc quan trọng là phải đánh giá lại tình hình nền kinh tế, cấu trúc của hệ thống ngân hàng, thái độ và kỳ vọng của công chúng, sức mạnh của công tác giám sát và quản lý an toàn, khung pháp lý và mức độ lành mạnh của cơ chế tiết lộ thông tin và cơ chế kế toán. Thu phí trên cơ sở rủi ro là một bước tiến cần thiết để khẳng định sự phát triển của hoạt động BHTG tại Việt Nam. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất là phải đưa ra được phương pháp tính phí mang tính thuyết phục cao, đảm bảo các điều kiện tạo ra sự công bằng giữa các TCTD, theo thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam. Vấn đề này đã được BHTGVN nghiên cứu và xây dựng xong đề án thu phí BHTG theo mức độ rủi ro trình Chính phủ. Hy vọng với những tính năng vượt trội của một mô hình tổ chức BHTG giảm thiểu rủi ro, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đảm bảo tính ổn định và an toàn hệ thống, đề án thu phí trên cơ sở rủi ro sẽ được phê duyệt trong thời gian sớm nhất.

3.2.2. Điều chỉnh hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi phù hợp

Về hạn mức trả tiền bảo hiểm, Hạn mức trả tiền bảo hiểm là số tiền tối đa mà tổ chức BHTG trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một TCTG BHTG khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Thủ tướng chính phủ quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm theo đề nghị của NHNN trong từng thời kỳ.

Theo thông lệ quốc tế, hạn mức và phạm vi bảo hiểm có giới hạn là những tiêu chuẩn đáng tin cậy, làm giảm thiểu rủi ro rút tiền hàng loạt, đồng thời không được làm xói mòn kỷ luật thị trường.

Hạn mức chi trả phải được xây dựng sao cho phần lớn người gửi tiền ở các ngân hàng được bảo vệ, nhưng phải đảm bảo có một tỷ lệ đáng kể giá trị tiền gửi không được bảo hiểm (nghĩa là có sự cạnh tranh của các ngân hàng, người gửi tiền cũng phải cân nhắc tìm đến các ngân hàng tốt để gửi tiền như là một khoản đầu tư) (*phụ lục đính kèm*).

Trong trường hợp một tỷ lệ đáng kể giá trị tiền gửi được bảo vệ, phải giảm thiểu rủi ro đạo đức bằng các quy định và cơ chế giám sát chặt chẽ, cũng như bằng các thiết chế giám sát khác của BHTG. Với tiêu chuẩn trên, nhiều chuyên gia cho rằng hạn mức hiện nay thấp hơn nhiều so với thu nhập bình quân đầu người và tỷ lệ lạm phát hàng năm.

Để đảm bảo tốt hơn quyền lợi người gửi tiền, ổn định tâm lý, tạo dựng niềm tin công chúng vào các ngân hàng, cần nghiên cứu nâng hạn mức trả tiền bảo hiểm, hạn mức chi trả hợp lý vào khoảng 2 lần thu nhập bình quân đầu người/năm (GDP đầu người bình quân của Việt Nam tính đến cuối năm 2016 là khoảng 2.215 USD ước tính đạt 48,6 triệu đồng). Vậy hạn mức chi trả tiền bảo hiểm phải đạt khoảng 90-100 triệu đồng có vẻ như là hợp lý hơn. Việc ấn định hạn mức này cũng nên được đánh giá lại (5 năm/lần) để đảm bảo phù hợp với các chính sách công khác của Nhà nước.

3.2.3. Hoàn thiện công cụ kiểm tra, giám sát

**** Hoàn thiện công cụ kiểm tra:***

Trước khi có Luật BHTG, BHTGVN có nhiệm vụ theo dõi, giám sát kiểm tra việc chấp hành các quy định về BHTG và an toàn trong hoạt động của các TCTG BHTG theo Nghị định 89 và 109 về BHTG. Khi xác định TCTG BHTG có nguy cơ dẫn đến mất khả năng chi trả, thất thoát lớn về tài sản, hoặc có tác động nghiêm trọng tới các TCTD khác, BHTGVN có quyền yêu cầu TCTG BHTG có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, đồng thời báo cáo NHNN để có biện pháp xử lý khẩn cấp.

Sau khi Luật BHTG có hiệu lực, nhiệm vụ của BHTGVN là theo dõi và kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG, không được thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn trong hoạt động ngân hàng. Trong khi đó, đối với nghiệp vụ giám sát từ xa, BHTGVN được thực hiện giám sát hai nội dung này.

Kiểm tra tại chỗ là hoạt động hỗ trợ và bổ sung cho hoạt động giám sát từ xa trong việc theo dõi và giám sát các tổ chức vi phạm an toàn trong hoạt động và vi phạm pháp luật về BHTG. Hoạt động kiểm tra được thực hiện theo định hướng giám sát. Tuy nhiên, với quy định của Luật BHTG thì kết quả giám sát từ xa không còn là nguồn thông tin đầu vào cho hoạt động kiểm tra tại chỗ.

Như vậy, để tăng cường vai trò của BHTGVN trong phát hiện sớm các TCTD có vấn đề, cần có cơ chế để BHTGVN được tiếp cận với thông tin về TCTG BHTG chính xác và kịp thời. Nói cách khác, các văn bản dưới Luật cần quy định cụ thể về cách thức, biện pháp tiếp cận thông tin của BHTGVN để đảm bảo hỗ trợ hiệu quả cho việc phát hiện sớm các tổ chức tài chính có vấn đề.

Bên cạnh đó, BHTGVN cần tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng các kinh nghiệm quốc tế trong giám sát, phát hiện sớm các TCTG BHTG gặp vấn đề. Đồng thời, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc ban hành các văn bản cho phép thu thập thông tin trực tiếp từ TCTG BHTG để nâng cao chất lượng công tác giám sát hệ thống ngân hàng nói chung, giúp BHTGVN chủ động trong triển khai các hoạt động nghiệp vụ và bảo vệ tốt hơn quyền lợi người gửi tiền.

Có thể nói, việc trao cho BHTGVN nhiệm vụ phát hiện sớm các TCTD gặp vấn đề là quy định tiến bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế và khuyến nghị của IADI. Hoạt động giám sát rủi ro của BHTGVN nếu được thực hiện tốt có thể tạo ra một kênh giám sát bổ sung, độc lập, khách quan nhằm kiểm soát tốt rủi ro đối với TCTG BHTG, góp phần đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng.

BHTGVN thực hiện giám sát định kỳ tháng, quý, năm đối với 100% TCTG BHTG. Thông qua kết quả thông tin báo cáo nhận được từ các TCTG BHTG, NHNN và từ các nguồn thông tin khác, BHTGVN đã thực hiện phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của các TCTG BHTG; phát hiện những biểu hiện yếu kém, vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng để báo cáo, kiến nghị NHNN xem xét xử lý kịp thời.

Công tác kiểm tra tại chỗ luôn được BHTGVN quan tâm. Tính đến 31/12/2016, toàn hệ thống đã hoàn thành kiểm tra đối với 463 TCTG BHTG gồm 42 NHTM, 419 QTDND và 02 Tổ chức tài chính vi mô, đạt 100% kế hoạch kiểm tra năm 2016.

** Hoàn thiện công tác giám sát:*

Hoạt động giám sát của tổ chức BHTG đối với tổ chức nhận tiền gửi có vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa những hậu quả xấu từ sự đổ vỡ của những tổ chức này, đồng thời góp phần quan trọng vào việc hạn chế rủi ro đạo đức trong hoạt động của các TCTG BHTG.

Hiện nay, hoạt động giám sát ngân hàng (GSNH) chính thức được luật hóa và được thực hiện bởi NHNN thông qua Cơ quan Thanh tra, GSNH trực thuộc NHNN. Nhưng quy định này đã dẫn đến sự chồng chéo trong chức năng của các cơ quan có thẩm quyền trong giám sát hoạt động của tổ chức nhận tiền gửi.

Một số giải pháp góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về hoạt động giám sát của tổ chức BHTG trong giai đoạn hiện nay:

Một là, thống nhất thẩm quyền GSNH về NHNN để bảo đảm tính thống nhất của pháp luật về GSNH, bởi lẽ:

Thứ nhất, pháp luật hiện hành giao cho NHNN Việt Nam thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra, GSNH^[1] thông qua Cơ quan Thanh tra, GSNH. Theo đó, Cơ quan Thanh tra, GSNH là cơ quan trực thuộc NHNNVN thực hiện chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát chuyên ngành về ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; tham mưu, giúp Thống đốc NHNN quản lý nhà nước đối với các TCTD, tổ chức tài chính quy mô nhỏ, hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác; thực hiện phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật^[2].

Thứ hai, Luật NHNNVN năm 2010 đã có quy định để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa việc thực hiện hoạt động GSNH theo Luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động thanh tra giám sát cũng như các yêu cầu giám sát các ngân hàng hoạt động tại Việt Nam. Theo đó, trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về thanh tra, GSNH của Luật này với quy định của Luật khác thì thực hiện theo quy định của Luật này^[3], như vậy, Luật NHNN xác định ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành về GSNH là phù hợp, bảo đảm được *tính độc lập, quyền hạn, tính minh bạch và sự hợp tác* trong GSNH theo tiêu chuẩn của Basel II. Để bảo đảm sự phối hợp giữa NHNN với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động giám sát hoạt động của ngân hàng nước ngoài, NHNN trao đổi thông tin và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thanh tra, giám sát các ngân hàng của nước ngoài trong việc thanh tra, giám sát đối tượng thanh tra, giám sát các ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và đối tượng thanh tra, giám sát các ngân hàng của Việt Nam hoạt động giám sát phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Nói khác đi, Luật NHNNVN đã xác lập cơ chế pháp lý hoàn chỉnh cho việc thực hiện nhiệm vụ GSNH, do vậy, việc tiếp tục cho phép tổ chức BHTG giám sát TCTG BHTG là không cần thiết.

^[1] Điều 4 Khoản 11 Luật NHNNVN 2010; ^[2] Khoản 1 Điều 1 Quyết định số: 83/2009/QĐ-TTg, ngày 27/05/2009 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc NHNNVN; ^[3] Khoản 4 Điều 51 Luật NHNN 2010;

Thứ ba, Luật NHNN năm 2010 đã quy định cụ thể đối tượng GSNH. Luật NHNN 2010 tiếp tục khẳng định, NHNN thực hiện việc GSNH đối với mọi hoạt động của TCTD chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngoài ra, Luật NHNN 2010 còn bổ sung thêm các đối tượng GSNH sau:

- Trong trường hợp cần thiết, NHNN yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát hoặc phối hợp giám sát công ty con, công ty liên kết của TCTD;
- Tổ chức có hoạt động ngoại hối, hoạt động kinh doanh vàng; tổ chức hoạt động thông tin tín dụng; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không phải là ngân hàng;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN.

Hai là, khi đã thống nhất thẩm quyền GSNH do NHNN thực hiện thì BHTG có cần thiết phải tiếp tục thực hiện việc giám sát đối với TCTG BHTG không.

Theo quan điểm của cơ quan soạn thảo thì không tiếp tục trao cho BHTGVN thực hiện các chức năng (i) thanh tra tại chỗ, giám sát trực tiếp việc thực hiện các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng của TCTG BHTG; (ii) hỗ trợ tài chính cho TCTG BHTG khi tổ TCTG BHTG gặp khó khăn về khả năng chi trả và (iii) can thiệp vào hoạt động nội bộ của TCTG BHTG, nhưng vẫn cho phép tổ chức BHTG thực hiện chức năng thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định về BHTG và thực hiện chức năng giám sát từ xa việc thực hiện các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng của TCTG BHTG.

Mặc dù NHNN có thẩm quyền GSNH nhưng BHTGVN vẫn phải thực hiện giám sát đối với TCTG BHTG. Tuy nhiên, cần nhận thức rằng, thực chất của việc giám sát này là sự giám sát của tổ chức nhận bảo hiểm đối với đối tượng tham gia bảo hiểm để tránh cho TCTG BHTG lợi dụng việc tham gia BHTG, vì mục tiêu lợi nhuận có thể thực hiện các phương án kinh doanh có có nguy cơ gây đổ vỡ trong kinh doanh. Điều này xuất phát từ tâm lý y lại của người tham gia bảo hiểm, pháp luật bảo hiểm cần phải tạo lập cơ chế pháp lý kiểm soát tình trạng này. Bởi lẽ, bảo hiểm “cho phép mọi người đổi rủi ro của việc thua thiệt lớn để lấy sự chắc chắn của việc thu thiệt nhỏ. Những thua thiệt được bảo hiểm một cách rộng rãi nhất là những mất mát về tài sản, cuộc sống và thu nhập. Việc

mua bảo hiểm thông qua việc đóng tiền bảo hiểm đã dàn trải rủi ro của một sự kiện ngẫu nhiên nào đó cho mọi người”.

Như vậy, việc cho phép tổ chức BHTG được quyền giám sát hoạt động của tổ chức nhận tiền gửi sẽ bảo đảm: *i)* Duy trì được mối liên hệ thường xuyên giữa tổ chức BHTG tiền gửi với TCTG BHTG để tạo cơ sở cho việc phát hiện, cảnh báo, ngăn ngừa có hiệu quả những nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động của từng tổ chức nhận tiền gửi cũng như bảo đảm an toàn hệ thống các TCTD; *ii)* Giúp cho tổ chức BHTG có được nguồn thông tin chính xác, có độ tin cậy để phân tích, đánh giá, kiến nghị NHNN có biện pháp xử lý phù hợp với thực trạng hoạt động của tổ chức nhận tiền gửi; *iii)* Là cơ sở để phân biệt bản chất hoạt động của hoạt động GSNH của NHNN và hoạt động giám sát của tổ chức BHTG.

Ba là, thiết lập cơ chế pháp lý cho việc cung cấp, chia sẻ thông tin và cơ chế phối hợp trong GSNH giữa BHTG và Cơ quan Thanh tra GSNH theo hướng: tổ chức BHTG phải định kỳ báo cáo kết quả giám sát tổ chức nhận tiền gửi cho Cơ quan Thanh tra, GSNH; tư vấn, kiến nghị biện pháp xử lý đối với những sai phạm phát hiện được trong quá trình giám sát...; trong quá trình thực hiện chức năng giám sát, nếu phát hiện sai phạm, tổ chức BHTG phải có nghĩa vụ báo cáo hoặc phối hợp với Cơ quan Thanh tra, GSNH để xử lý.

3.2.4. Nâng cao vai trò tham gia KSDB và thu hồi tài sản cho BHTGVN

BHTGVN tham gia KSDB đối với TCTD đã cho thấy vị trí vai trò của BHTG trong việc bảo đảm an toàn hệ thống tài chính ngân hàng. Tuy nhiên trong quá trình tham gia hoạt động này cũng còn một số vấn đề cần giải quyết trong thời gian tới để hoạt động này hiệu quả hơn.

Thứ nhất: BHTGVN không được hướng dẫn cụ thể về nội dung công việc được giao, việc chia sẻ thông tin quản lý giữa BHTGVN và Ban KSDB, Cơ quan thanh tra - GSNH. Cán bộ tham gia KSDB khi đến đơn vị KSDB mới nhận nhiệm vụ và lúc đó mới được giao nhiệm vụ nên còn bị động trong hoạt động này. Do đó cần có văn bản hướng dẫn quy định vị trí vai trò của BHTGVN trong hoạt động này.

Thứ hai: Đối với cán bộ tham gia Ban KSDB. Cùng một lúc tham gia 3 vai trò: Thành viên Ban KSDB; Cán bộ kiểm tra, giám sát hoạt động của BHTGVN. Một phần

trong vai trò cán bộ thẩm định cho hoạt động chi trả tiền bảo hiểm, do vậy trách nhiệm rất lớn. Mọi thông tin về tổ chức bị KSDB là thông tin cần chính xác và là thông tin mật, không được phổ biến. Cán bộ tham gia Ban KSDB làm những nội dung công việc phù hợp, tránh trường hợp cán bộ đã làm hết khả năng nhưng do những nguyên nhân chủ quan mà không hoàn thành được 3 nhiệm vụ của BHTGVN giao.

Thứ ba: Đối với Giám đốc chi nhánh khi nhận được thông báo và yêu cầu cử người tham gia KSDB Giám đốc chi nhánh cần thảo luận với Trưởng ban KSDB về nội dung công việc sẽ giao cho cán bộ của BHTGVN phụ trách để cán bộ của BHTGVN khi nhận nhiệm vụ sẽ thực hiện đúng với chuyên môn và vai trò của BHTGVN.

Thứ tư: Việc tham gia Ban KSDB của cán bộ các chi nhánh hầu hết là các đơn vị xa trụ sở của các chi nhánh. Để tạo điều kiện cho cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, đề nghị các Giám đốc chi nhánh và Lãnh đạo BHTGVN cần quan tâm, có chính sách ưu đãi cho các cán bộ tham gia KSDB để tạo điều kiện cho các cán bộ này hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3.3. Kiến nghị

3.3.1 Những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về Luật BHTG

Thứ nhất: Theo quy định về hạn mức trả tiền bảo hiểm BHTGVN sẽ chỉ chi trả cho người gửi tiền trên tối đa là 75 triệu đồng bao gồm cả gốc và lãi, con số 75 triệu đồng này ít so với hiện tại.

Tất nhiên tiền gửi của người dân không chỉ trông chờ vào BHTGVN mà phần nhiều trông chờ vào tiền thu được từ hoạt động thanh lý tài sản ngân hàng khi phá sản, nhưng theo trình tự ưu tiên, trước hết, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả cho chủ nợ là các khoản vay đặc biệt đầu tiên, kể đến là người gửi tiền, tiếp theo là các TCTD trên thị trường liên ngân hàng, rồi đến người sở hữu trái phiếu ngân hàng, theo sau là các nhà cung cấp sản phẩm dịch vụ và cuối cùng là cổ đông của ngân hàng.

Cần lưu ý rằng, quá trình tiến hành phá sản ngân hàng, đặc biệt là hoạt động thanh lý tài sản, có thể mất một khoảng thời gian dài, gây ra tâm lý tiêu cực cho người gửi tiền, khiến họ đổ xô rút tiền ngay và khó đoán trước kết quả, nếu người gửi tiền chịu tác động hiệu ứng domino. Để ngăn chặn nguy cơ đó, cần có cam kết bảo lãnh từ Nhà nước hoặc hạn mức chi trả BHTG đủ lớn từ BHTGVN. Với vai trò điều phối, Chính phủ

có thể đứng ra bảo lãnh thanh toán trước cho người gửi tiền nếu như các thỏa thuận thanh lý tài sản với các đối tượng mua đã hoàn tất.

Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ thời điểm NHNN có văn bản chấm dứt KSDB hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà TCTD là TCTG BHTG vẫn lâm vào tình trạng phá sản hoặc NHNN có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài TCTG BHTG mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi NHNN có văn bản chấm dứt KSDB hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà TCTD là TCTG BHTG vẫn lâm vào tình trạng phá sản..., TCTG BHTG mới tiến hành lập hồ sơ và hồ sơ này sẽ được BHTGVN chính thức thụ lý sau khi qua kiểm tra, bảo đảm rằng thủ tục đã đầy đủ theo quy định. Nếu TCTG BHTG vẫn thực hiện đúng trong phạm vi 10 ngày theo quy định, việc hồ sơ có sai sót hoặc cập nhật dữ liệu về người, tổ chức gửi tiền chưa chính xác,... cần có thời gian rà soát bổ sung, thời gian hoàn tất có thể kéo dài đến 20 ngày hay lâu hơn. Thời hạn BHTGVN tiến hành kiểm tra các chứng từ, sổ sách để xác định số tiền bảo hiểm phải chi trả, đó là chưa kể đến trường hợp kiểm tra chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả phát hiện dấu hiệu vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của BHTGVN, buộc phải báo cáo, kiến nghị NHNN xem xét, kiểm tra, thanh tra, xử lý. Chính “*kế hở*” này nguy cơ quyền lợi của người được BHTG chi trả không được thực hiện triệt để mà chưa có chế tài quy định xử phạt nghiêm.

Thứ hai: Thủ tướng quy định khung phí BHTG theo đề nghị của NHNN. Căn cứ khung phí BHTG, NHNN quy định mức phí cụ thể đối với TCTG BHTG trên cơ sở kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức này (nghĩa là trên cơ sở rủi ro). Hiện tại, phí BHTG áp dụng đồng hạng đối với tất cả các TCTG BHTG là 0,15%/năm tính trên tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm bình quân tại TCTG BHTG. Mức phí đồng hạng tạo ra sự ỷ lại, không có tác dụng khuyến khích các TCTG BHTG đua nhau thực hiện tốt, an toàn để hưởng phí BHTG thấp, thúc đẩy TCTG BHTG chấp nhận rủi ro cao hơn trong hoạt động của mình.

Đến nay, NHNN cũng chưa có hướng dẫn gì trong việc thực hiện quy định này. Mặc dù, việc thu phí trên cơ sở rủi ro có những ưu điểm là đối xử bình đẳng giữa các TCTD, góp phần hạn chế rủi ro, đặc biệt là rủi ro đạo đức trong các ngân hàng. Ở nhiều nước, việc điều chỉnh mức phí, xếp hạng, phân loại các TCTD là do BHTG thực hiện.

Thứ ba: Về quyền của người được BHTG và nghĩa vụ của tổ chức BHTG nhằm bảo vệ người gửi tiền và đóng góp vào sự ổn định tài chính, tiền tệ, cần đảm bảo rằng công chúng thường xuyên, liên tục được cập nhật thông tin đầy đủ về chính sách, pháp luật BHTG. Theo tiêu chuẩn của Hiệp hội BHTG quốc tế, tổ chức BHTG là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc nâng cao nhận thức công chúng về hệ thống BHTG, các thông tin, kiến thức về hoạt động ngân hàng, tài chính trong và ngoài nước. Vì vậy, BHTGVN cần tổ chức thường xuyên các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức công chúng, phối hợp chặt chẽ với các ngân hàng, các cơ quan quản lý Nhà nước để thống nhất chương trình, kế hoạch và nội dung tuyên truyền nâng cao nhận thức công chúng, ổn định tâm lý, tạo niềm tin cho người gửi tiền. Đây là mục tiêu hết sức lớn, cao cả và đầy tính nhân văn. Vì vậy, ngoài những thiết chế đảm bảo cho hệ thống BHTG có tiềm lực tài chính, một bộ máy tổ chức cũng như nhân lực đủ mạnh để có thể tham gia vào quá trình giám sát, kiểm tra hoạt động của các TCTD BHTG, kịp thời cảnh báo, phát hiện và ngăn ngừa rủi ro, cần khẩn trương xây dựng, bổ sung quy định tiếp cận, chia sẻ thông tin một cách thường xuyên giữa BHTGVN với NHNN và các TCTD; đồng thời thực hiện tuyên truyền chính sách BHTG thường xuyên, sâu rộng tới công chúng và người gửi tiền.

Thứ tư: Về bản chất, tổ chức BHTG dù được tổ chức và hoạt động dưới bất kỳ hình thức nào: là tổ chức tài chính thuộc Chính phủ hay thuộc Quốc hội; một định chế tài chính độc lập... hoạt động của tổ chức BHTG vẫn cơ bản dựa theo nguyên lý của hoạt động bảo hiểm là bù đắp rủi ro theo cơ chế lấy số đông bù cho số ít. Đây là một hoạt động bảo hiểm mang đầy tính rủi ro, thông thường Nhà nước phải đứng ra thành lập tổ chức BHTG để bảo vệ quyền lợi của công chúng khi họ gặp rủi ro về tiền gửi. Cũng cần phải phân biệt rõ rằng, vai trò tham gia giám sát, bảo đảm an toàn hệ thống tài chính – tiền tệ quốc gia của BHTG không phải với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Tài chính, NHNNVN hiện nay mà là một định chế tài chính độc lập cùng gánh

vác và chia sẻ trách nhiệm đó với các cơ quan nhà nước và các định chế tài chính khác thông qua hoạt động nghiệp vụ BHTG.

3.3.2. Kiến nghị đối với Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

a. Kiến nghị đối với Chính phủ

Thứ nhất: Sau khi Quốc hội ban hành Luật BHTG năm 2012 nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất và vững chắc cho hoạt động BHTG ở Việt Nam, phát huy tối đa vai trò bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và góp phần tích cực cho hệ thống tài chính ngân hàng phát triển an toàn và bền vững. Bên cạnh đó Chính phủ nên tạo điều kiện phê duyệt chiến lược phát triển BHTG đến năm 2025.

Thứ hai: Tạo cơ chế thông thoáng cho BHTGVN trong việc thực hiện các nghiệp vụ của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho BHTGVN linh hoạt hơn trong việc xử lý các vấn đề thuộc phạm vi tổ chức BHTG.

Thứ ba: Mở rộng phạm vi và đối tượng được BHTG theo hướng giải pháp đã được đề xuất.

Thứ tư: Tăng vốn điều lệ tăng cường năng lực tài chính cho BHTGVN phù hợp với thông lệ quốc tế. Vốn điều lệ 5000 tỷ đồng hiện nay của BHTGVN còn nhỏ bé trong việc hỗ trợ các TCTG BHTG là các NHTM khi gặp khó khăn. Để nâng cao vai trò và tăng cường hoạt động cho BHTGVN, Chính phủ nên xem xét và phê duyệt cho BHTGVN được tăng vốn điều lệ theo như Chiến lược phát triển BHTG giai đoạn 2006 – 2015 (10.000 tỷ đồng năm 2010 và 30.000 tỷ đồng năm 2015). Việc tăng vốn điều lệ sẽ làm cho năng lực tài chính của tổ chức BHTG được nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của tổ chức BHTGVN.

Ngoài ra, khi chưa được cấp đủ vốn, Chính phủ cần quan tâm tạo điều kiện cho BHTGVN sớm hình thành cơ chế tạo điều kiện cho BHTGVN tiếp cận các nguồn vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế có sự bảo lãnh của Chính phủ, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định quỹ hoạt động của BHTGVN, trong điều kiện nền kinh tế đang ngày càng phát triển, nhất là quy mô tiền gửi được bảo hiểm ngày càng tăng.

b. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước

Thứ nhất: Tích cực nghiên cứu, đóng góp ý kiến cho các văn bản hướng dẫn sau Luật BHTGVN. NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động ngân hàng, vì vậy

đây là cơ quan có được những thông tin đầy đủ nhất về tình hình hoạt động của các tổ chức có huy động tiền gửi và qua đó là cơ quan có thể đưa ra những ý kiến đóng góp thiết thực cho văn bản hướng dẫn sau Luật BHTGVN nhằm nâng cao năng lực của tổ chức BHTGVN.

Thứ hai: Ban hành cơ chế phối hợp chia sẻ thông tin giữa BHTGVN với NHNN. Hiện nay, phần lớn các TCTG BHTG ở Việt Nam không chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lập và gửi báo cáo về BHTGVN. Kết quả giám sát hàng quý chỉ có khoảng 67% số TCTG BHTG gửi bảng tính toán phí BHTG và khoảng 7% số TCTD gửi bảng cân đối tài khoản cho BHTGVN. Chính vì vậy, NHNN cần hỗ trợ BHTGVN bằng cách xây dựng cơ chế trao đổi thông tin giữa NHNN và BHTGVN.

Thứ ba: Phối hợp với BHTGVN, ban hành văn bản hướng dẫn việc tính và nộp phí BHTG cho các khoản tiền gửi áp dụng mức phí theo mức độ rủi ro, phù hợp với thông lệ quốc tế; theo đó các TCTG BHTG phải nộp phí theo mức tương ứng với mức độ rủi ro có thể xảy ra đối với tổ chức đó. Như vậy, việc áp dụng phí theo mức độ rủi ro có tác dụng đánh giá chính xác mức độ an toàn trong hoạt động, khuyến khích các TCTG BHTG nâng cao chất lượng hoạt động, quan tâm việc giảm thiểu rủi ro để giảm phí BHTG phải nộp. Đây cũng chính là mục tiêu của BHTG: giảm thiểu rủi ro của TCTG BHTG chính là giảm thiểu chi phí chi trả tiền gửi được bảo hiểm, ngăn chặn các rủi ro đạo đức, đảm bảo nguyên tắc thị trường và cái được lớn nhất là tính an toàn của cả hệ thống tài chính ngân hàng. Đồng thời, việc triển khai hệ thống phí này còn giúp tổ chức BHTG nâng cao hiệu quả hoạt động một cách đồng bộ theo mô hình giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng, cho người gửi tiền và cho chính quỹ nghiệp vụ bảo hiểm. NHNN cần phối hợp chặt chẽ với BHTGVN trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn việc tính và nộp phí BHTG một cách cụ thể, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại Việt Nam và phải nhằm mục tiêu bảo vệ tốt nhất cho người gửi tiền.

Thứ tư: NHNN cần tạo điều kiện cho các NHTM ngày càng được hoạt động theo cơ chế thị trường, tăng cường tính độc lập tự chủ trong kinh doanh kết hợp xây dựng hoàn thiện chỉ tiêu đánh giá mức độ an toàn và hiệu quả kinh doanh ngân hàng phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

3.3.3. Kiến nghị đối với tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Trong giai đoạn các văn bản hướng dẫn luật đang được hoàn thiện, BHTGVN chủ động nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, NHNN, Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan và hướng dẫn các TCTG BHTG triển khai chính sách BHTG (như hạn mức trả tiền bảo hiểm, phí BHTG, thông tin, báo cáo, cơ chế tài chính, cơ chế tiền lương...) để việc thực thi chính sách liên tục, kịp thời.

Công tác thông tin tuyên truyền phải được triển khai đa dạng dưới nhiều hình thức như phát tờ thông tin, tuyên truyền trực tiếp tại TCTG BHTG, đăng tin, bài trên nhiều báo và tạp chí uy tín, cập nhật kịp thời các hoạt động BHTG trong nước và quốc tế.

Thứ nhất: Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ của BHTGVN theo như đề xuất ở phần giải pháp phát triển BHTGVN.

Thứ hai: Xây dựng lộ trình thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực đã nêu theo nguyên tắc lấy hiệu quả hoạt động để quyết định, xác định rõ mục tiêu cụ thể cho từng giải pháp, có đánh giá cụ thể để điều chỉnh cho phù hợp. Trong quá trình chuyển đổi nâng cao năng lực hoạt động, BHTGVN vẫn phải tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả để giữ trọng trách là tấm lá chắn cho mạng lưới an toàn tài chính – ngân hàng quốc gia, duy trì niềm tin của người gửi tiền và đồng thời tạo môi trường lành mạnh cho hoạt động tài chính – ngân hàng.

Thứ ba: Tận dụng sự hỗ trợ từ phía Chính phủ, NHNN và các tổ chức liên quan để cải tiến trình độ khoa học công nghệ, nâng trình độ công nghệ lên ngang tầm với mặt bằng công nghệ chung của thế giới, đáp ứng nhu cầu hội nhập.

Thứ tư: Nhanh chóng xác lập và triển khai chiến lược đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có khả năng ứng dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực BHTG.

Thứ năm: Nâng cao công tác tuyên truyền về BHTG vì hiện nay vẫn còn rất nhiều người chưa biết đến hoạt động BHTG. BHTGVN cần đưa trên thông tin đại chúng các kiến thức cơ bản về hoạt động BHTG, về vai trò, tác dụng của hoạt động này và xây dựng đường dây nóng tư vấn nhằm giải đáp các thắc mắc của tổ chức thành viên cũng như công chúng.

Thứ sáu: Tập trung xây dựng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và các phần mềm ứng dụng công nghệ, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động; tập trung tổ chức ứng dụng, vận hành và sử dụng hiệu quả các module Dự án FSMIMS; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và hợp tác quốc tế, từng bước áp dụng các chuẩn mực quốc tế vào hoạt động BHTG tại Việt Nam.

3.3.3. Kiến nghị đối với các tổ chức tham gia Bảo hiểm tiền gửi

Một hệ thống BHTG không thể hoạt động có hiệu quả nếu không được sự ủng hộ của các TCTG BHTG. Trong thời gian qua, BHTGVN đã gặp không ít khó khăn do các TCTG BHTG không tuân thủ các quy định về thông tin, báo cáo cho BHTGVN.

Do vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức BHTGVN, xin kiến nghị các TCTG BHTG cần tự giác tuân thủ các quy định sau về BHTG như: Nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của BHTG; thực hiện đúng các quy định về lập và nộp báo cáo cho tổ chức BHTGVN, nộp phí BHTG đầy đủ và đúng hạn; tạo điều kiện cho các nhân viên của tổ chức BHTGVN tiến hành kiểm tra và giám sát chất lượng hoạt động của tổ chức huy động tiền gửi.

Các TCTG BHTG ngày càng có ý thức chấp hành quy định pháp luật về chứng nhận BHTG, việc tính và nộp phí đầy đủ đúng quy định, lập và nộp báo cáo kịp thời của các TCTG BHTG được nâng lên.

Kết luận chương 3

Thực tiễn hoạt động của BHTGVN hơn 16 năm qua đã bảo vệ tốt quyền lợi của người gửi tiền, góp phần bảo đảm an toàn hoạt động của ngân hàng, nâng cao niềm tin của công chúng đối với hệ thống ngân hàng.

Trong thời gian tới, Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ẩn chứa nhiều rủi ro, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng đang diễn ra mạnh mẽ. Một hệ thống BHTG hiệu quả cần xác định rõ mục tiêu chính sách công, xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của hệ thống BHTG và được quy định rõ trong Luật BHTG; cần có một cơ chế để tổ chức BHTG phát hiện sớm và xử lý kịp thời các ngân hàng gặp khó khăn; xây dựng cơ chế

phù hợp để phối hợp chặt chẽ chia sẻ thông tin giữa các tổ chức BHTG và các thành viên trong mạng an toàn tài chính quốc gia.

Đây là các yếu tố tiên quyết để phát triển hệ thống BHTG hiệu quả và được Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng và Hiệp hội BHTG quốc tế hợp tác xây dựng trong Bộ nguyên tắc “Phát triển hệ thống BHTG hiệu quả”. Kinh nghiệm quốc tế trong xử lý các ngân hàng có vấn đề cho thấy BHTGVN cần có vai trò độc lập hơn trong kiểm soát rủi ro các TCTD, tham gia sâu rộng vào quá trình tái cấu trúc các TCTD yếu kém, xử lý nợ xấu.

Thực hiện được điều đó, NHNN, các Bộ, Ban, Ngành cần nghiên cứu đề xuất Chính phủ sớm sửa đổi Luật BHTG theo hướng mở rộng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để BHTGVN có thể tham gia một cách tích cực cả về nguồn lực và công cụ vào quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng đảm bảo nguyên tắc chi phí tối thiểu và đảm bảo an toàn hệ thống tài chính - ngân hàng.

Bên cạnh đó, BHTGVN cần xây dựng Chiến lược phát triển lâu dài, bền vững và quan tâm chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khích lệ cán bộ nỗ lực phấn đấu để đáp ứng được vai trò lớn hơn, quan trọng hơn trong quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng.

KẾT LUẬN

Hoạt động BHTG sau khi có luật BHTG được coi là dấu mốc quan trọng sau hơn 16 năm hình thành và phát triển của tổ chức BHTGVN, sự phát triển của hoạt động BHTG cần nhấn mạnh 05 nhóm nhiệm vụ trọng tâm BHTGVN cần tập trung triển khai thực hiện như sau:

Một là, tập trung nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật BHTG và các văn bản pháp luật liên quan theo hướng nâng cao vai trò, vị thế của BHTGVN trong quá trình tái cơ cấu các TCTD, cũng như bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền trên cơ sở sử dụng nguồn lực của BHTGVN.

Hai là, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng và các đơn vị liên quan của NHNN để hoàn thành việc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định điều chỉnh hạn mức BHTG cũng như Chiến lược phát triển BHTG trên cơ sở chiến lược chung của ngành Ngân hàng.

Ba là, chủ động nghiên cứu, cân đối nguồn lực để vừa đầu tư hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi, tăng cường năng lực tài chính của BHTGVN, vừa tham gia tái cơ cấu các TCTD và xử lý nợ xấu.

Bốn là, chú trọng công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách BHTG của các TCTD, tập trung vào hệ thống QTDND, sẵn sàng tham gia xử lý khi cần thiết.

Năm là, tiếp tục triển khai có hiệu quả hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị thuộc NHNN để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm rủi ro, vi phạm trong hoạt động, đặc biệt là hoạt động thu, nộp phí BHTG.

Trên cơ sở chủ trương, định hướng, chiến lược của Đảng, Chính phủ, NHNN, BHTGVN đã đề ra 15 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nội dung về tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành của BHTGVN; nghiên cứu, đề xuất với NHNN xem xét trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Luật BHTG; chủ động triển khai, hoàn thiện công tác xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản trị điều hành theo đúng kế hoạch; tiếp tục hoàn thiện Chiến lược phát triển BHTGVN đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025; triển khai đầy đủ và hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của BHTGVN và hướng tới các chuẩn mực quốc tế; đầu tư hiệu quả nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, nâng

cao năng lực tài chính của BHTGVN; tăng cường quản lý, quản trị tốt công tác nguồn vốn, công tác hạch toán kế toán, công tác tài chính tiết kiệm, hiệu quả; phối hợp điều hành giữa các mảng nghiệp vụ như lao động, tiền lương, đầu tư, tài chính, kế toán, quản lý nhân lực, đảm bảo tăng năng suất lao động; tiếp tục nâng cao chất lượng công tác kiểm soát - kiểm toán nội bộ; tiếp tục hoàn thiện tái cấu trúc bộ máy, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo quản lý; chú trọng xây dựng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin; đẩy nhanh tiến độ các công trình xây dựng cơ bản; chủ động triển khai Chiến lược phát triển BHTGVN đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 khi được phê duyệt; đẩy mạnh hoạt động thông tin truyền thông về BHTGVN. Công tác thông tin tuyên truyền được BHTGVN triển khai đa dạng dưới nhiều hình thức như phát tờ thông tin, tuyên truyền trực tiếp tại TCTG BHTG, đăng tin, bài trên nhiều báo và tạp chí uy tín, cập nhật kịp thời các hoạt động BHTG trong nước và quốc tế trong Bản tin BHTG phát hành theo quý và trên website. Công tác quản lý và đầu tư vốn được thực hiện đúng quy định, an toàn, hiệu quả, góp phần phát triển nguồn vốn, đem lại nguồn thu bổ sung cho quỹ dự phòng nghiệp vụ và nâng cao năng lực tài chính của BHTGVN cơ sở đảm bảo an toàn và phát triển vốn. Tích cực tham gia nghiên cứu, đề xuất với NHNN xem xét trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Luật Các TCTD để BHTGVN có thể tham gia sâu hơn trong kiểm soát rủi ro của các TCTD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo hiểm tiền gửi Mỹ - www.fdic.gov.
2. Bảo hiểm tiền gửi Nhật Bản - www.dic.go.jp
3. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam - www.div.gov.vn
4. Báo cáo thường niên của BHTGVN năm 2004, 2005, 2008, 2009, 2014, 2015 và báo cáo năm 2016.
5. BHTGVN (2006), *Quyết định số 185/2006/QĐ-BHTG* ngày 02/8/2006 ban hành Quy định về cấp và thu hồi Chứng BHTG, nội dung của việc BHTG đối với TCTG BHTG, Hà Nội.
6. BHTGVN (2011), *Luật BHTG Mỹ, (Tài liệu dịch tham khảo xây dựng Luật BHTG)*, Hà Nội.
7. BHTGVN (2006), *Chiến lược phát triển giai đoạn 2007-2010 và định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
8. BHTGVN (2009), *Chiến lược phát triển giai đoạn 2009-2012 và định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
9. BHTGVN (2014), *Kỷ yếu 15 năm xây dựng và phát triển*, Hà Nội.
10. Bảo hiểm tiền gửi-phát hiện sớm TCTD có vấn đề của Diệu Thành.
11. Bảo hiểm tiền gửi và những vấn đề cần hoàn thiện để bảo vệ tốt hơn quyền lợi người gửi tiền, TS. Hà Minh Tuấn - Phó Chủ tịch Ủy ban giám sát quốc gia, năm 2014.
12. Bảo hiểm tiền gửi có thiếu niềm tin, TTXVN, năm 2015.
13. *Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*
14. *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*
15. Chính phủ (1999), *Nghị định số 89/NĐ-CP ngày 01/9/1999 của Chính phủ về BHTG*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2000), *Quyết định số 75/2000/QĐ-TTg* ngày 28/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN, Hà Nội.

17. Chính phủ (2005), *Nghị định 109/NĐ-CP ngày 24/8/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 89/NĐ-CP ngày 01/9/1999*, Hà Nội.

18. Chính phủ (2008), *Quyết định số 13/2008/QĐ-TTg ngày 18/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với BHTGVN (thay thế Quyết định số 145/2000/QĐ-TTg ngày 19/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ)*, Hà Nội.

19. Chính phủ (2013), *Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BHTG*, Hà Nội.

20. Chính phủ (2013), *Quyết định số 1395/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN*, Hà Nội.

21. Chính phủ (2013), *Quyết định số 1394/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ Về việc thành lập BHTGVN và quy định chức năng, nhiệm vụ của BHTGVN*, Hà Nội.

22. Chính phủ (2013), *Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*;

23. Chính phủ (2016), *Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 01/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN ban hành kèm theo Quyết định số 1395/QĐ-TTg, ngày 13/8/2013*.

24. Chính phủ (2017), *Quyết định số 21/2017/QĐ-TTg, ngày 15/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ : Về hạn mức trả tiền bảo hiểm*.

25. Đặng Duy Cường (2007), “*Mô hình tổ chức bảo hiểm tiền gửi giảm thiểu rủi ro*”, Thông tin BHTGVN, số 06, năm 2007.

26. Nguyễn Mạnh Dũng - Đặng Duy Cường, “*Kinh nghiệm của BHTG Nhật Bản và Hoa Kỳ đối phó khủng hoảng kinh tế và xử lý ngân hàng đổ vỡ*”, Tạp chí Ngân hàng số 8, tháng 4/2009.

27. Nguyễn Duy Hoàn (2011), “*Pháp luật về tổ chức bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam*”, Trường phòng pháp chế BHTGVN.

28. Hạn mức trả tiền bảo hiểm cần được điều chỉnh kịp thời – theo <https://luattaichinh.wordpress.com/2013/07/15/han-muc-tra-tien-bao-hiem-can-duoc-dieu-chinh-kip-thoi/>.

29. Trần Đình Hảo (2008), "*Về địa vị pháp lý của tổ chức BHTG ở Việt Nam*", Thông tin BHTGVN, số 06, năm 2008.

30. Hoàng Thu Hằng (2013), *Pháp luật về hoạt động BHTG ở Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

31. Hoạt động giám sát của TCTG BHTG, góp phần ổn định thị trường tài chính và nâng cao niềm tin công chúng, của Ths Đỗ Quốc Tình – Kiểm soát viên phụ trách BHTGVN, năm 2009;

32. Nguyễn Thị Thu Hương, "*Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng và vai trò của BHTG*", Thông tin BHTGVN, số 21, năm 2012 .

33. Nguyễn Thị Loan, *Chi trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người gửi tiền góp phần nâng cao niềm tin công chúng*, Thông tin BHTG số 1 năm 2013

34. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - www.sbv.gov.vn.

35. NHNNVN (2014), Thông tư 24/2014/TT-NHNN ngày 06/9/2014 của NHNNVN hướng dẫn một số nội dung về hoạt động BHTG, Hà Nội.

36. Nhóm nghiên cứu truyền thông (2014); *Kinh nghiệm truyền thông chính sách BHTG ở một số nước và khuyến nghị đối với Việt Nam*; Thông tin bảo hiểm tiền gửi số 25, năm 2014.

37. Nâng hạn mức chi trả BHTG và thông điệp của NHNN - theo Thời báo kinh tế Sài Gòn.

38. Nguyễn Thị Kim Oanh (2004), *Nguyên lý, thực tiễn và định hướng*, NXB Lao động xã hội, tháng 12/2004.

39. Những nội dung cơ bản của Luật BHTG, năm 2013, Phòng Nghiên cứu tổng hợp và Hợp tác quốc tế, BHTGVN.

40. Phát triển hoạt động BHTG tại Mỹ-Nhật và một số gợi ý hoàn thiện chính sách BHTG tại Việt Nam, *Phùng Huy Hoàng, Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội* .

41. Phòng kiểm tra giám sát (2014); *Kết quả kiểm tra TCTG BHTG là NHTM và QTDND*, Thông tin BHTG số 25 năm 2014.

42. Pháp luật về Bảo hiểm tiền gửi – một số kiến nghị, năm 2017, của Phạm Thị Hồng Đào, Báo pháp luật, Bộ Tư pháp.

43. Nguyễn Cửu Lan Phương (2012), *Pháp luật về hoạt động của tổ chức BHTG ở Việt Nam – Thực trạng và hướng hoàn thiện*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

44. Báo đầu tư chứng khoán, năm 2017, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam: Vì quyền lợi người gửi tiền và an toàn hoạt động ngân hàng, Lê Minh.

45. Quốc hội (2005), *Luật doanh nghiệp* số 60/2005/QH11, Hà Nội.

46. Quốc hội (2010), *Luật NHNNVN* số 46/2010/QH12, Hà Nội.

47. Quốc hội (2010), *Luật các TCTD* số 47/2010/QH12, Hà Nội.

48. Quốc hội (2012), *Luật Bảo hiểm tiền gửi* số 06/2012/QH13, Hà Nội.

49. Quốc hội (2014), *Dự thảo luật phá sản* (sửa đổi).

50. Lê Thị Thúy Sen (2008), Quy chế pháp lý về BHTG, Viện nhà nước pháp luật; Hà Nội.

51. Thâm quyền của tổng công ty BHTG Nhật Bản trong việc xử lý ngân hàng gặp vấn đề và kinh nghiệm đối với Việt Nam. Nhóm nghiên cứu Phòng NCTH& HTQT- BHTGVN, năm 2015.

52. Bùi Hữu Toàn (2012), *Pháp luật về BHTG ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện khoa học xã hội Việt Nam.

53. Lê Thị Thu Thủy (2007), "*Mô hình BHTG trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế*", Tạp chí Luật học, tháng 6/2007.

54. Lê Thị Thu Thủy (2008), *Pháp luật về BHTG ở Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

55. Đào Trí Úc (2007), "*Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền theo pháp luật về BHTG tại Việt Nam - Thực trạng và phương hướng hoàn thiện*", Thông tin BHTGVN, số 03, năm 2007.

56. Ủy ban Basel về Giám sát ngân hàng và Hiệp hội BHTG Quốc tế (2009), *Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả*.

57. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Viện Nghiên cứu lập pháp (2009), *Kinh nghiệm quốc tế về tổ chức BHTG gửi hiệu quả*, Tài liệu tham khảo.

58. Văn phòng Quốc hội (2008) Chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu: “*Vai trò của tổ chức BHTGVN trong việc bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội*”, Hà Nội.

59. Văn phòng Quốc hội, BHTGVN (2008), *Vai trò của tổ chức BHTGVN trong việc bảo vệ người gửi tiền và đảm bảo an sinh xã hội*, Chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu, Hà Nội.

60. Về chức năng giám sát của tổ chức BHTG hiện nay của Ths Viên Thế Giang - Khoa Luật Đại học Huế - *Nguồn tin: <http://www.ncfp.org.vn>*;

61. Viện nghiên cứu lập pháp (2009), *Kinh nghiệm quốc tế về tổ chức BHTG hiệu quả*, Hà Nội.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01. Phương pháp tính phí BHTG

*** Công thức tính phí BHTG định kỳ hàng quý**

(1). Công thức tính phí BHTG định kỳ hàng quý

$$P = \frac{\frac{S_0 + S_3}{2} + S_1 + S_2}{3} \times \frac{m}{4}$$

Trong đó:

- P là số phí BHTG phải nộp của quý thu phí;
- S₀ là số dư tiền gửi được bảo hiểm đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí; S₁, S₂, S₃ là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối các tháng thứ nhất, thứ hai, thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí;
- m là mức phí BHTG phải nộp.

Ví dụ: P là số phí BHTG phải nộp của quý II/2016 thì: S₀ là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày đầu tháng 01/2016; S₁ là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày cuối tháng 01/2016; S₂ là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày cuối tháng 02/2016; S₃ là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày cuối tháng 3/2016.

(2). Công thức tính phí BHTG kỳ phí đầu tiên của TCTG BHTG mới thành lập và đi vào hoạt động:

$$P = \left[\sum_{i=1}^n S_i \right] \times \frac{m}{360}$$

Trong đó:

- P là số phí BHTG phải nộp của quý đầu tiên;
- S_i là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i (i=1→n); S₁ là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày đầu tiên nhận tiền gửi; S_n là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày cuối cùng của quý đầu tiên;
- m là mức phí BHTG phải nộp.

PHỤ LỤC 02: Kinh nghiệm quốc tế về BHTG

1.2.1. Chính sách phí BHTG của BHTG Mỹ:

Bảng 1.2.1. Một số mốc thay đổi quan trọng trong chính sách phí BHTG của FDIC

Tiến trình	Phí	Cách tính
Mới thành lập	Đồng hạng	1%/ số dư tiền gửi thuộc đối tượng bảo hiểm
8/1935	Đồng hạng	1/12 của 1% tổng số tiền gửi, tương đương với 8,3 cent/ 100USD tiền gửi huy động
Năm 1950	Đồng hạng	3,7 cent/ 100 USD tiền gửi huy động
1950 đến 1980	Đồng hạng	trong khoảng 3,1 cent - 3,9 cent/ 100 USD tiền gửi huy động (riêng năm 1974 là 4,4 cent)
1980	Đồng hạng	8,3 cent cho 100 USD tiền gửi huy động. Khi xuất hiện đồ vỡ ngân hàng làm FDIC phải chi lớn
1/1/1993	Theo mức độ rủi ro	dao động trong khoảng từ 0,00% đến 0,27% của tổng số dư tiền gửi thuộc đối tượng được bảo hiểm tại mỗi ngân hàng
29/9/2009	Đề xuất giải pháp các ngân hàng trả trước 3 năm phí BHTG khi tiền ước tính cần thiết để giải quyết các vụ sụp đổ ngân hàng tại Mỹ từ 2009 tới năm 2013 đã lên tới 100 tỷ USD.	

** Nguồn: BHTG Mỹ (FDIC)*

*** Công tác kiểm tra, giám sát của BHTG Mỹ:** Đóng vai trò rất quan trọng và quyết định sự thành công của hoạt động BHTG trong việc bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và tính ổn định của hệ thống ngân hàng Mỹ. FDIC nhận định nếu không có một hệ thống kiểm soát ngân hàng hữu hiệu, BHTG và các phương thức khác của hệ thống đảm bảo an toàn hoạt động sẽ không có hiệu quả và sẽ làm tăng chi phí và nhiều tổn thất đau đớn khác cho việc giải quyết khủng hoảng tài chính.

Nội dung kiểm tra, giám sát của FDIC gồm: Kiểm tra việc đảm bảo là thành viên tham gia BHTG và bổ sung vốn nhằm đảm bảo qui định về vốn trong hoạt động ngân hàng. Tiếp theo là kiểm tra về khả năng đảm bảo hoạt động lành mạnh và an toàn của ngân hàng.

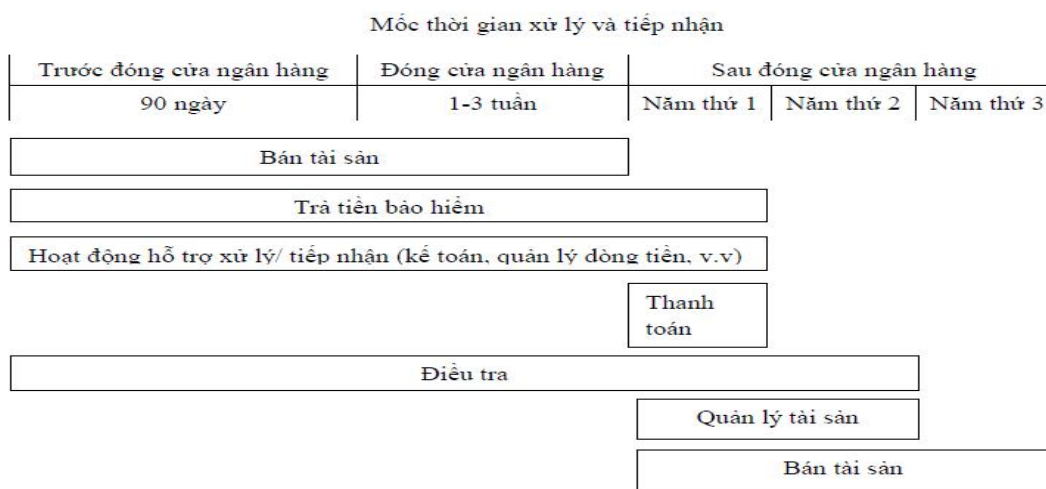
Bảng 1.2.2. Các mô hình giám sát, kiểm tra được FDIC triển khai:

Tên	Ghi chú
Chương trình Giám sát tổ chức nhận tiền gửi lớn có tham gia BHTG (Large Insured Depository Institutions Program - LIDI)	Là mô hình phân tích toàn diện các rủi ro của các tổ chức tài chính lớn với tổng tài sản lớn hơn 10 tỷ USD.
Chương trình Xếp hạng từ xa sử dụng mô hình thống kê CAMELS (Statistical CAMELS Offsite Rating - SCOR)	Phát hiện các tổ chức tài chính có tình hình hoạt động xấu đi so với lần kiểm tra gần nhất. Mô hình này được xây dựng và phát triển vào cuối những năm 1990.
Chương trình đánh giá sức chịu đựng của tổ chức hoạt động trong lĩnh vực Bất động sản (Real Estate Stress Test - REST)	Được thiết kế nhằm đánh giá rủi ro của các tổ chức tài chính hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bất động sản, có tỷ trọng cho vay/đầu tư vào bất động sản lớn
Hệ thống Giám sát tăng trưởng (Growth Monitoring System - GMS)	2 mô hình này được sử dụng để theo dõi các tổ chức tăng trưởng nhanh và có nguy cơ rủi ro.
Chương trình giám sát nhất quán (Consistent Grower - CG)	
Hệ thống cảnh báo cho vay theo quý (Quarterly Lending Alert - QLA)	
Chương trình giám sát các tổ chức non trẻ (Young Institutions)	Mô hình theo dõi, giám sát các tổ chức mới được thành lập dựa trên nguyên tắc các tổ chức mới thành lập có rủi ro cao hơn
Chương trình kiểm tra chặt chẽ tại chỗ (On-site Examination Scoping)	
Chương trình kiểm tra theo quý của FDIC (FDIC Quarterly)	
Chương trình theo dõi hồ sơ của các bang và điều kiện kinh tế khu vực (State Profiles and RECON)	

**Nguồn: FDIC*

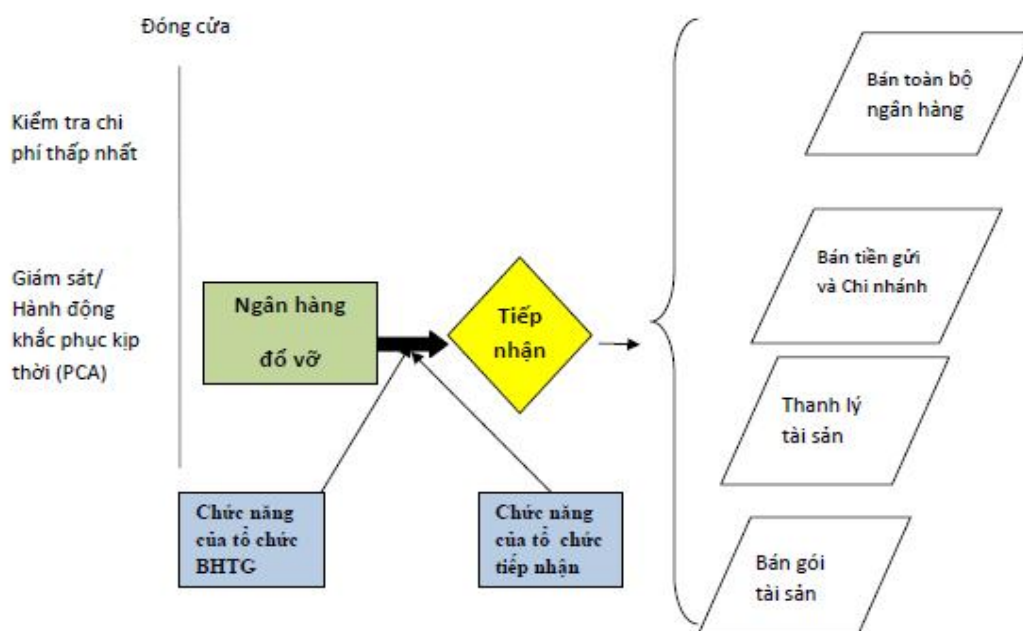
*** FDIC trong quá trình tái cơ cấu TCTD yếu kém**

Hình 1.2.1: Mốc thời gian xử lý và tiếp nhận⁽¹⁾



Lưu ý: Giai đoạn trước đóng cửa có thể kéo dài quá 90 ngày

Hình 1.2.2: Quá trình xử lý ngân hàng đổ vỡ của FDIC



⁽¹⁾ Quá trình chi trả có thể kéo dài đến khi FDIC chấm dứt việc tiếp nhận. Sau ngày thứ 3 (tương ứng với khái niệm thứ 6 đóng cửa thứ 2 trả tiền), FDIC sẽ bắt đầu các công việc liên quan đến dịch vụ khách hàng, trả lời thắc mắc, xử lý khiếu nại, xử lý các khoản tiền gửi không được chi trả hoặc các khoản chi trả không phải là tiền gửi – *Nguồn: FDIC*

** Sự phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình tái cơ cấu TCTD yếu kém.*

Bảng 1.1.3: Các cơ quan quản lý ngân hàng tại Mỹ

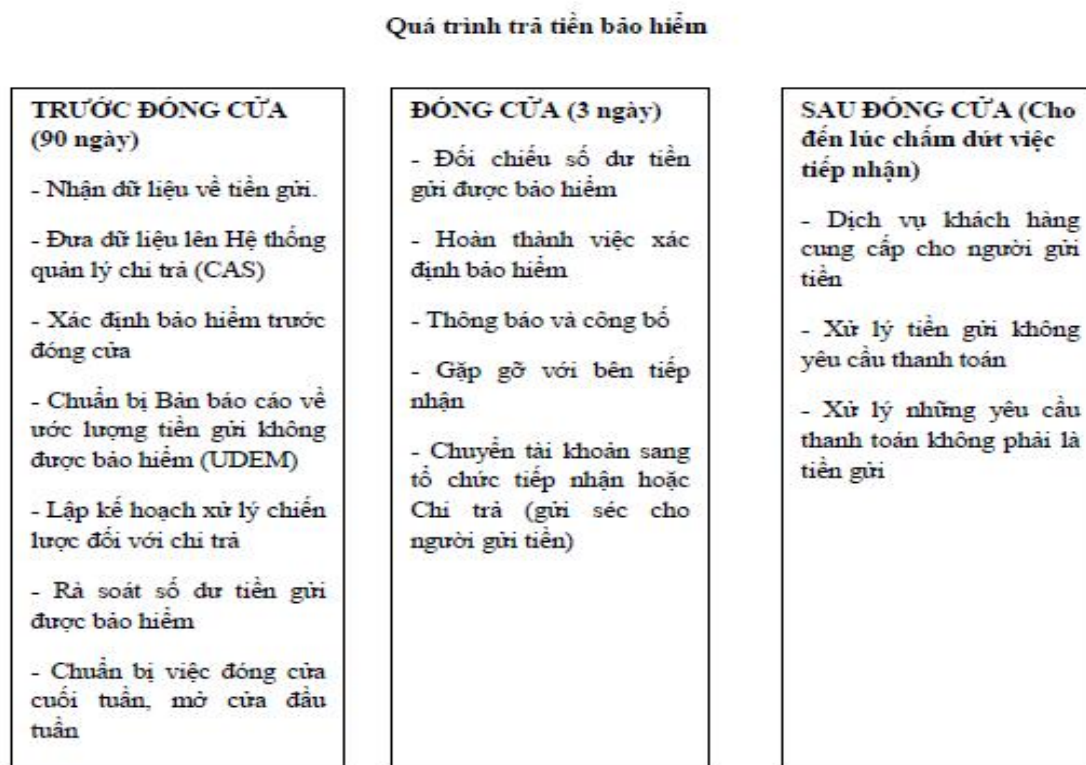
	Cơ quan quản lý cấp bang	OCC	FED	FDIC	Cơ quan bảo vệ khách hàng tài chính (CFPB)
Ngân hàng thành viên cấp bang	Cấp phép và quản lý		Quản lý	Hỗ trợ giám sát và xử lý	Tài sản > 10 tỉ \$
Ngân hàng quốc gia		Cấp phép và quản lý		Hỗ trợ giám sát và xử lý	Tài sản > 10 tỉ \$
S&L cấp liên bang		Cấp phép và quản lý		Hỗ trợ giám sát và xử lý	Tài sản > 10 tỉ \$
S&L cấp bang	Cấp phép và quản lý			Giám sát và xử lý	Tài sản > 10 tỉ \$
Ngân hàng không phải thành viên cấp bang	Cấp phép và quản lý			Giám sát và xử lý	Tài sản > 10 tỉ \$
Công ty sở hữu ngân hàng			Cấp phép và quản lý	Xử lý	

** Nguồn: Tổng công ty BHTG Liên Bang (FDIC)*

*** Quá trình chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền của BHTG Mỹ:**

FDIC trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền khi không tìm được tổ chức tiếp nhận hoặc không đảm bảo nguyên tắc chi phí thấp nhất khi đấu giá. Tổng công ty BHTG Mỹ với khả năng chi trả ngay trong 2 ngày làm việc.

Hình 1.2.3: Quá trình trả tiền bảo hiểm của FDIC



* Nguồn: website <http://www.fdic.gov>

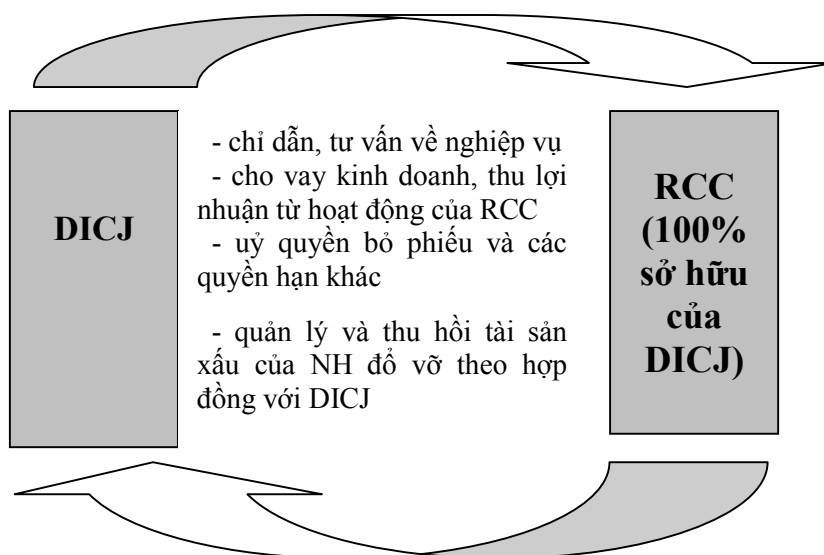
2.2.2. Hoạt động BHTG của Nhật Bản

*** Quá trình hình thành và phát triển của BHTG Nhật Bản:**

Năm 1996, Luật BHTG Nhật Bản cũng được sửa đổi, giao quyền DICJ thực hiện 3 nội dung quan trọng: (1) mua nợ xấu từ tổ chức tài chính, (2) hỗ trợ vốn cho tổ chức tài chính sáp nhập với tổ chức tài chính có vấn đề, (3) điều hành ngân hàng đổ bể được tiếp nhận. Sửa đổi Luật cũng cho phép tăng nguồn tài chính cho DICJ thêm 155 tỷ đô la cho mục đích bảo vệ người gửi tiền, nhân sự của DICJ cũng được tăng nhiều hơn.

Vào tháng 4/1999, Tổng công ty thu hồi và xử lý (RCC) được thành lập theo hình thức là một tổ chức trực thuộc DICJ. RCC có vai trò chính là thu hồi nhanh và hiệu quả các khoản nợ xấu sử dụng các biện pháp công bằng và minh bạch, tối thiểu hóa việc sử dụng quỹ công để giải quyết hậu quả của đóng cửa ngân hàng. DICJ đưa ra quy trình và hướng dẫn hoạt động cho RCC. Các biện pháp được RCC thực hiện bao gồm: thu hồi nợ, xử lý tận thu nhằm giảm thiểu thiệt hại của DICJ và góp phần xử lý nhanh các TCTD bị khủng hoảng. Bên cạnh các biện pháp thu hồi nợ thông thường, RCC còn nỗ lực đa dạng hoá các phương thức thu hồi nợ và tối đa hoá mức thu hồi bằng các biện pháp như: lập kế hoạch khôi phục kinh doanh cho các tổ chức gặp khó khăn, bán nợ và chứng khoán hoá các khoản nợ...

Sơ đồ 2.1. Mối quan hệ nghiệp vụ giữa DICJ và RCC

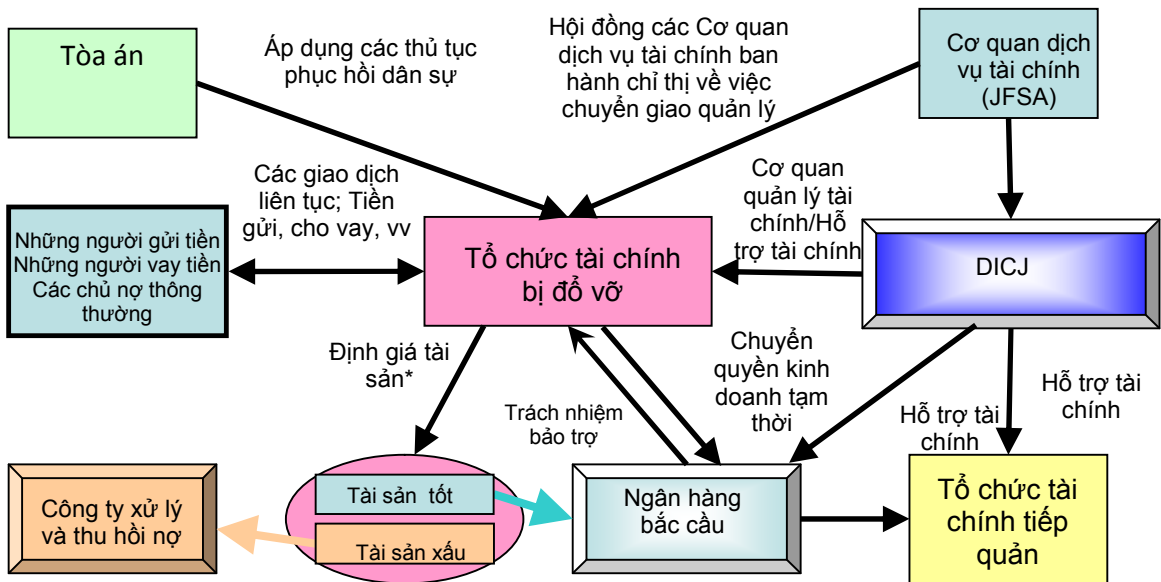


* Nguồn: <http://www.dic.gov.jp>

* **Ngân hàng bắc cầu:** Trong trường hợp các cơ quan quản lý tài chính không thể tìm được một ngân hàng tiếp quản ngay sau khi ngân hàng bị đổ vỡ, DICJ sẽ phải đứng ra thành lập một ngân hàng bắc cầu. Chức năng của ngân hàng bắc cầu là tạm thời tiếp nhận, quản lý và duy trì hoạt động của tổ chức tài chính bị đổ vỡ bằng một

ban điều hành mới do DICJ chỉ định cho đến khi đưa ra giải pháp xử lý cuối cùng nhằm tránh rủi ro hệ thống.

Hình 2.2: Ngân hàng bắc cầu



PHỤ LỤC 03: Hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

2.2.1. Hoạt động của BHTG trước khi có Luật BHTG

Cơ sở pháp lý chủ yếu cho hoạt động BHTGVN:

Văn bản	Nội dung
Nghị định số 89/1999/NĐ-CP, ngày 01/9/1999 của Chính phủ	BHTG
Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg, ngày 09/11/1999 của Thủ tướng Chính phủ	Thành lập BHTGVN
Thông tư số 03/TT-NHNN5, ngày 16/3/2000 của NHNNVN	Hướng dẫn thi hành Nghị định số 89
Quyết định số 75/2000/QĐ-TTg, ngày 28/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN
Quyết định số 88/2001/NĐ-CP ngày 28/6/2013 của Chính phủ	Chế độ tiền lương và phụ cấp đối với cán bộ viên chức BHTGVN
Nghị định số 109/2005/NĐ-CP, ngày 24/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89 về BHTG
Thông tư số 03/2006/TT-NHNN, ngày 25/4/2006 của NHNNVN	Hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 89 và Nghị định số 109
Quyết định số 13/2008/QĐ-TTg, ngày 18/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ	Ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với BHTGVN

Các chính sách của BHTG trước khi có Luật BHTG:

Chính sách	Nội dung
Tham gia BHTG	Bắt buộc
Tiền gửi được bảo hiểm	Tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VNĐ)
Người được BHTG	- Từ khi thành lập đến năm 2004 (Nghị định 89): Cá nhân

	- Từ năm 2005 đến năm 2012 (Nghị định 109) là: Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh gửi tại TCTG BHTG
TCTG BHTG	Các TCTD và tổ chức không phải là TCTD được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Các TCTD có nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân.
Tiền gửi không được bảo hiểm	Tiền gửi của người gửi tiền là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu của TCTG BHTG đó; Tiền gửi của người gửi tiền là thành viên HĐQT, BKS, TGD (GD), Phó TGD (PGD) của TCTG BHTG đó; Tiền gửi dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người gửi tiền; Tiền mua các giấy tờ có giá, trừ một số giấy tờ có giá theo hướng dẫn của NHNN.
Hạn mức trả tiền bảo hiểm	- Từ khi thành lập đến năm 2004 (Nghị định 89): 30 triệu đồng/ 01 người/ 01 TCTG BHTG. - Từ năm 2005 đến năm 2012 (Nghị định 109): 50 triệu đồng/ 01 người/ 01 TCTG BHTG.
Phí BHTG	0,15% năm trên tổng số dư tiền gửi bình quân được bảo hiểm
Giám sát	Giám sát rủi ro
Kiểm tra	Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG và quy định về an toàn.
Hỗ trợ tài chính	BHTGVN xem xét hỗ trợ tài chính khi TCTG BHTG có nguy cơ mất khả năng chi trả nhưng chưa bị kiểm soát đặc biệt, đồng thời phải có xác nhận của NHNN về khả năng gây ra bất ổn hệ thống dưới các hình thức cho vay, bảo lãnh, mua lại nợ và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật

Đầu tư nguồn vốn nhân rồi	- Từ khi thành lập đến năm 2004 (Nghị định 89): Gửi tiền tại Kho bạc Nhà nước, NHNN hoặc các NHTM Nhà nước, các NHTM cổ phần được NHNN xếp loại A. Mua trái phiếu Chính phủ; trái phiếu, tín phiếu NHNN của NHTM Nhà nước hoặc NHTM cổ phần được xếp loại A. - Từ năm 2005 đến năm 2012 (Nghị định 109): Gửi tiền tại Kho bạc Nhà nước, NHNN hoặc các NHTM Nhà nước, các NHTM cổ phần được NHNN xếp loại A.
---------------------------	---

Các hoạt động chính của BHTGVN trước khi có Luật BHTG:

2.1.2. Phí bảo hiểm tiền gửi

**** Công thức tính phí BHTG định kỳ hàng quý:***

$$P = \frac{\frac{S0+S3}{2} + S1 + S2}{3} \times \frac{0,15}{100 \times 4}$$

Trong đó:

- P là số phí bảo hiểm phải nộp trong quý;
- S0 là số dư tiền gửi được bảo hiểm đầu quý thu phí;
- S1, S2, S3 là số dư tiền gửi được bảo hiểm ở cuối các tháng tương ứng trong quý;
- $\frac{0,15}{100 \times 4}$ là mức phí BHTG phải nộp.

Cơ sở pháp lý chủ yếu cho hoạt động BHTG hiện nay

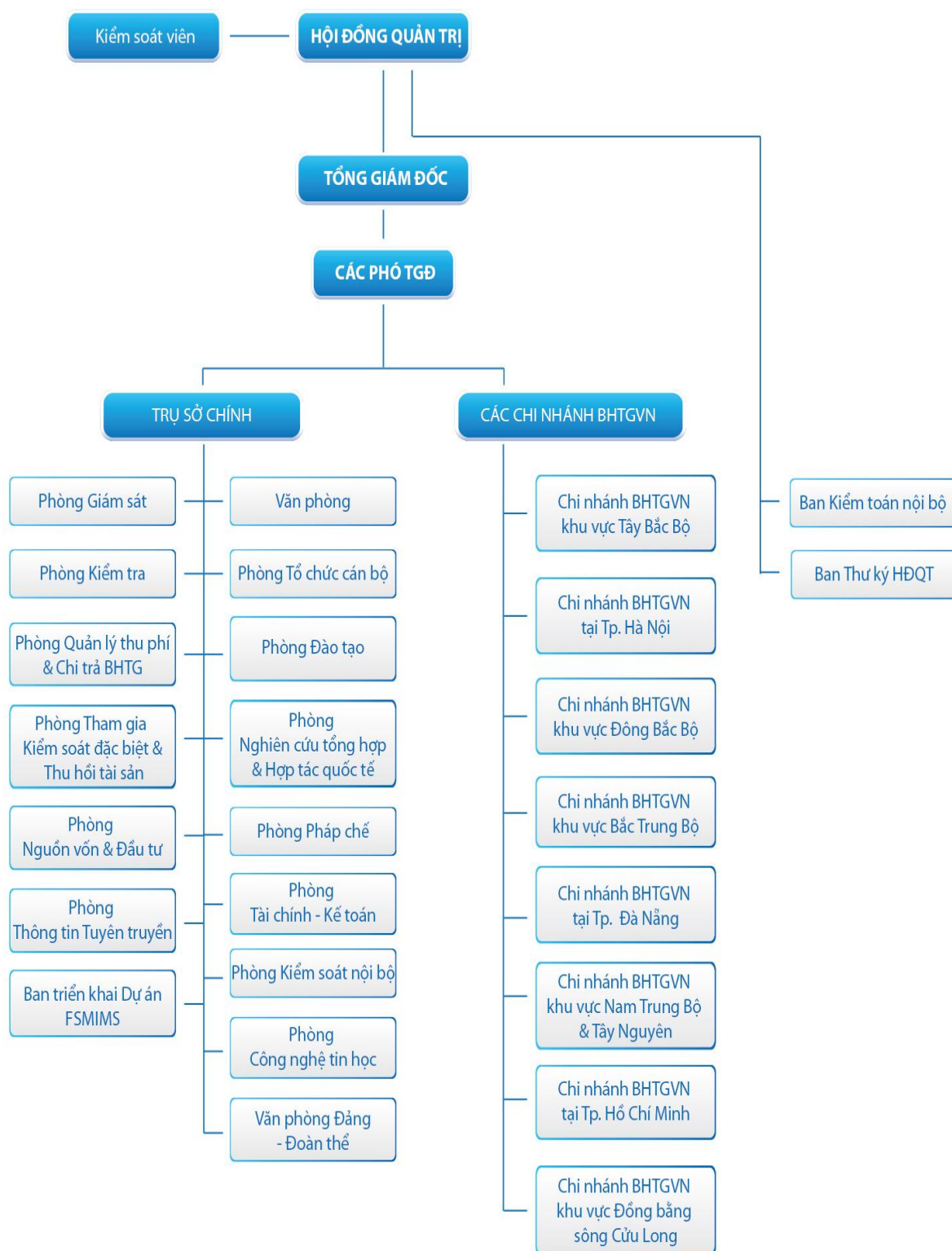
Văn bản	Nội dung
Luật BHTG số 06/2012/QH13 của Quốc hội ngày 18/6/2012 và có hiệu lực từ ngày 01/01/ 2013	Quy định về hoạt động BHTG, quyền và nghĩa vụ của người được BHTG, TCTG BHTG và quản lý Nhà nước về BHTG
Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28/6/2013 của Chính phủ	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BHTG
Quyết định số 1394/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Về việc thành lập BHTGVN và quy định chức năng, nhiệm vụ của BHTGVN
Quyết định số 1395/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN
Quyết định số 3090/QĐ-NHNN ngày 31/12/ 2013 của Thống đốc NHNN	Về cơ cấu tổ chức BHTGVN
Thông tư số 41/2014/TT-BTC ngày 8/4/2014; Thông tư số 312/2016/TT-BTC ngày / /2016 của Bộ Tài chính	Quy định chế độ tài chính đối với BHTGVN
Thông tư số 24/2014/TT-NHNN, ngày 9/9/2014 của NHNN	Hướng dẫn một số nội dung về hoạt động BHTG
Quyết định số 527/QĐ-TTg ngày 1/4/2016 ban hành kèm theo Quyết định 1395/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ.	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức và hoạt động BHTGVN
Thông tư 32/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/ 2016 của Bộ Lao động–Thương binh và Xã hội	Hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với BHTGVN
Thông tư số 34/2016/TT-NHNN ngày 28/12/ 2016 của NHNN	Quy định việc cung cấp thông tin giữa NHNNVN và BHTGVN

Chính sách về BHTG hiện hành

Chính sách	Nội dung
Tham gia BHTG	Bắt buộc.
Tiền gửi được bảo hiểm	Tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
Người được BHTG	Cá nhân.
TCTG BHTG	Ngân hàng hợp tác xã, QTDND, tổ chức tài chính vi mô và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các TCTD (trừ Ngân hàng chính sách không phải tham gia BHTG).
Hình thức tiền gửi	Tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của Luật các TCTD; Trừ các loại tiền gửi quy định tại Điều 19 của Luật BHTG.
Tiền gửi không được bảo hiểm	Tiền gửi tại TCTD của cá nhân là người sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính TCTD đó; Tiền gửi tại TCTD của cá nhân là thành viên Hội đồng thành viên, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD (GD), Phó TGD (PGD) của chính TCTD đó; tiền gửi tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài của cá nhân là TGD (GD), Phó TGD (PGD) của chính chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó; Tiền mua các giấy tờ có giá vô danh do TCTG BHTG phát hành.
Hạn mức trả tiền bảo hiểm	75 triệu đồng/01 người/01 TCTG BHTG (Thủ tướng Chính phủ quy định theo đề nghị của NHNN từng thời kỳ).

Phí BHTG	0,15% năm trên tổng số dư tiền gửi bình quân được bảo hiểm (Thủ tướng Chính phủ quy định khung phí, NHNN quy định mức phí trên cơ sở kết quả phân loại TCTG BHTG.
Giám sát	Tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin về TCTG BHTG nhằm phát hiện và kiến nghị NHNN xử lý kịp thời những vi phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng.
Kiểm tra	Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về BHTG, để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị NHNN xử lý.
Tham gia KSDB	Tham gia vào quá trình KSDB đối với các TCTG BHTG theo quy định của NHNN.
Đầu tư nguồn vốn nhân rồi	Mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN.

Sơ đồ 2: Sơ đồ bộ máy tổ chức BHTGVN hiện nay⁽²⁾:



(2) div.gov.vn

2.2.3 Trả tiền bảo hiểm:

**Biểu 2.2.3: Số QTDND và số sổ tiết kiệm đã được BHTGVN chi trả
(từ năm 2000 - 2016)**

STT	Năm	Số QTDND được chi trả	Số sổ được chi trả	Số người được chi trả	Số tiền được chi trả (1.000 đ)
1	2001	21	1,047	817	6,432,415
2	2002	8	618	416	6,747,775
3	2003	2	73	67	1,068,140
4	2004	2	177	124	2,089,495
5	2007	1	19	16	477,058
6	2008	2	116	69	1,606,504
7	2009	1	13	10	372,323
8	2011	1	112	103	3,044,812
9	2013	1	171	206	4,939,966
	CỘNG	39	2,346	1,826	26,778,488

**Nguồn: Kỷ yếu 15 năm thành lập và phát triển BHTGVN*

Bảng 2.2.4: Số lượt kiểm tra theo các năm

Loại hình Năm	Ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô	QTDND	Tổng số
2005	31	96	127
2006	23	53	76
2007	26	236	262
2008	38	179	217
2009	29	251	280
2010	45	249	294
2011	31	264	295
2012	41	252	293
2013	34	307	341
2014	49	350	399
2015	41	356	397
2016	44	419	463
Tổng số	432	3,012	3,444

** Nguồn Phòng Kiểm tra BHTGVN*

Biểu 2.6.1: Tổng hợp QTDND có vấn đề giai đoạn (2010-2016)
(Số liệu tính đến tháng 10/2016)

S TT	Chi nhánh BHTGVN (quản lý QTDND)	Tình trạng KSDB			Số cán bộ BHTGVN tham gia Ban KSDB	Số tiền BHTGVN dự kiến chi trả (ĐVT: trđ)	Ghi chú
		Số QTDND bị KSDB	Số QTDND bị KSDB (<i>BHTGVN tham gia BKSD</i>)	Số QTDND thuộc diện KSDB nhưng chưa bị KSDB			
1	Chi nhánh tại TP Hà nội	8	7	5	9	250.383	
2	Chi nhánh Đông Bắc Bộ	2	2	5	2	24.221	
3	Chi nhánh Bắc Trung Bộ	2	2	1	6	9.026	
4	Chi nhánh Nam Trung bộ và TN	0	0	2	0	19.223	
5	Chi nhánh tại TP HCM	4	4	6	5	86.222	
6	Chi nhánh ĐBSCL	3	3	4	3	1.954	
	Tổng	19	18	23	25	391.029	

* Nguồn: Báo cáo BHTGVN năm 2016

Biểu 2.6.2: Tổng hợp kết quả thanh lý

TTT	Nội dung	Tổng số	Hội đồng thanh lý tham gia				Mới chi trả (chưa thu hồi)*
			Đã trả hết	Xóa nợ	Chờ xóa nợ	Đang thu hồi	
1	Số QTDND	39	5	27	2	4	1
2	Số tiền phải trả cho BHTG	26.778.512	4.316.853	12.301.759	625.210	4.594.690	4.940.000
3	Số tiền đã hoàn trả	9.388.667	4.316.853	2.081.759	432.500	2.557.555	0
4	Số tiền xóa nợ	10.220.000	0	10.220.000	0	0	0
5	Số còn phải trả cho BHTGVN	7.169.845	0	0	192.710	2.037.135	4.940.000

Ghi chú: * QTD Trần cao mới chi trả 01 đợt (chưa thực hiện thanh lý)

(Nguồn: Báo cáo năm của BHTGVN)*

PHỤ LỤC 04. Điều chỉnh hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi phù hợp

Điều chỉnh hạn mức chi trả sau khi có Luật BHTG:

Đã có rất nhiều đề xuất từ các chuyên gia, các NHTM và từ chính BHTGVN về việc nâng hạn mức chi trả BHTG. Hạn mức chi trả BHTG được đề xuất phổ biến vào khoảng 200-250 triệu đồng, với hạn mức đó sẽ bảo hiểm toàn bộ được cho khoảng trên 90% người gửi tiền và tương đương khoảng 4,5-5,5 lần GDP bình quân đầu người tại năm 2016.

Điều bất ngờ là trong dự thảo điều chỉnh mới nhất, NHNN đã đưa ra hạn mức chi trả quá thấp so với đề xuất của giới chuyên môn. Sự chênh lệch này chưa được NHNN thuyết minh nhưng có thể đến từ những khó khăn sau:

Thứ nhất, nguồn lực của BHTGVN hiện không cho phép áp dụng một hạn mức chi trả cao. Hạn mức chi trả càng cao sẽ càng làm tăng rủi ro vỡ quỹ BHTG nếu phải thực hiện nghĩa vụ chi trả. Tổng tài sản của BHTGVN đến cuối tháng 12-2016 đạt 33.048 tỉ đồng, quỹ dự phòng nghiệp vụ chi trả đạt 23.200 tỉ đồng. Số tiền này không lớn so với quy mô huy động vốn của một ngân hàng. BHTGVN cần có thời gian nhiều hơn để tích lũy nguồn thu phí từ các TCTD, tích lũy các khoản lãi đầu tư và tăng nguồn thu phí bằng cách chuyển đổi cách tính phí dựa trên mức độ rủi ro của TCTD.

Thứ hai, vai trò của cơ quan BHTG không chỉ đơn giản là trả tiền cho người gửi tiền sau khi ngân hàng bị đổ vỡ. Quan trọng hơn là cơ quan BHTG phải thực sự giám sát, chấn chỉnh được các TCTD trước khi TCTD đổ vỡ. Thực tế việc chuyển đổi này đòi hỏi thời gian nghiên cứu và chuẩn bị kỹ lưỡng, lâu dài (như BHTG Mỹ mất 59 năm để chuyển đổi từ cách tính phí đồng hạng sang cách tính phí theo rủi ro). Việc xếp hạng và áp dụng mức phí khác nhau giữa các TCTD cũng rất nhạy cảm, nếu làm không khéo sẽ tạo tâm lý bất ổn cho người gửi tiền. Đây là một thách thức lớn mà BHTGVN đã nhìn ra từ nhiều năm trước nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết được.

Đến thời điểm hiện tại, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 21/2017/QĐ-TTg, ngày 15/6/2017 về hạn mức trả tiền bảo hiểm, quyết định này có hiệu lực vào ngày 05/8/2017. Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm theo quy định của Luật BHTG (gồm cả gốc và lãi) của một cá nhân tại một TCTG BHTG tối đa là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

PHỤ LỤC 05. Yêu cầu, mục tiêu và định hướng từ BHTG Việt Nam

Định hướng về hoạt động hỗ trợ hậu cần

Trên cơ sở nền tảng pháp lý mới về BHTG, nghiên cứu xây dựng một cách đồng bộ các quy chế, quy trình nội bộ điều chỉnh toàn bộ các mảng hoạt động trọng yếu của BHTGVN. Phân định rõ ràng thẩm quyền, trách nhiệm và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp quản lý, các đơn vị trong toàn hệ thống BHTGVN. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy kiểm soát, kiểm toán nội bộ; coi đây là bộ lọc ngay từ khâu tác nghiệp, đảm bảo an toàn cho hoạt động của BHTGVN. Sử dụng tốt nhất sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các dự án đang được triển khai để thực hiện mục tiêu phát triển chung của tổ chức.

Xây dựng bộ máy tổ chức gắn với chức năng nhiệm vụ của BHTGVN trong từng thời kỳ; nghiên cứu hướng đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ có năng lực, đạo đức, gắn bó với tổ chức tạo thế hệ tiếp nối cho BHTGVN phát triển bền vững. Hơn 16 năm qua, BHTGVN đã có nhiều bước phát triển tích cực, tạo dấu ấn trong hoạt động ngân hàng, song cũng có không ít thăng trầm, khó khăn thử thách. Hơn lúc nào hết, đây là thời điểm thích hợp để BHTGVN xác định một định hướng chiến lược phát triển ổn định, bền vững; làm nền tảng cho những thành công của tổ chức trong tương lai.